



HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÁC HÀNH ĐỘNG GIẢM NHE KHÍ NHÀ KÍNH PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN QUỐC GIA (NAMA)



NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT
XÂY DỰNG CÁC HÀNH ĐỘNG
GIẢM NHẹ KHÍ NHÀ KÍNH
PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN QUỐC GIA (NAMA)**

**NHÀ XUẤT BẢN TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM
HÀ NỘI – 2013**

Hướng dẫn kỹ thuật xây dựng các hành động giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) được Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, với sự tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật của Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) thông qua Dự án “Tăng cường năng lực quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm giảm nhẹ tác động và kiểm soát phát thải khí nhà kính” (CBCC).

Tài liệu này có thể được sao chép một phần nội dung phục vụ cho mục đích đào tạo, nghiên cứu khoa học và/hoặc tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, với điều kiện phải ghi rõ là nội dung đó được trích dẫn từ ấn phẩm này.

LỜI GIỚI THIỆU



Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn đối với nhân loại trong thế kỉ 21. Sự phát thải quá mức khí nhà kính từ các hoạt động kinh tế - xã hội là nguyên nhân chính dẫn đến biến đổi khí hậu toàn cầu. Giảm phát thải khí nhà kính luôn là chủ đề chính của đàm phán tại Hội nghị các bên của Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Nghị định thư Kyoto năm 1997 đã quy định mục tiêu cắt giảm phát thải cụ thể đối với các nước phát triển. Đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, mặc dù không có nghĩa vụ giảm phát thải định lượng, nhưng cũng cần đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải chung toàn cầu để có thể giữ nhiệt độ trái đất vào cuối thế kỷ tăng không quá 2°C so với thời kỳ tiền công nghiệp.

Năm 2007 tại Bali, Indonesia, khái niệm về các hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) được xác định trong Kế hoạch hành động Bali và sau đó được chính thức hóa trong Thỏa thuận Copenhagen năm 2009. NAMA là một khái niệm tương đối mới và được hiểu như là một công cụ để các nước đang phát triển có thể thực hiện các biện pháp giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia và phát triển bền vững đất nước với sự hỗ trợ của các nước phát triển về kỹ thuật, tài chính và tăng cường năng lực.

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao là cơ quan đầu mối, chủ trì hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương thực hiện hiệu quả các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã giao Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường phối hợp với Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) xây dựng tài liệu "*Hướng dẫn kỹ thuật xây dựng các*

hành động giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA)".

Tài liệu này cung cấp những thông tin cơ bản về NAMA, các bước xây dựng và thực hiện NAMA, các nguồn tài chính có thể được tiếp cận cho việc thực hiện NAMA ở Việt Nam và kinh nghiệm của các nước trên thế giới trong xây dựng và thực hiện NAMA.

Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng giới thiệu tài liệu ***"Hướng dẫn kỹ thuật xây dựng các hành động giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA)"*** để các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức tham khảo trong việc xây dựng, triển khai thực hiện các giải pháp hiệu quả giảm nhẹ khí nhà kính phục vụ mục tiêu phát triển bền vững đất nước.



Nguyễn Minh Quang
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....	ii
MỤC LỤC.....	iv
DANH MỤC BẢNG BIỂU	viii
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	x
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	xii
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NAMA	1
1.1. SỰ HÌNH THÀNH NAMA.....	1
1.2. KHÁI NIỆM VỀ NAMA.....	3
1.3. CÁC HÌNH THỨC NAMA.....	4
1.4. SO SÁNH NAMA VỚI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THEO HƯỚNG CÁC-BON THẤP	7
1.5. SO SÁNH NAMA VÀ CÁC CƠ CHẾ CÁC-BON.....	9
CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NAMA	17
2.1. CÁC BƯỚC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NAMA.....	17
2.1.1. Giai đoạn xây dựng và đề xuất NAMA	21
2.1.2. Giai đoạn thực hiện NAMA và tiến hành MRV	30
2.2. CÁC VĂN BẢN KÈM THEO KHI XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NAMA.....	32
2.2.1. Bản tóm lược thông tin về đề xuất NAMA.....	32
2.2.2. Đề cương tổng quát đề xuất NAMA	32
2.2.3. Đề cương chi tiết đề xuất NAMA	32
2.2.4. Các báo cáo Giám sát, Báo cáo và Thẩm định	33
2.3. XÂY DỰNG NAMA TỪ VIỆC NÂNG CẤP CÁC DỰ ÁN CDM	34

CHƯƠNG 3. ĐO ĐẠC, BÁO CÁO VÀ THẨM ĐỊNH (MRV) ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NAMA	39
3.1. GIỚI THIỆU VỀ MRV CHO NAMA	39
3.2. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN	41
3.2.1. Tiến hành MRV cho NAMA theo thỏa thuận song phương giữa nước sở tại và nước hỗ trợ tài chính	42
3.2.2. Tiến hành MRV cho NAMA theo quy định của UNFCCC.....	46
3.3. CHỈ SỐ GIÁM SÁT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	51
3.3.1. Các thể chế và quy trình xây dựng chỉ số giám sát phát triển bền vững	51
3.3.2. Các chỉ số giám sát phát triển bền vững	52
3.4. MRV CHO NAMA CHÍNH SÁCH	53
3.5. XÂY DỰNG ĐƯỜNG PHÁT THẢI CƠ SỞ.....	58
CHƯƠNG 4. TÀI CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NAMA	61
4.1. CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH CHO NAMA	62
4.2. CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH CHO NAMA Ở VIỆT NAM	65
4.2.1. Ngân sách chính phủ.....	65
4.2.2. Các nguồn vốn song phương và đa phương.....	66
4.2.3. Nguồn tài chính tư nhân.....	73
4.3. CÁC RÀO CẢN VÀ RỦI RO TRONG VIỆC HỖ TRỢ VÀ THU HÚT VỐN CHO NAMA.....	74
4.4. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CHO VIỆC THỰC HIỆN NAMA	76
4.4.1. Bảo lãnh rủi ro tín dụng từng phần	77
4.4.2. Các tài khoản dự trữ chi trả nợ	77
4.4.3. Gia hạn kì hạn cho vay	78
4.4.4. Đồng tài trợ với ngân hàng	78
4.4.5. Tập hợp nhiều dự án nhỏ cùng mục đích.....	78
4.4.6. Đầu tư cho chi phí chuyển đổi để thực hiện NAMA	79

4.5. CÁC TIÊU CHUẨN ĐỀ NAMA CÓ THỂ ĐƯỢC HỖ TRỢ TÀI CHÍNH.....	80
KẾT LUẬN.....	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	87
PHỤ LỤC A. MỘT SỐ VÍ DỤ VỀ ĐỀ XUẤT VÀ ĐĂNG KÝ NAMA.....	91
A. 1. MẪU ĐỀ CƯƠNG TỔNG QUÁT ĐỀ XUẤT NAMA.....	91
A. 2. MẪU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT ĐỀ XUẤT NAMA	92
A. 3. MẪU ĐỀ XUẤT NAMA CỦA RISØE.....	95
A. 4. CÁC MỤC CỦA TRANG MẠNG ĐĂNG KÝ NAMA CỦA UNFCCC	99
A. 5. THÔNG TIN VỀ CÁC NGUỒN TÀI TRỢ CHO HOẠT ĐỘNG GIẢM NHẸ KNK TẠI CÁC QUỐC GIA.....	100
PHỤ LỤC B. KINH NGHIỆM XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NAMA TRÊN THẾ GIỚI.....	107
B.1. CÁC ĐỀ XUẤT NAMA ĐÃ NỘP LÊN UNFCCC	107
B.1.1. Tính đến năm 2011	107
B.1.2. Tính đến năm 2012	107
B.1.3. Danh sách các quốc gia đã nộp đề xuất NAMA lên Ban thư ký UNFCCC (cho đến năm 2011)	109
B.1.4. Danh sách đề cương tổng quát, đề cương chi tiết và các NAMA đang được thực hiện.....	110
B.1.5. Một số ví dụ về NAMA.....	120
B.2. THỰC TRẠNG CÁC NAMA NHẬN ĐƯỢC HỖ TRỢ QUỐC TẾ.....	123
B.2.1. Thực trạng NAMA nhận được hỗ trợ quốc tế.....	124
B.2.2. Tổng quan về sự phát triển NAMA theo khu vực và các sáng kiến hỗ trợ quốc tế	128
B.2.3. Các đề xuất NAMA phân bổ theo lĩnh vực.....	129

B.3. QUAN ĐIỂM VỀ NAMA CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN	130
B.4. BÀI HỌC KINH NGHIỆM	132
PHỤ LỤC C. HIỆN TRẠNG NGHIÊN CỨU VÀ THỰC HIỆN NAMA Ở VIỆT NAM	135
C.1. CÁC DỰ ÁN CHUẨN BỊ CHO NAMA ĐANG ĐƯỢC TRIỂN KHAI Ở VIỆT NAM	135
C.2. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NAMA Ở VIỆT NAM	138
C.2.1. Mục tiêu giảm nhẹ KNK.....	139
C.2.2. Các chiến lược liên quan đến giảm nhẹ BĐKH.....	140
C.2.3. Các chính sách và chương trình liên quan đến giảm nhẹ KNK	142
C.2.4. Tiềm năng xây dựng dự án NAMA	144
C.3. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG THỰC HIỆN NAMA Ở VIỆT NAM	154
C.3.1. Những cơ hội	154
C.3.2. Những thách thức.....	155
C.4. MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH PoA CỦA VIỆT NAM.....	156

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Ví dụ về các loại NAMA	5
Bảng 2. Sự khác biệt giữa NAMA và CDM	11
Bảng 3. Khung xây dựng NAMA do một số tổ chức quốc tế đề xuất	18
Bảng 4. Câu hỏi về sự phù hợp với NAMA của các hoạt động PoA.....	35
Bảng 5. Một số các chỉ số có thể sử dụng trong giám sát mục tiêu phát triển bền vững	54
Bảng 6. Chỉ tiêu để đo đạc và báo cáo cho các NAMA chính sách.....	57
Bảng 7. Các nguồn tài chính tương ứng với từng loại NAMA	62
Bảng 8. Tỷ lệ đầu tư tài chính cho các hoạt động giảm nhẹ BĐKH trên thế giới	63
Bảng PLB.1. Ví dụ về một số NAMA theo tiến độ xây dựng và thực hiện	126
Bảng PLB.2. Tổng quan các quan điểm về NAMA của một số nước đang phát triển	134
Bảng PLC.1. Kết quả kiểm kê KNK quốc gia năm 2000 theo ngành... ..	144
Bảng PLC.2. Ví dụ về tiềm năng NAMA của Việt Nam.....	146
Bảng PLC.3. Chiến lược, chương trình và kế hoạch phát triển năng lượng đồng thuận với mục tiêu giảm nhẹ KNK	147
Bảng PLC.4. Tiềm năng và chi phí giảm nhẹ KNK trong lĩnh vực năng lượng	152
Bảng PLC.5. Tiềm năng và chi phí giảm nhẹ KNK trong lĩnh vực nông nghiệp.....	153
Bảng PLC.6. Tiềm năng và chi phí giảm nhẹ KNK trong lĩnh vực LULUCF	153

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. Sự hình thành NAMA.....	1
Hình 2. NAMA trong bối cảnh chiến lược phát triển nền kinh tế theo hướng phát thải thấp.....	9
Hình 3. Cơ chế CDM.....	11
Hình 4. Cấu trúc các dự án CDM.....	12
Hình 5. Khung xây dựng và thực hiện NAMA.....	21
Hình 6. Sơ đồ về chức năng của Trang mạng đăng ký NAMA của UNFCCC.....	28
Hình 7. Các bước xây dựng hệ thống MRV cho NAMA.....	31
Hình 8. Quy trình MRV cho NAMA đơn phương.....	47
Hình 9. Quy trình MRV cho NAMA nhận sự hỗ trợ quốc tế.....	47
Hình 10. Các nguồn tài chính cho NAMA.....	64
Hình 11. Các bước để tiếp nhận tài trợ từ GEF.....	70
Hình PLB.1. Phân loại theo lĩnh vực các NAMA đã được đề xuất lên UNFCCC.....	108
Hình PLB.2. Số lượng NAMA theo tiến độ xây dựng và thực hiện.....	125
Hình PLB.3. Các đề xuất NAMA phân bố theo khu vực.....	128

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADB	Asia Development Bank Ngân hàng Phát triển Châu Á
AF	Adaptaion Fund Quỹ thích ứng với BĐKH
AFD	Agency of France Development Cơ quan Phát triển Pháp
APRCC	National Action Plan on Climate Change Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu
AusAID	Australia Support Agency for International Development Cơ quan Hỗ trợ phát triển quốc tế Australia
BAP	Bali Action Plan Kế hoạch hành động Bali
BAU	Business-As-Usual Phát triển như bình thường
BĐKH	Biến đổi khí hậu
Bộ KHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BUR	Biennial Update Report Báo cáo cập nhật hai năm một lần
CCAP	Center for Clean Air Policy Trung tâm Chính sách Không khí sạch
CDM	Clean Development Mechanism Cơ chế Phát triển sạch
CERs	Certified Emissions Reduction Lượng giảm phát thải được chứng nhận
CCF	Climate Change Fund Quỹ Biến đổi khí hậu của Ngân hàng Phát triển châu Á

CEF	Clean Energy Fund Quỹ Năng lượng sạch của ADB
CFU	Carbon Finance Unit Cơ quan Tài chính Các-bon của Ngân hàng thế giới
CIDA	Canada International Development Agency Cơ quan Phát triển quốc tế Canada
CIF	Climate Investment Fund Quỹ Đầu tư khí hậu
CIP	Country Investment Program Chương trình Đầu tư Quốc gia
CLTTX	Vietnam Green Growth Strategy Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh của Việt Nam
COP	Conference of the Parties Hội nghị các bên về BĐKH
CTF	Clean Technology Fund Quỹ Công nghệ sạch của Ngân hàng thế giới
DECC	Department of Energy and Climate Change Cục Năng lượng và Biến đổi khí hậu của Vương Quốc Anh
DKTI	German Climate and Technology Initiative Sáng kiến Công nghệ Khí hậu của Đức
EU	European Union Cộng đồng châu Âu
FAO	Food and Agriculture Organization Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc
FITs	Feed-in Tariffs Hỗ trợ Phát triển Năng lượng Tái tạo
GCCA	Global Climate Change Alliance Liên minh Biến đổi khí hậu toàn cầu của Liên minh châu Âu
GCF	Green Climate Fund

	Quỹ Khí hậu xanh
GEF	Global Environmental Fund
	Quỹ Môi trường Toàn cầu
GIZ	The Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit
	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức
ICA	International Consultation and Analysis
	Tư vấn và Phân tích Quốc tế (ICA)
IFC	International Climate Fund
	Quỹ biến đổi khí hậu quốc tế
IPCC	Inter-governmental Panel on Climate Change
	Ban liên Chính phủ về BĐKH
JICA	Japan International Cooperation Agency
	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
KNK	Khí nhà kính
KOICA	Korea International Cooperation Agency
	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc
LCD	Low-Carbon Development
	Phát triển các-bon thấp
LEAP	The Long-range Energy Alternatives Planning System
	Hệ thống hoạch định các phương án năng lượng trong dài hạn
LEDS	Low Emission Development Strategy
	Chiến lược phát triển theo hướng phát thải thấp
LULUCF	Land Use, Land Use Change and Forestry
	Sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và rừng
MAIN	Mitigation Action Implementation Network
	Mạng lưới thực hiện các hoạt động giảm nhẹ
MAPS	Mitigation Action Plans and Scenarios
	Kế hoạch hành động và kịch bản giảm nhẹ
MEAs	Multilateral Environmental Agreements
	Hiệp định đa phương về môi trường

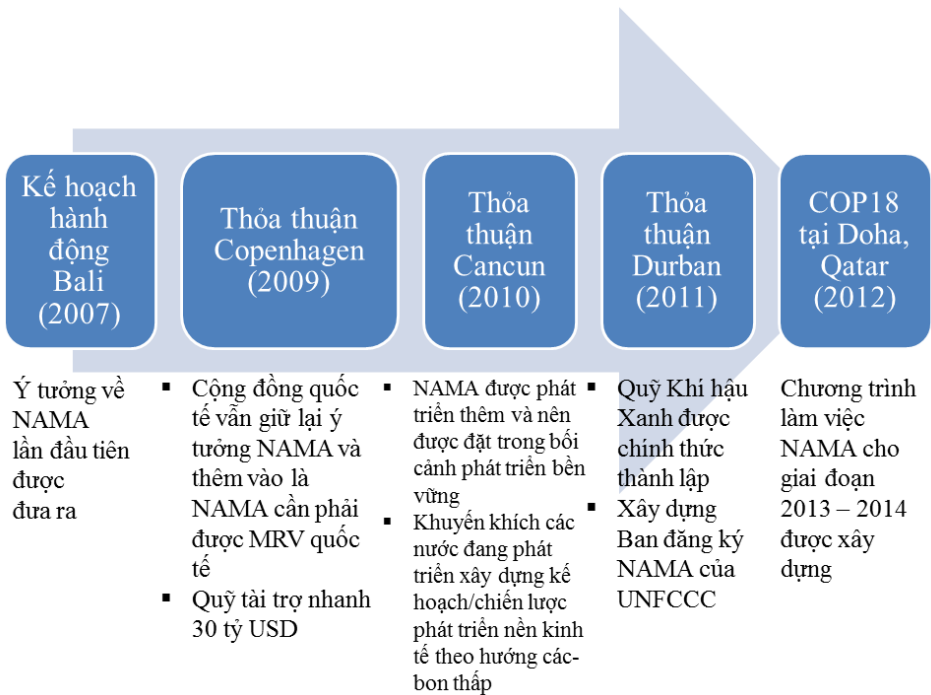
MRV	Measurement, Reporting and Verification Đo đạc, Báo cáo và Thẩm định
NAMA	Nationally Appropriate Mitigation Actions Các hành động giảm nhẹ phù hợp với điều kiện quốc gia
NTP-RCC	National Target Programme to Respond to Climate Change Chương trình Mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu
PoA	Programme of Activities Chương trình các hoạt động giảm nhẹ KNK
PPIAF	Public and Private Infrastructure Advisory Fund Quỹ tư vấn Cơ sở hạ tầng công tư của Ngân hàng thế giới
PPP	Public Private Partnership Chương trình Hợp tác Công tư
RCREEE	Regional Center for Renewable Energy and Energy Efficiency Trung tâm Năng lượng tái tạo và Hiệu quả năng lượng
REDD	Reducing Emissions from Deforestation and Forest Degradation in developing countries Giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng tại các nước đang phát triển
SARI	South African Renewables Initiative Chương trình năng lượng tái tạo Nam Phi
SBI	Subsidiary Body for Implementation Ban hỗ trợ thực hiện
SBSTA	Subsidiary Body for Scientific and Technological Advice Cơ quan Bổ trợ về Tư vấn Khoa học và Công nghệ cho UNFCCC
SCF	Strategic Climate Fund

SECCI	Quỹ Khí hậu Chiến lược Sustainable Energy and Climate Change Initiative of the Inter-American Bank Sáng kiến Năng lượng Bền vững và Biến đổi khí hậu của Ngân hàng liên châu Mỹ
SP-RCC	Support Program for Respond to Climate Change Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu
STAB	Scientific and Technology Advisory Board Ban Tư vấn khoa học và Kỹ thuật
UNDP	United Nations Development Programme Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
UNEP	United Nations Environment Program Chương trình Môi trường Liên hợp quốc
UNFCCC	United Nations Framework Convention on Climate Change Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH
UNIDO	United Nations Industrial Development Organization Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hợp quốc
UBND	Ủy ban Nhân dân
WB	World Bank Ngân hàng Thế giới
WBI	World Bank Institute Viện nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NAMA

1.1. SỰ HÌNH THÀNH NAMA

Từ Hội nghị lần thứ 13 các Bên thuộc Công ước khung Liên Hợp quốc về Biến đổi khí hậu năm 2007 (COP 13 ở Bali, Indonesia) thế giới đã hình thành một hướng tiếp cận mới về giảm nhẹ KNK đối với các nước đang phát triển, được gọi là **“các hoạt động giảm nhẹ KNK phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA)”**.



Hình 1. Sự hình thành NAMA

Khái niệm NAMA được đưa ra trong Kế hoạch hành động Bali (BAP) năm 2007 và tiếp tục được đàm phán trong Hội nghị Copenhagen (2009), Cancun (2010), Durban (2011) và Doha (2012). Khoản 1 (b) (ii) của BAP nêu rõ rằng các nước đang phát triển nên tham gia vào quá trình giảm nhẹ KNK và sẽ được nhận hỗ

trợ về kỹ thuật và tài chính và tăng cường năng lực từ các nước phát triển.

“- Tăng cường các hành động quốc gia/quốc tế về giảm nhẹ BĐKH, bao gồm:

i. (...)

ii. *Hành động giảm nhẹ KNK phù hợp với điều kiện quốc gia của các nước đang phát triển trong bối cảnh phát triển bền vững, được hỗ trợ và tăng cường tài chính, công nghệ và xây dựng năng lực, theo cách có thể đo đạc, báo cáo và thẩm định được.”*

Các hành động giảm nhẹ BĐKH của các nước đang phát triển là khác với các nước phát triển. Các nước phát triển phải giảm phát thải KNK nhằm thực hiện cam kết theo Nghị định thư Kyoto. Các hành động giảm nhẹ BĐKH của các nước đang phát triển được thực hiện dựa trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với điều kiện từng quốc gia và được hỗ trợ của các nước phát triển về công nghệ, tài chính và tăng cường năng lực (Bockel và NNK, 2011).

Kết quả chính của COP15 là Thỏa thuận Copenhagen, trong đó mục tiêu là giữ cho nhiệt độ toàn cầu và cuối thế kỷ không tăng quá 2°C so với thời kỳ tiền công nghiệp để tránh sự thay đổi khí hậu đột ngột. Thỏa thuận Copenhagen cũng khuyến khích các nước đang phát triển báo cáo về NAMA trong Thông báo Quốc gia, tuy nhiên, chỉ có một số ít các nước đang phát triển thực hiện đề xuất này (Bockel và NNK, 2011).

Mặc dù được kỳ vọng tại Lộ trình Bali, COP15 lại không đạt được một thỏa thuận toàn cầu về NAMA và tất cả các bên đã đồng ý cần có quá trình tiếp tục thảo luận về NAMA. Ngoài ra, cộng đồng quốc tế cho rằng NAMA cần được thực hiện theo cách có thể đo đạc, báo cáo và thẩm định được (Bockel và NNK, 2011).

COP16 đánh giá những nỗ lực giảm nhẹ BĐKH ở các nước đang phát triển đã đạt được một tiến bộ đáng kể. Vị trí của NAMA đã được tăng cường trong Thỏa thuận Cancun, với việc thừa nhận rằng NAMA nên được đặt trong bối cảnh phát triển bền vững (Bockel và NNK, 2011). Thỏa thuận Cancun cũng đưa ra một bản mẫu đăng ký cho các đề xuất NAMA nhằm tìm kiếm hỗ trợ quốc tế. Kết quả quan trọng nhất của Thỏa thuận Cancun là sự nhất trí về vấn đề đo đạc, báo cáo và thẩm định (Measurement, Reporting and Verification - MRV) và mức độ hiệu quả của NAMA phải được phân tích trên quy mô quốc tế.

COP17 đạt được hai kết quả quan trọng, đó là sự ra đời của Quỹ Khí hậu xanh (GCF), dự kiến sẽ hoạt động vào năm 2013; và việc thiết lập quy trình đăng ký NAMA điều hành bởi UNFCCC bằng hình thức trang mạng. COP17 cũng yêu cầu các nước đang phát triển nộp Báo cáo cập nhật hai năm một lần (BUR) với các thông tin về NAMA, đây cũng là một phương thức khuyến khích sự phát triển của NAMA (Van Tilburg và NNK, 2012). Tại COP17, Hướng dẫn xây dựng BUR và Hướng dẫn cho Tư vấn và Phân tích Quốc tế (ICA) đã được thông qua.

COP 18 quyết định sẽ dự thảo Hướng dẫn MRV trong nước cho NAMA đơn phương, bản sửa đổi của Hướng dẫn xây dựng Thông báo quốc gia và bản sửa đổi của Hướng dẫn xây dựng Thông báo quốc gia BUR để trình Hội nghị các Bên tại COP19.

1.2. KHÁI NIỆM VỀ NAMA

Các văn bản trong Thỏa thuận Cancun đưa ra khái niệm về NAMA như sau:

[1/CP.16-48 đồng ý rằng các nước đang phát triển sẽ có các hành động giảm nhẹ BĐKH phù hợp với quốc gia trong bối cảnh phát triển bền vững, thông qua các hỗ trợ tài chính, công nghệ và tăng cường năng lực, nhằm đạt được một lượng giảm

phát thải tương đối vào năm 2020 so với kịch bản phát triển thông thường (Business As Usual - BAU);

1/CP.16-61 cũng quyết định rằng sự hỗ trợ các hành động giảm nhẹ BĐKH từ quốc tế sẽ được đo đạc, báo cáo và thẩm định trong nước và quốc tế theo phương thức phù hợp với hướng dẫn được UNFCCC xây dựng (UNFCCC, 2011b)].

Hiện nay, các văn bản trên vẫn còn đang được thảo luận, bởi nhiều ý kiến cho rằng định nghĩa của NAMA vẫn còn chưa rõ ràng (Van Tilburg và NNK, 2011). NAMA cũng được định nghĩa theo các cách khác nhau trong các nghiên cứu khác nhưng các ý tưởng chính của những định nghĩa này chủ yếu dựa trên các văn bản trong Thỏa thuận Cancun (CCAP, 2009; Jung và NNK, 2010a; Sterk, 2010; Bakker và Würtenberger, 2010).

Định nghĩa về NAMA cũng có thể được xây dựng bởi các phương pháp tiếp cận từ dưới lên, có nghĩa là sự phát triển và thực hiện các NAMA trong thực tế sẽ tăng cường sự hiểu biết về NAMA, góp phần cung cấp một khái niệm chính xác hơn về NAMA. Nói chung, có thể hiểu rằng NAMA không phải chỉ là dự án cần thiết như các chính sách và các chương trình CDM mà còn giúp cơ cấu lại nền kinh tế-xã hội theo cách có thể đạt được hai mục tiêu là giảm nhẹ KNK và phát triển bền vững (Röser và NNK, 2011).

1.3. CÁC HÌNH THỨC NAMA

Có thể phân loại NAMA dựa trên các cách tiếp cận khác nhau. Qua nghiên cứu các tài liệu của UNFCCC, NAMA có thể được chia làm bốn loại:

- Liên quan đến mục tiêu giảm phát thải (Ví dụ: Mục tiêu của Mexico là giảm 30% lượng phát thải KNK so với kịch bản BAU vào năm 2020);

- Liên quan đến việc xây dựng chiến lược (Ví dụ: Chiến lược năng lượng mặt trời ở Tunisia);
- Liên quan đến các chính sách và giải pháp (Ví dụ: Quy định quản lý rừng ở Sierra Leone);
- Liên quan đến các hành động hoặc dự án cụ thể (Ví dụ: Dự án pin mặt trời quy mô lớn ở Mông Cổ).

Trong đó, ba hình thức đầu tiên có thể coi là “NAMA gián tiếp” bởi vì chúng không trực tiếp giảm nhẹ KNK, nhưng chúng lại tạo điều kiện thuận lợi cho các hành động giảm nhẹ KNK. Các dự án NAMA có thể được coi là “NAMA trực tiếp” vì trực tiếp góp phần làm giảm nhẹ KNK trong thực tế.

Một đặc điểm chung của NAMA là sự tham gia của khu vực nhà nước. NAMA cần phải bao gồm các chính sách để xây dựng các khung pháp lý hỗ trợ thực hiện các hành động giảm nhẹ và định hướng lại sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng các-bon thấp (GIZ, 2012).

Bảng 1. Ví dụ về các loại NAMA

Loại NAMA	Ví dụ
Mục tiêu giảm nhẹ KNK	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chỉ tiêu hiệu quả năng lượng; ▪ Chỉ tiêu giảm phát thải KNK; ▪ Chỉ tiêu năng lượng tái tạo; ▪ Lượng phát thải KNK thấp hơn lượng phát thải theo Kịch bản phát triển như bình thường (BAU); ▪ Mục tiêu giảm nhẹ;
Chiến lược, chính sách, chương trình hỗ trợ hành động giảm nhẹ KNK	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Các hướng dẫn mua bán công; ▪ Hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo (FIT); ▪ Miễn/giảm thuế; ▪ Tiêu chuẩn xây dựng; ▪ Hệ thống dán nhãn; ▪ Xóa bỏ trợ cấp cho các loại năng lượng hóa thạch.
Dự án	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả; ▪ Những hoạt động trực tiếp giảm phát thải KNK

Nguồn: GIZ (2012)

Nếu chia theo hình thức huy động vốn thì NAMA có thể được phân làm ba loại:

- NAMA đơn phương (unilateral NAMA): Các nước đang phát triển thực hiện các hành động giảm nhẹ KNK mà không có sự hỗ trợ về tài chính của quốc tế;
- NAMA được hỗ trợ (supported NAMA): Các nước đang phát triển thực hiện các hành động giảm nhẹ KNK với sự hỗ trợ tài chính từ các nước phát triển thông qua hợp tác song phương, đa phương hoặc Quỹ khí hậu xanh;
- NAMA tạo tín chỉ (credited NAMA): Hiện nay, việc đưa tín chỉ NAMA vào trong cơ chế thị trường vẫn còn đang được đàm phán. Nếu kết quả của các hành động giảm nhẹ KNK do các nước đang phát triển là đáng kể, vượt quá mục tiêu giảm nhẹ KNK của các quốc gia này, khi đó các quốc gia có thể chuyển thành tín chỉ các-bon và bán trên thị trường. Tuy nhiên, hiện nay nhu cầu về tín dụng các-bon ít hơn cung, dẫn đến giảm giá các-bon, và vì thế một cam kết mạnh mẽ hơn từ các nước phát triển là cần thiết cho sự phát triển cơ chế thị trường mới này.

Nếu chia theo phương thức giảm nhẹ KNK thì có thể chia NAMA làm hai loại: (i) Trực tiếp giảm nhẹ KNK, như các NAMA về năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng, trồng rừng...; và (ii) Gián tiếp giảm nhẹ KNK như các NAMA về chính sách, xây dựng thể chế, tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức, v.v...

Nếu chia theo loại hành động thì NAMA có thể bao gồm các hoạt động sau: (i) Thu thập dữ liệu, nghiên cứu; (ii) Xây dựng chiến lược ở cấp quốc gia, khu vực; (iii) Các dự án; (iv) Xác định, thực thi và tăng cường hiệu lực của các quy định; (v) Tăng cường năng lực, thể chế; (vi) Các quy định về hỗ trợ tài chính; (vii) Các hoạt động nâng cao nhận thức.

Nếu chia theo mức độ phức tạp thì có thể chia NAMA làm hai loại như sau: (i) NAMA riêng rẽ (như giảm phát thải KNK cho một thành phố, tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng cho một nhà máy...); và (ii) NAMA thực hiện cho nhiều ngành hoặc cho cả quốc gia.

Danh sách các quốc gia đã nộp đề xuất NAMA lên Ban thư ký UNFCCC cho đến năm 2011 được tổng kết trong PHỤ LỤC B.

1.4. SO SÁNH NAMA VỚI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THEO HƯỚNG CÁC-BON THẤP

Mặc dù chưa có một định nghĩa chính thức nhưng khái niệm Chiến lược phát triển nền kinh tế theo hướng phát thải thấp (Low Emission Development Strategy - LEDS) thường được sử dụng để mô tả các kế hoạch hay chiến lược phát triển kinh tế quốc gia hướng tới một nền kinh tế phát thải thấp và/hoặc tăng trưởng kinh tế với khả năng chống chịu BĐKH. Thuật ngữ LEDS đã được đề cập cụ thể trong các văn bản đàm phán từ COP15 và trước đó, cũng như đã được đề cập trong Thỏa thuận Copenhagen với nhận thức rằng LEDS không thể thiếu đối với phát triển bền vững.

Việc chuẩn bị một chiến lược phát triển phát thải KNK thấp có thể được xem như là một đầu tư cho kế hoạch quốc gia toàn diện, tổng hợp và hiệu quả hơn. Quá trình này có thể giúp ưu tiên lựa chọn NAMA và tạo điều kiện thuận lợi để tích hợp vào khuôn khổ các chính sách dài hạn.

Một số quốc gia hiện tại không có khả năng phát triển theo mô hình LEDS. Tuy nhiên các quốc gia này hoàn toàn có thể xây dựng và thực hiện NAMA và xem xét hướng tới LEDS trong tương lai. Việc xây dựng LEDS là một cơ hội để xem xét làm thế nào để NAMA cùng hướng tới một chiến lược quốc gia dài hạn hơn.

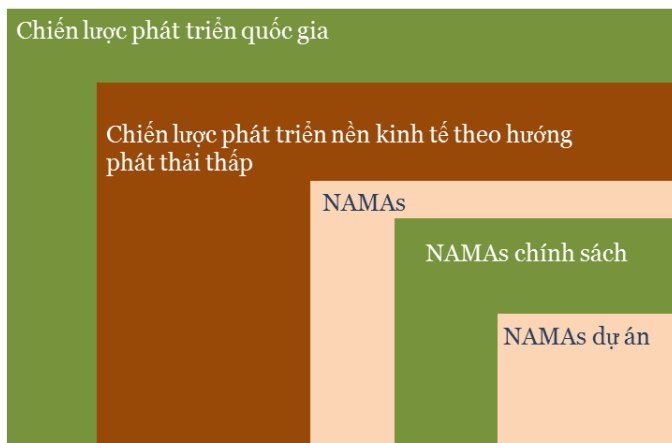
Các yếu tố quan trọng của một LEDS có thể bao gồm:

- Tầm nhìn/mục tiêu: Một tầm nhìn hoặc mục tiêu xa có thể giúp hướng dẫn việc ra các quyết định, chính sách về phát triển và các ưu tiên về BĐKH trong dài hạn;
- Đánh giá hiện trạng: Hiểu rõ hơn về các lĩnh vực có lượng phát thải KNK chủ yếu và các chỉ số kinh tế - xã hội là yếu tố cơ bản để xác định các lộ trình phát triển;
- Dự đoán phát thải, khả năng giảm nhẹ phát thải và chi phí cho việc giảm nhẹ phát thải: Lộ trình phát triển với mức phát thải như bình thường (BAU) có thể giúp đưa ra một bức tranh về xu hướng phát thải của quốc gia, trong khi đó việc xác định tiềm năng giảm nhẹ phát thải và chi phí cho việc giảm nhẹ phát thải sẽ giúp cho xác định các hoạt động giảm nhẹ;
- Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương: Các chỉ số xác định mức độ tổn thương do BĐKH của một quốc gia có thể giúp xác định các nhu cầu thích ứng và phạm vi thích ứng;
- Chương trình và chính sách ưu tiên: Chỉ số thể hiện những ưu tiên về chính sách đối với giảm nhẹ BĐKH và thích ứng với BĐKH được tích hợp vào chiến lược phát triển kinh tế.

Trong nỗ lực cắt giảm phát thải toàn cầu, UNFCCC khuyến khích các nước đang phát triển xây dựng NAMA. Đây được xem là một trong những hành động của quốc gia hướng tới chiến lược phát triển nền kinh tế các-bon thấp. Cụ thể hơn, các nước đang phát triển cần xây dựng NAMA phù hợp với năng lực của mình trong bối cảnh chiến lược phát triển nền kinh tế theo hướng phát thải thấp (Hình 2).

Ban đầu một số nước đang phát triển có lượng phát thải lớn như Brazil, Ấn Độ, Trung Quốc, Nam Phi, Nigeria và Ai Cập nên xây dựng LEDS để lập kế hoạch và thực hiện một loạt các hoạt động giảm nhẹ KNK và lộ trình giảm phát thải. Một số nước đang phát triển bày tỏ lo ngại rằng LEDS sẽ trở thành gánh nặng đối với các nước này. Tuy nhiên, mức độ giảm phát thải phụ thuộc vào các yêu cầu cụ thể đối với các chiến lược đã được các quốc gia thông

nhất. LEADS có thể chỉ đơn giản là sự kết hợp giữa phát triển bền vững với chiến lược BĐKH đã có tại các nước đang phát triển và được bổ sung bằng một gói các đề xuất NAMA.



Hình 2. NAMA trong bối cảnh chiến lược phát triển nền kinh tế theo hướng phát thải thấp

NAMA cũng có thể được xem như là một cách để “phân cấp” kinh phí về khí hậu của UNFCCC và cho phép các quốc gia đưa ra quyết định tự nguyện về các hành động giảm nhẹ KNK được thực hiện ở các quốc gia đó. NAMA có thể là một chương trình để phân biệt hành động tài trợ tự nguyện và hành động tài trợ bắt buộc và tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận các nguồn tài trợ xanh.

Tóm lại, một quốc gia có hai sự lựa chọn khi phát triển NAMA. Thứ nhất là tiến hành nhanh nhất có thể để tranh thủ tiếp cận các nguồn tài trợ. Thứ hai là hướng tới một chiến lược phát triển các-bon thấp một cách toàn diện.

1.5. SO SÁNH NAMA VÀ CÁC CƠ CHẾ CÁC-BON

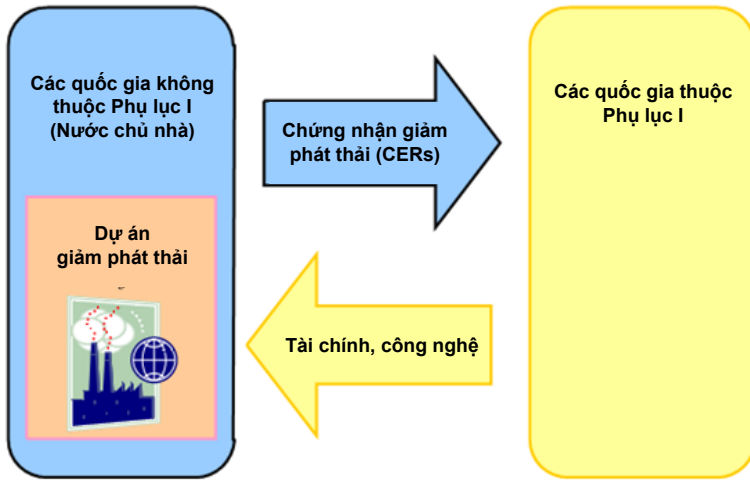
1) Sự khác biệt giữa NAMA và Cơ chế phát triển sạch

Khi xây dựng NAMA, các nước đang phát triển thường băn khoăn về sự khác nhau giữa Cơ chế phát triển sạch (Clean Development Mechanism – CDM) và NAMA. Có thể hiểu rằng

CDM là một hình thức để các nước phát triển đạt được mục tiêu giảm phát thải KNK theo cam kết của Nghị định thư Kyoto. Việc đáp ứng giới hạn phát thải KNK của các nước phát triển chủ yếu thông qua việc mua lượng giảm phát thải từ các dự án CDM tại các nước đang phát triển. Trong khi đó, NAMA là cơ chế để các nước đang phát triển với sự hỗ trợ tài chính và công nghệ từ cộng đồng quốc tế nhằm cắt giảm phát thải KNK cho bản thân quốc gia đó từ một hoặc nhiều lĩnh vực. Sự khác biệt giữa CDM và NAMA có thể được tóm tắt như sau:

- Về quy mô: CDM thường được thực hiện tại cấp dự án và chủ yếu tập trung vào lượng cắt giảm phát thải KNK từ một dự án cụ thể mà thường bỏ qua lượng phát thải gia tăng từ các nguồn khác trong cùng một lĩnh vực;
- Về các loại hoạt động: NAMA được kỳ vọng sẽ tập trung vào nhiều hoạt động hơn bao gồm từ chính sách, công nghệ, tài chính, nhân lực do số lượng các thành phần tham gia rộng hơn;
- Sự ra đời của NAMA là để đảm bảo rằng các nước đang phát triển có thể đạt được lợi ích từ việc giảm phát thải với chi phí thấp dựa trên những tiềm năng đang có sẵn ở các quốc gia này;
- NAMA được xem như là một hình thức để tất cả các quốc gia đóng góp vào nỗ lực chung giải quyết các thách thức khí hậu toàn cầu - vấn đề này sẽ trở nên khó khăn hơn hay thậm chí là không thể giải quyết triệt để được nếu chỉ có các nước phát triển thực hiện đơn lẻ.

Với mục tiêu chính là nhằm đạt được sự giảm phát thải KNK ở các nước đang phát triển, có thể hình dung rằng NAMA chỉ có thể được bán tín chỉ (NAMA tạo tín chỉ) khi đạt được tín chỉ. Trong thực tế, có một số NAMA sẽ diễn ra đơn phương, có nghĩa là do quốc gia đó xây dựng và thực hiện không có sự hỗ trợ từ cộng đồng quốc tế, trong khi đó, có các NAMA khác yêu cầu tài trợ song phương hoặc đa phương để vượt qua các rào cản và tận dụng được nguồn đầu tư nội địa.

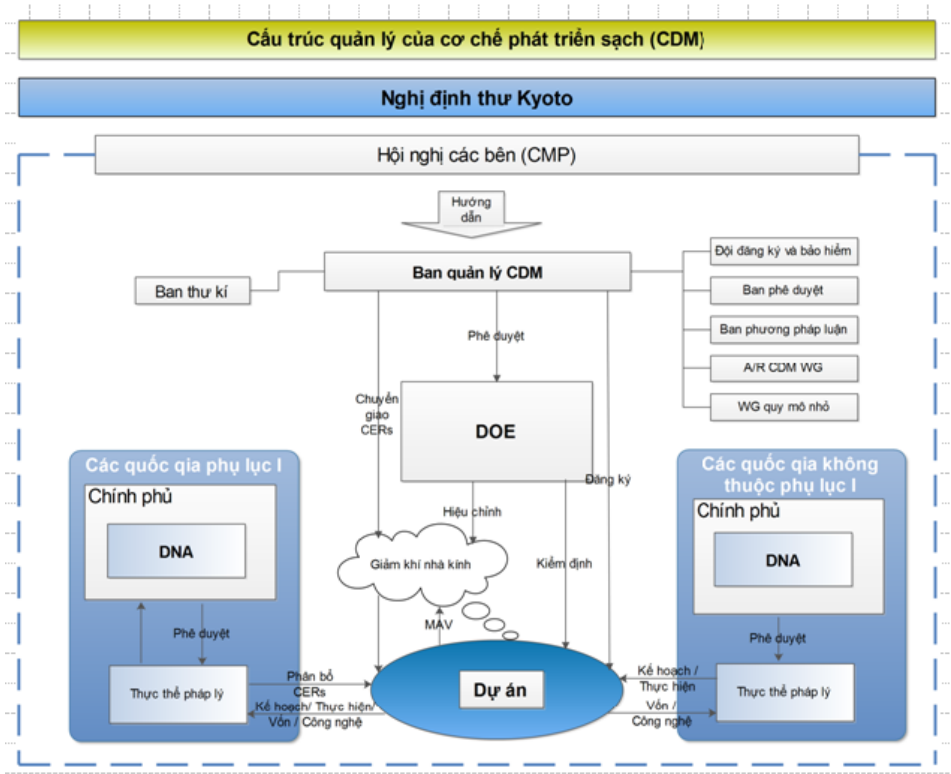


Hình 3. Cơ chế Phát triển sạch (CDM)

Bảng 2. Sự khác biệt giữa NAMA và CDM

Tiêu chí	NAMA	CDM
Bản chất	Là một cơ chế để các nước đang phát triển với sự hỗ trợ tài chính và công nghệ từ cộng đồng quốc tế nhằm cắt giảm phát thải KNK cho bản thân quốc gia đó từ một hoặc nhiều lĩnh vực	Là một hình thức để các nước phát triển đáp ứng các giới hạn phát thải KNK đã cam kết theo Nghị định thư Kyoto
Quy mô	Cấp quốc gia, cấp ngành và cấp dự án	Cấp dự án
Loại hoạt động	Chiến lược, chính sách, chương trình và dự án quốc gia dài hạn	Các chương trình hoặc dự án riêng lẻ
Lĩnh vực	Tất cả lĩnh vực có thể. Lĩnh vực nhận số lượng đề xuất NAMA nhiều nhất là giao thông và năng lượng	Hiện tại tập trung vào năng lượng, công nghiệp và chất thải. Rất ít dự án trong lĩnh vực giao thông
Dòng tiền	Cho Chính phủ và chủ dự án	Cho chủ dự án
Tín chỉ các-bon	Có hoặc không	Có
Tính bổ sung	Phụ thuộc vào nhà tài trợ	Bắt buộc
Các lợi ích phát triển bền vững	Vô cùng quan trọng (“phù hợp quốc gia”)	Đặc quyền của nước chủ nhà

Tài chính cho NAMA được hỗ trợ có thể sẽ được cấp cho các chương trình và chính sách nếu chúng minh được là sẽ hiệu quả hơn. NAMA tạo tín chỉ chỉ có thể đạt được và bán cho thị trường quốc tế khi một nước đang phát triển đã đạt được mục tiêu giảm phát thải đã thỏa thuận cho lĩnh vực hoặc mục tiêu phát thải quốc gia. Nói một cách khác, các tín chỉ này chỉ đạt được khi quốc gia đã thực hiện một loạt các hành động giảm nhẹ KNK. Kết quả là chi phí cận biên của NAMA tạo tín chỉ sẽ cao hơn so với chi phí cận biên của việc giảm nhẹ KNK đạt được thông qua các dự án CDM truyền thống.



Hình 4. Cấu trúc các dự án CDM

Khung NAMA cung cấp một chiến lược bền vững và lâu dài hơn để hạn chế phát thải KNK toàn cầu so với các dự án CDM. Khung NAMA cũng cần được thiết kế để tạo thuận lợi cho các

chiến lược nhằm giảm nhẹ KNK toàn diện và bền vững. Khung NAMA cũng sẽ cung cấp các ưu đãi cho các nước đang phát triển để giảm nhẹ KNK trong nhiều lĩnh vực, bao gồm giao thông vận tải, nông nghiệp và REDD+, vốn là những lĩnh vực không đủ tiêu chí theo CDM hiện nay hoặc không nhận được nhiều đầu tư trong khuôn khổ các dự án CDM.

2) Sự khác biệt giữa NAMA và Chương trình CDM

Chương trình CDM (Programmatic CDM) hay còn gọi là chương trình hoạt động (Programme of Activities - PoA) gắn với khái niệm NAMA hơn xét theo quy mô của nó (vì nó bao gồm cả chính sách và các biện pháp chứ không dựa trên các dự án độc lập). Tuy nhiên, nếu xét theo khái niệm NAMA thì về cơ bản vẫn có sự khác nhau. Trong khi PoA tạo ra các tín chỉ giảm phát thải so với kịch bản nền (biểu thị lượng khí thải có thể phát sinh khi không có các chính sách và biện pháp bao gồm các chương trình, hoạt động giảm nhẹ) thì NAMA tìm kiếm phương thức để tạo ra sự đóng góp nổi bật của nước đang phát triển vào nỗ lực giảm nhẹ KNK toàn cầu.

Bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện PoA, đặc biệt là chương trình liên quan đến thiết lập biên và áp dụng các phương pháp ước tính giảm phát thải KNK từ các PoA sẽ rất hữu ích trong thiết kế khung NAMA. PoA cũng có thể được sửa đổi lại cho hài hòa với khái niệm NAMA. Các quy định về thể chế và thủ tục đã được thiết lập cho PoA cũng có thể được rà soát lại và điều chỉnh cho phù hợp với khung NAMA.

Lựa chọn tốt nhất cho các dự án CDM hiện tại là chuyển các dự án này và lượng giảm phát thải KNK xác định bởi dự án thành kịch bản BAU cho NAMA. Do đó, lượng cắt giảm phát thải từ các dự án này sẽ không bị tính vào lượng phát thải dự định sẽ đạt được khi thực hiện NAMA (tránh tính hai lần).

Hộp 1. So sánh CDM và PoA

Giống nhau

- Hỗ trợ và thực hiện các hoạt động và chiến lược phát triển các-bon thấp;
- Có minh chứng rõ ràng cho việc cắt giảm KNK thông qua MRV;
- Thực hiện các chương trình giảm nhẹ KNK quốc gia hoặc các ngành;
- Là hành động tự nguyện;
- Trong một số trường hợp, có cùng một cơ chế xây dựng.

Khác nhau:

PoA	NAMA
Lượng giảm phát thải có thể được bù trừ cho các quốc gia thuộc phụ lục I	Lượng giảm phát thải chỉ tính toán cho các quốc gia thực hiện NAMA
Có nhiều hình thức pháp lý điều phối PoA khác nhau	Điều phối bởi Chính phủ
Đường cơ sở và MRV thông qua các phương pháp của CDM EB	Đường cơ sở và MRV chưa được xác định
Hạn chế PDD và phương pháp luận	Phương pháp tiếp cận rộng (tiếp cận ngành)

Có thể xây dựng NAMA dựa trên kinh nghiệm PoA vì chúng tương tự nhau về một số yếu tố: (1) Khái niệm đường cơ sở; (2) Thực hiện MRV; (3) Hành động tự nguyện. Mặt khác, có thể kết nối các mối quan hệ của các PoA với chiến lược ngành và các hoạt động trong khuôn khổ của NAMA.

Đối với các dự án CDM mới hay một cơ chế mới được hình thành sơ khai mà hướng tới các hoạt động giảm nhẹ đã được bao gồm trong NAMA thì lựa chọn tốt nhất là không cho phép các cơ chế này hình thành trong các lĩnh vực đã được đề xuất trong NAMA.

3/ Cơ chế thị trường các-bon mới

Thỏa thuận Durban kêu gọi một quyết định về cơ chế thị trường mới. Cho đến nay hai loại cơ chế sau đây được xem là ứng cử viên hàng đầu cho việc thực hiện một thỏa thuận khí hậu trong tương lai (mặc dù chưa có lựa chọn cụ thể cơ chế nào tại Thỏa thuận Durban vì có sự bất đồng giữa các quốc gia):

- Cơ chế tín chỉ theo ngành: Cơ chế này cho phép tiếp tục trao đổi, đền bù tín chỉ nếu một số lĩnh vực nhất định tại các nước đang phát triển đạt được lượng giảm phát thải tốt hơn so với đường giảm phát thải cơ sở ngành đã thiết lập trước đó. Cơ chế này cũng có thể so sánh với cơ chế CDM. Tuy nhiên khác biệt chính với CDM là cơ chế này không dựa trên dự án mà nhằm mục đích lớn hơn có nghĩa là ở cấp ngành, lĩnh vực hoặc tiểu lĩnh vực. Như vậy, cơ chế tạo tín chỉ sẽ yêu cầu các ngành hoặc lĩnh vực giảm phát thải KNK dưới ngưỡng đã thỏa thuận trước (ngưỡng này được lập bên dưới đường cơ sở BAU).
- Cơ chế mua bán theo ngành: Sự khác biệt chính so với cơ chế được mô tả ở phần trên là chương trình kinh doanh theo ngành phải thiết lập một giới hạn phát thải bắt buộc hoặc một tiêu chuẩn cường độ phát thải trước khi giao dịch. Việc không tuân thủ sẽ được điều chỉnh bởi nước sở tại. Tiêu chuẩn cường độ phát thải có một số lợi thế như: cho phép tăng trưởng công nghiệp và kinh tế đồng thời giảm cường độ phát thải, áp đặt chi phí thấp hơn cho các công ty, doanh nghiệp và tránh được việc phải ước tính phát thải theo kịch bản BAU, điều mà cực kỳ khó khăn đối với các nền kinh tế có mức tăng trưởng nhanh. Dù bằng cách nào thì các khoản tín chỉ thặng dư cũng có thể được bán cho các ngành, đơn vị khác trong nước hoặc bán theo cơ chế bù đắp cho thị trường các-bon quốc tế hoặc có thể dự trữ cho tương lai.

Tuy nhiên, cũng có khả năng là sẽ có cơ chế khác hoặc tương tự được đề xuất trong tương lai gần. Ngoài ra, Liên minh châu Âu cũng đề xuất một cơ chế riêng. Cơ chế này có thể sẽ được thực hiện đơn phương mà không có sự thỏa thuận quốc tế nào về các hành động khí hậu.

CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NAMA

2.1. CÁC BƯỚC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NAMA

Hiện tại, UNFCCC chưa có hướng dẫn về xây dựng NAMA, tuy nhiên, một số tổ chức quốc tế cũng đã đề xuất khung xây dựng NAMA theo cách tiếp cận của mình. Tuy số lượng các bước và nội dung chi tiết của từng bước xây dựng NAMA của các tổ chức có khác nhau, nhưng nhìn chung cách tiếp cận trong xây dựng NAMA là khá giống nhau (Bảng 3).

Dựa trên các Khung xây dựng và thực hiện NAMA của các tổ chức quốc tế, Khung xây dựng và thực hiện NAMA cho Việt Nam được đề xuất, gồm hai giai đoạn: (i) Giai đoạn xây dựng và đề xuất NAMA và (ii) Giai đoạn thực hiện NAMA và tiến hành MRV.

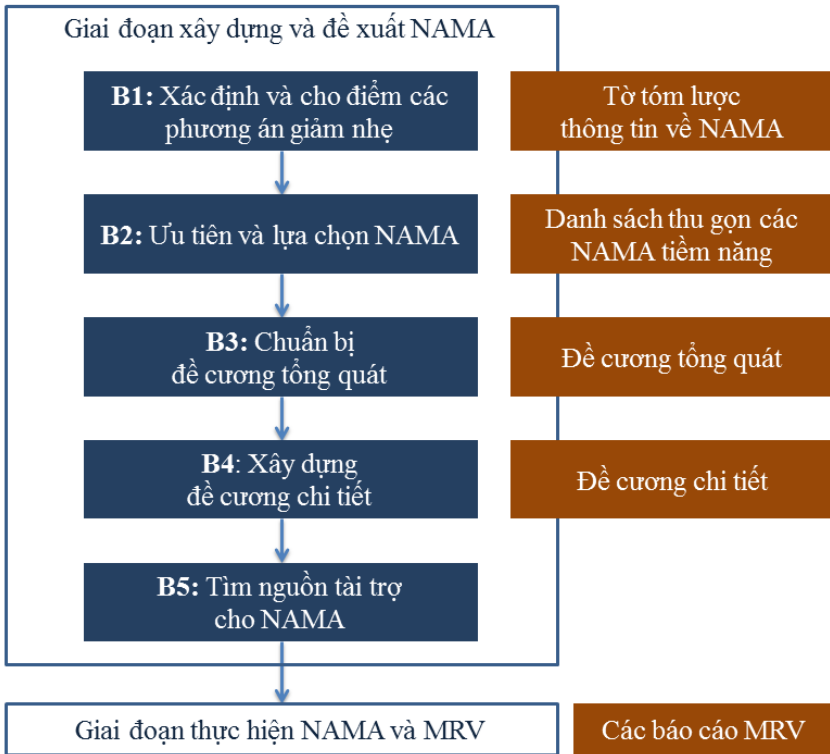
Giai đoạn xây dựng và đề xuất NAMA gồm năm bước: (i) Xác định và cho điểm cho các phương án giảm nhẹ KNK, (ii) Ưu tiên và lựa chọn NAMA, (iii) Chuẩn bị đề cương tổng quát, (iv) Xây dựng đề cương chi tiết, và (v) Tìm nguồn tài trợ cho NAMA (Hình 5).

Bảng 3. Khung xây dựng NAMA do một số tổ chức quốc tế đề xuất

Trung tâm Nghiên cứu Năng lượng của Hà Lan (ECN)	Cơ sở dữ liệu NAMA của Ecofys	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP)	Wuppertal	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ)
<p>0. Xác định nhóm các bên liên quan</p>	<p>1. Xác định bối cảnh chính trị và thực trạng kỹ thuật</p>	<p>1. Xác định phạm vi và lên kế hoạch thực hiện NAMA</p>	<p>Khuyến khích các chuyên gia tư vấn trong nước được tham gia vào quá trình xây dựng NAMA</p>	<p>1. Đánh giá các điều kiện khung, phân tích các thiếu sót chính sách và xác định các biện pháp cần thiết</p>
<p>1. Xác định và cho điểm các hoạt động giảm nhẹ Kết quả: Danh sách liệt kê các NAMA tiềm năng Đối tượng: Các nhà ra quyết định của Chính phủ</p>	<p>2. Xác định và lựa chọn NAMA Kết quả: Đề cương NAMA tổng quát</p>	<p>2. Xây dựng đường cơ sở và kịch bản phát thải khi áp dụng NAMA</p>	<p>1. Xác định các mục tiêu chính sách 2. Xác định nhóm các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu chính sách</p>	<p>2. Đánh giá tiềm năng giảm KNK và các lợi ích kép 3. Đánh giá các kế hoạch NAMA tiềm năng</p>
<p>2. Ưu tiên và lựa chọn NAMA Kết quả: Danh sách các NAMA được lựa</p>		<p>3. Xác định các lựa chọn giảm nhẹ KNK</p>	<p>3. Phân tích các hoạt động và lượng phát thải tương ứng nhằm xác định</p>	<p>4. Thiết lập các đường cơ sở 5. Thiết kế hệ thống MRV</p>

Trung tâm Nghiên cứu Năng lượng của Hà Lan (ECN)	Cơ sở dữ liệu NAMA của Ecofys	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP)	Wuppertal	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ)
<p>chọn</p> <p>3. Chuẩn bị đề cương tổng quát Kết quả: Đề cương tổng quát Đối tượng: Các nhà tài trợ và các nhà ra quyết định cấp cao</p>			<p>tiềm năng giảm nhẹ</p> <p>4. Xác định các tiềm năng NAMA Kết quả: Tóm lược thông tin về NAMA</p> <p>5. Lựa chọn và rút gọn danh sách NAMA Kết quả: Bản thông tin chung về NAMA</p>	
<p>4. Chuẩn bị Đề cương chi tiết Kết quả: Đề cương chi tiết Đối tượng: Các nhà tài trợ và các nhà ra quyết định cấp cao</p>	<p>3. Chi tiết hóa đề xuất NAMA Kết quả: Đề cương chi tiết</p>	<p>4. Đánh giá các nguồn tài chính cho các biện pháp giảm nhẹ KNK</p>	<p>6. Xác định các thông tin cần thiết để xây dựng, thực hiện NAMA và tiến hành MRV 7. Chuẩn bị đề cương chi tiết (với sự tham gia của các bên liên quan)</p>	<p>6. Lập kế hoạch chi tiết thực hiện NAMA</p>
<p>5. Các hoạt động</p>	<p>4. Thực hiện</p>	<p>5. Thực hiện NAMA</p>	<p>8. Đăng ký với</p>	<p>7. Xác định các vấn</p>

Trung tâm Nghiên cứu Năng lượng của Hà Lan (ECN)	Cơ sở dữ liệu NAMA của Ecofys	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP)	Wuppertal	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ)
chuẩn bị 6. Đàm phán tài chính 7. Thực hiện NAMA 8. MRV	NAMA 5. MRV	và MRV	UNFCCC 9. Đàm phán về nguồn tài trợ 10. Thực hiện NAMA 11. MRV	đề cần sự hỗ trợ của quốc tế 8. Đề xuất NAMA lên UNFCCC 9. Thực hiện NAMA và MRV 10. Các bài học thực tiễn tốt nhất



Nguồn: Tổng hợp từ Khung xây dựng NAMA của Trung tâm Nghiên cứu Năng lượng của Hà Lan (2011) và của Tổ chức hợp tác quốc tế về phát triển bền vững Đức (2012)

Hình 5. Khung xây dựng và thực hiện NAMA

2.1.1. Giai đoạn xây dựng và đề xuất NAMA

Bước 1: Xác định và cho điểm đối với các phương án giảm nhẹ

Bước đầu tiên là cần xác định tiềm năng NAMA, đánh giá sơ bộ chi phí và lợi ích của việc thực hiện NAMA vì thế mức độ khả thi. Bước này bao gồm nghiên cứu kỹ thuật và nên được thực hiện bởi các cơ quan nghiên cứu về BDKH. Các Bộ/ngành và cơ quan có liên quan đến các tiềm năng NAMA nên cung cấp thông tin và tham gia vào trong bước đầu tiên này. Sự tham gia của nhiều Bộ/ngành liên quan là yếu tố quan trọng đối với sự hợp tác liên Bộ/ngành trong xây dựng NAMA sau này. Kết quả đầu ra của

Bước 1 là một danh sách liệt kê các NAMA tiềm năng và các thông tin cụ thể của từng NAMA.

Việt Nam có tiềm năng xây dựng NAMA do hiện tại Việt Nam đã có một số chiến lược, chương trình, chính sách, dự án liên quan đến giảm nhẹ KNK, một số Bộ đã đưa ra được mục tiêu giảm phát thải KNK cho lĩnh vực của Bộ mình. Để biến các hoạt động trên trở thành NAMA, điều quan trọng là các nhà hoạch định chính sách phải chứng minh được với nhà tài trợ lượng giảm phát thải KNK của các hoạt động trên so với kịch bản phát triển bình thường (khi không thực hiện các chiến lược, chính sách, chương trình, dự án giảm nhẹ) và chi phí thực hiện mục tiêu giảm nhẹ, chiến lược, chính sách và chương trình, và dự án NAMA vượt quá ngân sách hiện tại của cơ quan thực hiện và cần có sự hỗ trợ về mặt tài chính và kỹ thuật của quốc tế.

Do hiện nay UNFCCC chưa đưa ra các tiêu chí lựa chọn NAMA chính thức, nhiều hoạt động có thể coi là NAMA miễn là các hoạt động đó phù hợp với điều kiện của Việt Nam, và chúng được thực hiện trong bối cảnh phát triển bền vững và với mục tiêu giảm nhẹ KNK. Vì thế, các tiêu chí cho điểm NAMA tại cấp quốc gia có thể là:

- Lợi ích phát triển: Ví dụ về các lợi ích phát triển như cải thiện tình hình sức khỏe, tiếp cận với các dịch vụ năng lượng, giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên và tạo ra thêm nhiều việc làm mới.
- Tiềm năng giảm nhẹ: NAMA đó có thể trực tiếp giảm nhẹ KNK được bao nhiêu so với đường phát thải cơ sở? Nếu tác động của NAMA đó đến việc giảm nhẹ KNK là gián tiếp thì tác động gián tiếp đó là gì? Tiềm năng nhân rộng của hoạt động giảm nhẹ?
- Chi phí (bao gồm chi phí giao dịch): Chi phí trực tiếp và gián tiếp của việc thực hiện hoạt động giảm nhẹ là bao nhiêu?

Những rủi ro về kỹ thuật và tài chính của hoạt động giảm nhẹ?
Chi phí cho việc đo đạc, báo cáo và thẩm định NAMA?

- Các rào cản khác khi thực hiện: Ngoài rào cản về chi phí, còn có rào cản nào khác đối với việc thực hiện? Ví dụ: mặc dù sản xuất than cải tiến thường hiệu quả hơn so với cách sản xuất thông thường với cùng một chi phí, cách sản xuất này đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu và đây chính là rào cản đối với các nhà sản xuất.

Bên cạnh đó, những tiêu chí phụ sau đây cũng cần được xem xét khi đánh giá mức độ dễ dàng thực hiện NAMA, và có thể cũng quan trọng như các tiêu chí chính khi lựa chọn NAMA:

- Sự đa dạng của các bên liên quan tham gia vào quá trình lựa chọn: Có bao nhiêu đơn vị cần được tư vấn? Việc thực hiện NAMA cần được sự chấp thuận và hỗ trợ của những cơ quan nào? Ví dụ, việc cải thiện giao thông công cộng cần sự hợp tác của nhiều cơ quan Nhà nước và đơn vị quản lý giao thông hiện tại;
- Số lượng các bên liên quan tham gia: Có bao nhiêu cơ quan tham gia vào việc thực hiện? Ví dụ, bếp nấu cải tiến cần sự tham gia của hàng triệu hộ gia đình trong khi đó nhà máy sản xuất điện từ gas chỉ cần sự tham gia của nhà máy đó;
- Mức độ giống nhau so với các quy định hiện tại: Các chính sách và biện pháp dễ thực hiện nhất khi chúng không yêu cầu phải sửa đổi luật hay đưa ra các quy định mới. Ví dụ, nếu việc hỗ trợ năng lượng tái tạo yêu cầu phải xây dựng luật mới thì điều này có thể làm giảm tốc độ thực hiện;
- Mức độ nhận thức và chấp thuận của người dân: Việc thực hiện NAMA có cần phải nâng cao nhận thức của người dân hay không và cộng đồng có chấp thuận nếu họ phải thay đổi hành vi hay không? Ví dụ, việc sử dụng bóng đèn fluorescent cần sự chấp thuận của người dân nhưng người dân chỉ cần phải thay đổi nhỏ khi lựa chọn mua bóng đèn;

- Độ trễ thời gian: Có thể phải thực hiện NAMA một khoảng thời gian thì mới nhận thấy kết quả giảm nhẹ KNK hay lợi ích cho phát triển.

Kết quả của **Bước 1** là một danh sách dài các NAMA tiềm năng và Tờ tóm lược thông tin về NAMA được sử dụng cho bước tiếp theo là Ưu tiên và lựa chọn. Tuy nhiên, trong thực tế, nên thực hiện việc lựa chọn bước đầu dựa trên ưu tiên của Nhà nước và nhà tài trợ. Điều này có thể giúp tiết kiệm thời gian và nguồn lực và giới hạn được các NAMA tiềm năng cần phải phân tích và tính điểm.

Bước 2: Ưu tiên và lựa chọn NAMA

Trong khi hoạt động xác định và cho điểm NAMA tại **Bước 1** là kết quả của việc phân tích càng khách quan càng tốt, các yếu tố khác như chính trị, xã hội cũng có thể khiến một số NAMA được ưu tiên lựa chọn hơn tại Việt Nam.

Vì thế, bước tiếp theo là các cơ quan Nhà nước phải ưu tiên các NAMA tiềm năng và lựa chọn những NAMA có thể xây dựng thành Đề cương tổng quát và Đề cương chi tiết. Đây chính là lựa chọn mang tính chất chính trị và vì thế cần có sự tham gia của các nhà ra quyết định chính sách cấp cao. Kết quả của **Bước 2** là một danh sách thu gọn các NAMA tiềm năng.

Phương pháp lựa chọn NAMA tiềm năng có thể là Phân tích đa chỉ tiêu, nhưng trong thực tế việc lựa chọn NAMA ưu tiên có thể dựa trên các câu hỏi thực tế như mức độ khả thi, các điều kiện để nhận được tài trợ và ưu tiên của các nhà tài trợ. Trong bất cứ trường hợp nào, nếu cần thiết, các nhà ra quyết định có thể sử dụng kết quả đầu ra của **Bước 1** để hiểu rõ hơn về chi phí-lợi ích của từng lựa chọn NAMA. Quá trình lựa chọn có thể thu gọn danh sách dài liệt kê các phương án NAMA thành một danh sách thu gọn các NAMA tiềm năng và dựa trên đó Đề cương NAMA tổng quát sẽ được xây dựng.

Bước 3: Chuẩn bị đề cương NAMA tổng quát

Trong bước này, cần phải xây dựng một bức tranh hoàn thiện cho phương án NAMA đã lựa chọn tại **Bước 2**, nhưng không cần đi quá sâu vào chi tiết. Đề cương NAMA tổng quát cần nêu ra được một số nội dung của đề xuất NAMA, bao gồm mục tiêu, các hoạt động chính, kế hoạch thực hiện và giám sát và ước tính được mức tài chính cần cho việc thực hiện (Röser và NNK, 2011).

Đối tượng xây dựng Đề cương tổng quát cho ba loại NAMA, (bao gồm (i) Mục tiêu giảm nhẹ KNK, (ii) Chiến lược và (iii) Chính sách và chương trình), chủ yếu là các nhà hoạch định chính sách tại các Bộ/ngành, với sự hỗ trợ kỹ thuật từ các Viện nghiên cứu. Khu vực tư nhân có thể tham gia xây dựng loại NAMA tại cấp dự án. Dựa trên Đề cương NAMA tổng quát, các nhà tài trợ và bên đề xuất NAMA có thể thảo luận sâu hơn về vấn đề hỗ trợ tài chính và các hoạt động MRV. Dựa trên ưu tiên của bên đề xuất NAMA và nhà tài trợ tiềm năng (song phương hoặc đa phương, đề cương NAMA tổng quát sẽ được chi tiết hóa bằng cách đưa vào các thông tin cần thiết để có thể tiến đến một thỏa thuận tài chính (**Bước 4**). Kết quả đầu ra của **Bước 3** là Đề cương tổng quát cho một (một số) NAMA tiềm năng.

Để bảo đảm sự cam kết của các cơ quan Nhà nước từ cấp cao đến cấp trung, và từ các nhà tài trợ tiềm năng, một Đề cương NAMA tổng quát cần phải có các mục sau:

- Thông tin cơ bản về lĩnh vực và các chính sách/biện pháp giảm nhẹ hiện có trong lĩnh vực đó (không bắt buộc);
- Miêu tả NAMA và sự cần thiết thực hiện NAMA;
- Các rào cản khi thực hiện;
- Đánh giá nhu cầu cần được hỗ trợ;
- Lợi ích: giảm nhẹ KNK và các lợi ích kép khác (bao gồm các đường cơ sở để thể hiện lợi ích giảm nhẹ KNK);
- Chi phí và các lựa chọn tài chính;

- Kế hoạch MRV, bao gồm các chỉ số thực hiện;
- Kế hoạch hành động.

Các bên liên quan có thể tham khảo/sử dụng Mẫu đề cương NAMA tổng quát của Tổ chức Ecofys tại A. 1 và Mẫu đề cương NAMA tổng quát của Trung tâm UNEP Risoe tại A. 3.

Bước 4: Xây dựng đề cương NAMA chi tiết

Đề cương NAMA chi tiết cần phải miêu tả cụ thể đề xuất NAMA, bao gồm mục tiêu, các hoạt động đề xuất, kết quả dự kiến bao gồm lượng giảm phát thải KNK, lợi ích kép và đối tượng hướng đến, yêu cầu tài chính và kế hoạch thực hiện và giám sát (Röser và NNK, 2011). Đề cương cần phải đủ chi tiết để có thể làm cơ sở cho hoạt động đàm phán về các điều kiện hỗ trợ và việc thực hiện NAMA giữa bên đề xuất và bên tài trợ. Khó khăn trong việc xây dựng đề cương NAMA chi tiết là việc xây dựng, bố trí tài chính và MRV. Kết quả của **Bước 4** là một (một số) đề cương NAMA chi tiết.

Đối tượng hướng đến của đề cương NAMA chi tiết là các nhà hoạch định chính sách, đối tượng sẽ quyết định việc thực hiện NAMA, và các nhà tài trợ tiềm năng. Vì thế, đề cương NAMA chi tiết cần phải cụ thể hơn đề cương NAMA tổng quát ở những vấn đề sau:

- Thông tin chi tiết về tài chính: chi phí và lợi ích của việc thực hiện NAMA;
- Đường cơ sở chi tiết;
- Thu thập thông tin về các nhà tài trợ tiềm năng, bao gồm danh sách thu gọn các nhà tài trợ tiềm năng và các tiêu chí để nhận tài trợ;
- MRV: Xây dựng được phương pháp MRV rõ ràng, đối với cả UNFCCC và nhà tài trợ NAMA. Bên cạnh MRV cho lượng giảm phát thải KNK, nếu có thể thì xây dựng cả phương pháp MRV cho lợi ích kép từ việc thực hiện NAMA. Bên đề xuất và

bên tài trợ NAMA cũng cần thỏa thuận về hậu quả nếu không thực hiện được NAMA cũng như đánh giá những số liệu đã có và những số liệu còn thiếu;

- Một kế hoạch hành động rõ ràng, bao gồm danh sách các hoạt động, cơ quan chịu trách nhiệm và thời gian thực hiện.

Các bên liên quan có thể tham khảo/sử dụng Mẫu đề cương NAMA chi tiết của Tổ chức Ecofys tại A. 2.

Bước 5: Tìm nguồn tài trợ cho NAMA

Hiện tại, có hai cách để tìm nguồn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho NAMA: (i) Thông qua Trang đăng ký NAMA của UNFCCC, cầu nối giữa bên đề xuất NAMA và bên tài trợ và (ii) Trực tiếp liên hệ với các nhà tài trợ tiềm năng để đề xuất NAMA.

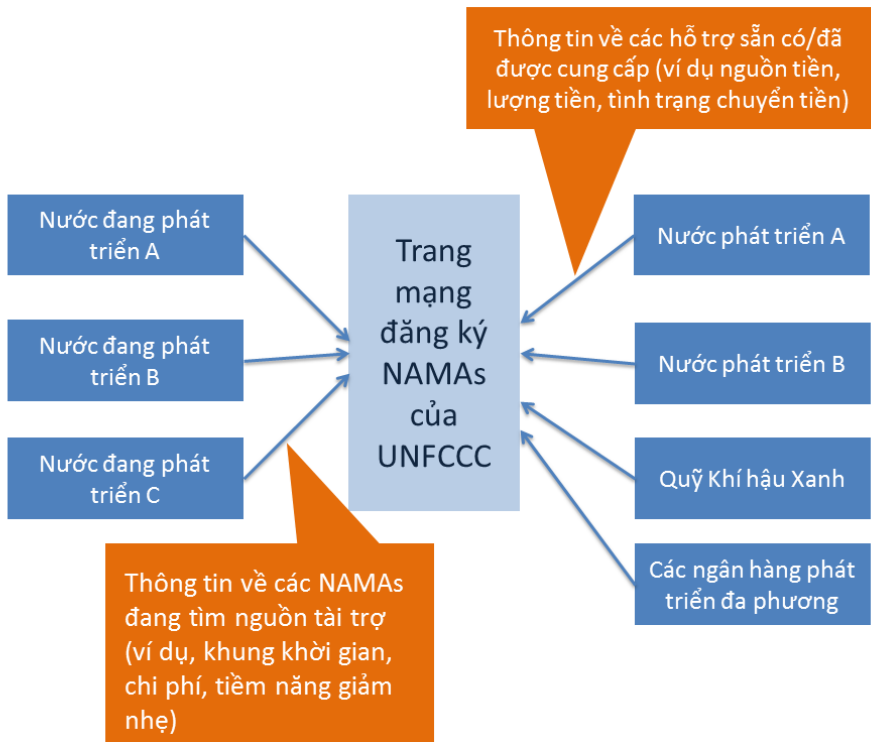
Cách 1: Tìm nguồn tài trợ thông qua UNFCCC

- ❖ *Giới thiệu về Trang mạng đăng ký NAMA của UNFCCC (UNFCCC Registry)*

COP16, đã quyết định thành lập Ban đăng ký cho các NAMA tìm tài trợ quốc tế nhằm:

- (i) Hỗ trợ các bên đề xuất NAMA để có thể gặp các nhà tài trợ về tài chính, công nghệ và tăng cường năng lực;
- (ii) Thông tin về các NAMA đã đăng ký với Ban đăng ký UNFCCC.

COP17 đã quyết định xây dựng Ban đăng ký dưới dạng một diễn đàn trang mạng tương tác và yêu cầu Ban thư ký xây dựng một trang mạng thí điểm trước khi diễn ra cuộc họp lần thứ 36 của Ban hỗ trợ thực hiện (SBI) và trình bày trước cuộc họp để các quốc gia đóng góp ý kiến.



Hình 6. Sơ đồ về chức năng của Trang mạng đăng ký NAMA của UNFCCC

Tại phiên họp lần thứ 36 của SBI, Ban thư ký đã trình bày về thiết kế mẫu của trang mạng đăng ký NAMA cho các quốc gia. SBI đã lưu ý tầm quan trọng của việc đệ trình thông tin tại đoạn 46-48 của Quyết định 2/CP.17, nhằm thử nghiệm chức năng của trang mạng đăng ký NAMA. Việc sử dụng trang mạng đăng ký NAMA được bắt đầu từ tháng 11 năm 2012.

Cơ sở dữ liệu của Trang mạng đăng ký NAMA bao gồm các thông tin sau:

- (a) Các NAMA đang tìm nguồn tài trợ quốc tế;
- (b) Các NAMA khác đã đăng ký để được công nhận;
- (c) Thông tin về việc hỗ trợ chuẩn bị và thực hiện NAMA;
- (d) Thông tin về các NAMA nhận hỗ trợ quốc tế và các hỗ trợ tương ứng sau khi bên đề xuất đã gặp được nhà tài trợ.

COP 18 đã thống nhất về đăng ký NAMA như sau:

- Các Bên là các nước đang phát triển có thể gửi thông tin về các hành động giảm nhẹ phù hợp với điều kiện quốc gia cần tìm kiếm sự hỗ trợ quốc tế;
 - Các chương trình giảm nhẹ phù hợp với điều kiện quốc gia khác để được công nhận;
 - Một mẫu thử nghiệm của hệ thống đăng ký sẽ được triển khai vào tháng 04 năm 2013 và các quốc gia thành viên sẽ nhận được quyền truy cập;
 - Các Bên và các tổ chức có thể gửi ý kiến về mẫu thử nghiệm của hệ thống đăng ký trước phiên họp thứ 38 của SBI;
 - Hệ thống đăng ký sẽ hoạt động trước COP19 và các Bên sẽ nhận được thông tin và hỗ trợ kỹ thuật.
- ❖ *Cách đăng ký NAMA lên Trang mạng đăng ký NAMA của UNFCCC*

Tùy vào mục đích sử dụng Trang mạng đăng ký NAMA, các bên sẽ phải điền thông tin vào các mẫu văn bản tương ứng cung cấp bởi UNFCCC rồi gửi về địa chỉ mail: NAMA-Registry@unfccc.int.

Sau khi Trang mạng đăng ký NAMA nhận được các đề xuất NAMA và thông tin về các nguồn tài trợ sẵn có, Trang mạng sẽ đóng vai trò trung gian giúp bên đề xuất NAMA tìm gặp được nhà tài trợ phù hợp. Sau đó, bên đề xuất NAMA và nhà tài trợ cần phải tiếp tục trao đổi, thảo luận dựa trên Đề cương NAMA chi tiết để có thể đi đến một thỏa thuận tài chính giữa hai bên.

Cách 2: Bên đề xuất NAMA chủ động tìm nguồn tài trợ, không thông qua Trang mạng đăng ký NAMA của UNFCCC

Ngoài việc sử dụng Trang mạng đăng ký NAMA của UNFCCC, các cơ quan đề xuất NAMA cũng có thể chủ động tìm nguồn tài trợ. Trang mạng Các lựa chọn Tài chính Khí hậu (Climate Finance Options) đã tổng hợp nhiều nguồn tài trợ cho các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ tại các quốc gia đang phát triển.

2.1.2. Giai đoạn thực hiện NAMA và tiến hành MRV

Một khi NAMA đã được thực hiện, cần phải theo đúng kế hoạch đã vạch ra, việc sắp xếp tài chính và tổ chức cần được thực hiện và tiến độ cần phải được giám sát. Kế hoạch MRV như đã thỏa thuận giữa bên tài trợ và bên đề xuất trong giai đoạn xây dựng NAMA cần phải được thực hiện nhằm đo đạc, báo cáo và thẩm định lượng giảm phát thải KNK sau khi thực hiện NAMA, cũng như về các vấn đề khác của NAMA như là lợi ích kép.

Những người xây dựng NAMA có trách nhiệm xây dựng kế hoạch MRV và những người thực hiện NAMA có trách nhiệm thực hiện kế hoạch MRV.

Quy trình MRV

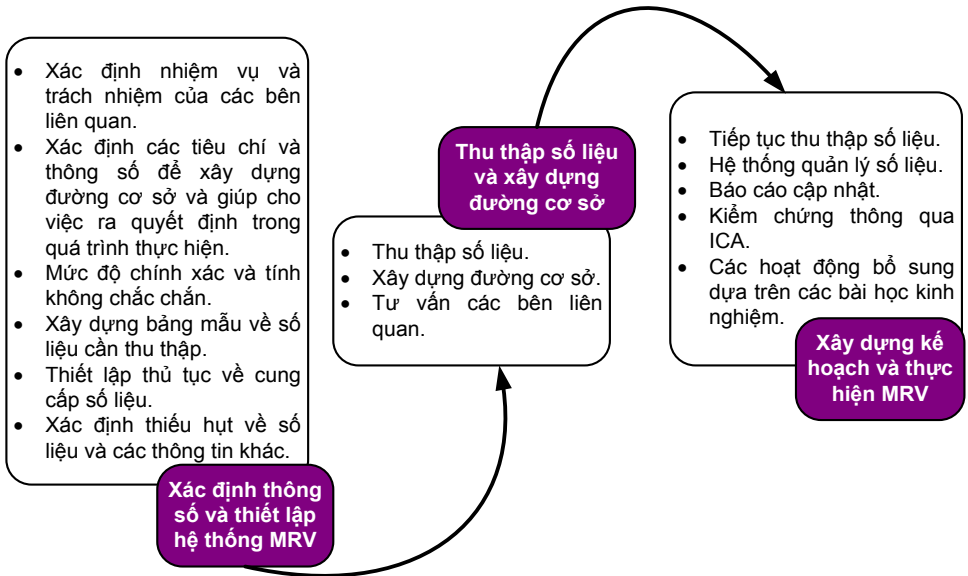
Có hai loại NAMA đã chính thức được quốc tế công nhận: (i) NAMA đơn phương và (ii) NAMA nhận sự hỗ trợ của quốc tế. Quy trình MRV cho hai loại NAMA này là khác nhau.

- ***Đối với NAMA đơn phương***, việc thực hiện NAMA sẽ được MRV bởi các cơ quan có thẩm quyền trong nước. Kết quả MRV sẽ được phản ánh trong BUR và Thông báo quốc gia. Các kết quả MRV này sẽ được thẩm định bởi ICA.
- ***Đối với NAMA nhận hỗ trợ quốc tế***, việc thực hiện NAMA sẽ được MRV bởi các cơ quan có thẩm quyền trong nước. Sau đó, kết quả MRV này sẽ được kiểm tra bởi MRV quốc tế. Kết quả MRV sẽ được phản ánh trong BUR và Thông báo quốc gia. Các kết quả MRV này sẽ được thẩm định bởi ICA.

Các bước xây dựng kế hoạch MRV

Các thông số chính cần thiết được định lượng đối với một hệ thống MRV bao gồm: Lượng phát thải KNK của quốc gia, tiếp nhận hỗ trợ (tăng cường năng lực, tài chính, công nghệ), lượng giảm phát thải KNK từ NAMA. Để tiến hành xây dựng kế hoạch

MRV cấp quốc gia cho NAMA, cần thực hiện 3 bước chính như sau (Hình 7).



Hình 7. Các bước xây dựng hệ thống MRV cho NAMA

Bước 1: Xác định các tiêu chí và thông số chính cho MRV:

Các thông số này được xác định phụ thuộc vào yêu cầu của nhà tài trợ hoặc của quốc gia thực thi, cũng như của UNFCCC. Các phương pháp luận xác định lượng phát thải KNK (CDM, tiêu chuẩn thị trường các-bon tự nguyện, Hướng dẫn của IPCC) có thể được sử dụng trong bước này. Các tiêu chí sử dụng trong quá trình MRV được trình bày trong Chương 3.

Bước 2: Kiểm tra yêu cầu và mức độ sẵn có của số liệu, và xác định đường cơ sở

Trong bước này, cần xác định được mức độ đáp ứng và độ chính xác của số liệu theo yêu cầu đặt ra. Xây dựng đường cơ sở phải dựa trên mức độ đáp ứng của số liệu hiện tại và trong tương lai.

Bước 3: Xây dựng và triển khai kế hoạch MRV

Kế hoạch MRV phải xác định rõ ràng với các thông số cần thiết phải định lượng được và tần suất định lượng của các thông số đó. Kế hoạch MRV cũng cần chỉ rõ cơ quan nào có trách nhiệm thẩm định số liệu. Các thủ tục về kiểm soát chất lượng kết quả cũng phải được đề cập trong kế hoạch. Hơn nữa, việc xác định về thiếu hụt số liệu là rất có ích trong việc thực hiện MRV ở cấp quốc gia.

2.2. CÁC VĂN BẢN KÈM THEO KHI XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NAMA

2.2.1. Bản tóm lược thông tin về đề xuất NAMA

Bản tóm lược thông tin về đề xuất NAMA (NAMA Fact Sheet) miêu tả chung về NAMA, bao gồm các thông tin về điểm tính cho các chỉ số như giảm nhẹ KNK, chi phí, thời gian thực hiện và lợi ích đối với phát triển kinh tế - xã hội. Bản thông tin này cần đưa ra đủ thông tin để hỗ trợ cho quá trình tính điểm để xác định lựa chọn NAMA tối ưu. Bản thông tin này chỉ được sử dụng nội bộ trong các cơ quan Nhà nước hay tại các tổ chức/cơ quan xây dựng NAMA để tạo thuận lợi cho quá trình lựa chọn hoạt động NAMA tối ưu.

2.2.2. Đề cương tổng quát đề xuất NAMA

Mục tiêu của Đề cương tổng quát (NAMA Concept Note) là nhằm cung cấp các thông tin cơ bản và giải thích NAMA sẽ được thực hiện như thế nào nhưng không đi quá sâu vào chi tiết. Đề cương tổng quát nhằm đảm bảo sự cam kết của Chính phủ và thu hút sự hỗ trợ từ các nước phát triển. Hai vấn đề trên sẽ được cụ thể hóa tại Đề cương chi tiết.

2.2.3. Đề cương chi tiết đề xuất NAMA

Trong Đề cương chi tiết đề xuất NAMA (NAMA Proposal), bên đề xuất NAMA cần trình bày cụ thể hơn về nguồn tài chính thực hiện NAMA và các nguồn hỗ trợ tiềm năng. Đề cương này cần

bao gồm những thỏa thuận rõ ràng về hình thức hỗ trợ, những tác động dự kiến và việc thực hiện NAMA, cũng như những hậu quả nếu không tuân thủ thực hiện. Đề cương chi tiết đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự hỗ trợ và bước đầu thực hiện. Nó cũng đưa ra những yêu cầu về Đo đạc, Báo cáo và Thẩm định (MRV) và các giai đoạn báo cáo để các kết quả của NAMA có thể được đánh giá trong suốt quá trình thực hiện NAMA.

Yêu cầu về mức độ chi tiết và thông tin kỹ thuật cơ bản đối với Đề cương chi tiết NAMA vẫn chưa được quy định cụ thể. Một mặt, các quốc gia muốn chuyển từ các NAMA thí điểm càng sớm càng tốt mà không phải tuân thủ theo những quy định phức tạp của những cơ chế tài chính khí hậu hiện tại như CDM. Mặt khác, do nguồn tiền hỗ trợ thông qua kênh NAMA được dự đoán là khá lớn vì thế không tránh khỏi dẫn đến sự cạnh tranh giữa các quốc gia để nhận được khoản hỗ trợ tài chính này. Do vậy, những đề xuất NAMA càng chi tiết và thuyết phục thì càng có cơ hội nhận được hỗ trợ tài chính từ các nước phát triển.

Trên thực tế, mức độ chi tiết của đề xuất NAMA phụ thuộc vào loại và quy mô của NAMA, ví dụ, các hoạt động càng phức tạp, đòi hỏi nhiều vốn đầu tư, thì sẽ càng yêu cầu nhiều thông tin cơ bản hơn là những hoạt động đơn giản và/hoặc có quy mô nhỏ hơn. Việc có nên xây dựng các hướng dẫn hay tiêu chuẩn chung cho các đề cương chi tiết NAMA, như là đối với CDM, hay không vẫn còn đang được cân nhắc. Trong thời gian tới, gần như chắc chắn rằng nội dung của các đề cương chi tiết NAMA sẽ được quyết định dựa trên thỏa thuận giữa nhà tài trợ và nước chủ nhà đối với từng trường hợp cụ thể.

2.2.4. Các báo cáo Giám sát, Báo cáo và Thẩm định

Trong suốt quá trình thực hiện NAMA, cần phải tiến hành giám sát, báo cáo và thẩm định. Những báo cáo này sẽ cung cấp thông tin cho các nhà tài trợ, cộng đồng quốc tế hay Ban đăng ký về

tiến độ thực hiện NAMA. Bên cạnh đó, những báo cáo này cũng cung cấp những thông tin cơ bản cho đánh giá kế hoạch chi trả cho các hoạt động và thể hiện số tiền mà bên các nước đang phát triển đã nhận.

2.3. XÂY DỰNG NAMA TỪ VIỆC NÂNG CẤP CÁC DỰ ÁN CDM

Việc đề xuất, xây dựng NAMA tại các quốc gia đang phát triển còn gặp một số khó khăn do đây là vấn đề mới và chưa có hướng dẫn của UNFCCC. Tuy nhiên có thể thấy được tiềm năng xây dựng NAMA từ các dự án CDM vốn đã và đang được thực hiện tại hầu hết các quốc gia đang phát triển. Phần này trình bày cách tiếp cận để xây dựng NAMA từ các dự án CDM nói chung và các chương trình CDM nói riêng. Phương pháp tiếp cận này bao gồm bốn bước:

- Bước 1. Giới thiệu PoA;
- Bước 2. Phân tích các yếu tố xây dựng PoA chủ yếu;
- Bước 3. Khung đánh giá;
- Bước 4. Xây dựng NAMA dựa trên kết quả của ba bước đầu tiên.

Mô-đun 1: Giới thiệu PoA

PoA được mô tả ngắn gọn về các mặt tiêu chuẩn, điều kiện, phạm vi, tổ chức thực hiện chính theo tài liệu thiết kế PoA, bao gồm phân tích về khung pháp lý phát triển PoA và phù hợp với các chính sách trong nước hiện có. Để hoàn thành mô-đun này cần trả lời được các câu hỏi sau: (1) Phạm vi của PoA (về mặt kỹ thuật, địa lý) là gì? (2) Cơ chế quản lý PoA được thiết lập như thế nào? (3) PoA phù hợp với các chính sách quốc gia và khung pháp lý nào? (4) Nguồn phát thải KNK nào trong PoA sẽ cung cấp tín chỉ chính?

Bảng 4. Câu hỏi về sự phù hợp với NAMA của các hoạt động PoA

Hoạt động	Câu hỏi hướng dẫn
Tiêu chí lựa chọn	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí lựa chọn của PoA là gì? - Liệu các tiêu chí có nên được điều chỉnh để bao gồm các hoạt động bổ sung theo quy cách của NAMA, chẳng hạn như mở rộng sang các ngành khác và các can thiệp khác? - Liệu các tiêu chí có nên được điều chỉnh để mở rộng hoạt động thông qua sự tham gia của các đơn vị thực hiện khác? - PoA có bị giới hạn trong một khu vực/vùng nào không? Phạm vi bao phủ địa lý của nó có nên được tăng lên đến quy mô quốc gia? - Liệu rằng tính thích hợp có nên được điều chỉnh theo mục tiêu giảm phát thải từ cùng một hạng mục phát thải KNK của IPCC theo NAMA?
Thiết lập cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Đường cơ sở được thiết lập như thế nào trong PoA? - Đường cơ sở được thiết lập có ứng dụng được cho NAMA? - Liệu đường cơ sở có thể được điều chỉnh bằng cách đưa vào các hoạt động tiêu chuẩn? - Liệu đường cơ sở có thể được đơn giản hóa trong bối cảnh của một NAMA? - Liệu PoA cơ sở có thể được sử dụng để thiết lập mục tiêu cho NAMA?
Quy trình MRV	<ul style="list-style-type: none"> - Các yêu cầu giám sát chính của các PoA là gì? - Các yêu cầu giám sát PoA có hoàn toàn khả thi trong bối cảnh NAMA hay sẽ quá khó khăn để thực hiện chúng? - Liệu một NAMA và hệ thống MRV liên quan có thể được nâng cấp và hoạt động bằng cách sử dụng các PoA như là một điểm khởi đầu? - Ai là người chịu trách nhiệm giám sát và quản lý quá trình kiểm chứng? - Năng lực của các đối tượng có liên quan trong PoA để ước tính, thu thập và quản lý phát thải KNK trong bối cảnh NAMA như thế nào?
Quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu quản lý PoA được thiết lập như thế nào? Ai là người quản lý CME (Coordination/Managing Entity, là một thực thể thuộc PoA có vai trò được quy định theo các quy định của Ban điều hành CDM cho PoAs, nhưng một CME cũng sẽ thường xuyên đảm nhận vai trò thương mại (xúc tiến chương trình/các khoản thanh toán ưu đãi)? - CME có thể đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý NAMA hay không? - Nếu không, liệu có thể chuyển đổi PoA CME thành một thực thể với năng lực thể chế để quản lý một NAMA hay không? - Liệu các ưu đãi/quy định hiện hành có đủ để quản lý thành công một NAMA? Nếu không, những ưu đãi/quy định gì cần bổ sung để quản lý thành công một NAMA?

Mô-đun 2: Phân tích các yếu tố xây dựng PoA

Mô-đun này xem xét các hoạt động thiết kế cụ thể của các PoA và phân tích liệu chúng thể sử dụng để xây dựng NAMA hay không. Dựa trên phân tích này, mỗi hoạt động PoA được phân thành một trong các loại sau:

- Hoạt động thiết kế PoA có thể được áp dụng trực tiếp mà không cần sửa đổi (ví dụ, quá trình xác định đường cơ sở cho các hoạt động cụ thể);
- Hoạt động thiết kế PoA có liên quan nhưng yêu cầu một số điều chỉnh (ví dụ, thủ tục xây dựng đường cơ sở cho các hoạt động không bao gồm trong PoA nhưng sẽ được bao gồm trong NAMA);
- Hoạt động thiết kế PoA không sử dụng được cho xây dựng NAMA. Do đó, yêu cầu cần có các hoạt động mới để hoàn thiện việc xây dựng NAMA (ví dụ quy trình để thiết lập các mục tiêu NAMA).

Mô-đun 3: Khung đánh giá

Mô-đun này đánh giá khung chính sách và thể chế cho việc thực hiện NAMA. Để phục vụ đánh giá cần trả lời được bốn câu hỏi chính sau:

- Có sự hỗ trợ về chính sách của quốc gia thực hiện NAMA hay không?
- Năng lực tổ chức của nước chủ nhà hiện tại có đủ để thực hiện các chính sách CIES/quy định cần thiết cho một NAMA?
- Liệu có thể PoA cùng tồn tại với một NAMA trong tương lai cùng nhắm tới mục tiêu thuộc một lĩnh vực?
- Một NAMA thí điểm có thể được tích hợp vào các chính sách trong vòng một thập kỷ?

Mô-đun 4: Kết luận và các bước tiếp theo

Mô-đun 1 tới Mô-đun 3 đánh giá sự phù hợp của các PoA dự định nâng cấp/phát triển thành NAMA nói chung và các hoạt động PoA có thể được sử dụng trong thiết kế NAMA nói riêng như thế nào. Các câu hỏi kết luận cần được trả lời ở giai đoạn này là:

- Việc phát triển/mở rộng các PoA hiện có thành một NAMA có là một lựa chọn khả thi hay một ý tưởng tốt? Câu trả lời sẽ được dựa trên kết quả phân tích các mô-đun 1, 2 và 3.
- Những ưu điểm chính khi phát triển hay mở rộng quy mô của PoA thành một NAMA?
- Những hoạt động xây dựng chính nào của một NAMA được nâng cấp/phát triển từ PoA?
- Những hoạt động nào được đề xuất tiếp tục?

Lợi ích tiềm tàng của việc nâng cấp PoA thành NAMA

Khi thực hiện nâng cấp/xây dựng NAMA từ các PoA có thể mang đến các lợi ích sau:

- a) Không cần phải đợi kết quả của các cuộc đàm phán và vận hành một cơ chế mới cho NAMA (có thể mất nhiều năm);
- b) PoA là một khung hoàn toàn khả thi, bổ ích và có thể khởi động việc thực hiện NAMA ngắn hạn trong khi đồng thời thúc đẩy phát triển thị trường các-bon (tức là theo hướng nâng cấp từng bước PoA);
- c) Việc xây dựng một cơ chế NAMA cuối cùng trong tương lai có thể được hưởng lợi từ các bài học kinh nghiệm, năng lực đã được cải thiện và thực hành tốt đã được thiết lập trong quá trình chuyển đổi PoA thành NAMA.
- d) Phương pháp này phù hợp với một trong những mục tiêu rõ ràng của PoA là để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện bất kỳ biện pháp, chính sách giảm nhẹ KNK trong nước

hoặc mục tiêu đã nêu bằng cách bao gồm một số các hoạt động không giới hạn và có tiềm năng trong một chương trình giảm nhẹ. Vì vậy, phương pháp xây dựng NAMA từ PoA sẽ tăng cường trực tiếp và tức thời việc thực hiện các chính sách giảm nhẹ KNK trong nước.

Các dự án CDM có thể xem xét để chuyển đổi thành NAMA:

- Các dự án CDM/PoA có thể được tiếp tục mà không cần doanh thu CDM;
- Các dự án có thể tự duy trì (ví dụ như năng lượng tái tạo);
- Các chính sách/tài chính thay thế có sẵn;
- Lợi ích phi CDM bổ sung có thể đạt được nếu các dự án được cơ cấu lại;

Trong quá trình chuyển đổi các dự án CDM/PoA thành NAMA, các quốc gia thực hiện NAMA cần xem xét các vấn đề sau:

- Hỗ trợ tài chính công/tư nhân;
- Cơ chế tài chính mới (hỗ trợ khách hàng vay, người phát triển dự án);
- Giá các-bon trong nước (thuế, mua bán phát thải, ...);
- Khối lượng đầu tư cần thiết để phát triển CDM thành NAMA;
- Những lĩnh vực ưu tiên cao nhất có thể đưa vào NAMA.

CHƯƠNG 3. ĐO ĐẠC, BÁO CÁO VÀ THẨM ĐỊNH (MRV) ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NAMA

3.1. GIỚI THIỆU VỀ MRV CHO NAMA

Khái niệm về MRV: Đo đạc, Báo cáo và Thẩm định (MRV) là một hệ thống đáng tin cậy và minh bạch nhằm thực hiện việc giám sát hiệu quả của các hoạt động giảm nhẹ BĐKH, trong đó bao gồm các lợi ích giảm nhẹ KNK và các lợi ích khác (lợi ích môi trường, kinh tế - xã hội, ...). Ngoài ra, MRV được thiết lập để giám sát hiệu quả của các hỗ trợ về tài chính và công nghệ của các hoạt động giảm nhẹ BĐKH.

Mục tiêu chính của việc tiến hành MRV cho NAMA là đánh giá việc thực hiện NAMA ở từng quốc gia, và đảm bảo rằng tất cả các hành động của các quốc gia đều hướng tới mục tiêu chung của UNFCCC.

Vì NAMA có thể bao gồm nhiều hoạt động khác nhau, do đó, cần có nhiều hình thức MRV tương ứng để đảm bảo tính phù hợp với bản chất của những hoạt động này. Trong quá trình MRV, một số hành động có thể dễ dàng được định lượng, ví dụ như tiêu chuẩn về phát thải, tuy nhiên, một số trường hợp khác sẽ khó khăn hơn, như hành động tăng cường năng lực thể chế (Bakker và NNK; Ellis Moarif, 2009).

Đo đạc

Theo UNFCCC, phương pháp đo đạc truyền thống chính là dựa trên kết quả kiểm kê KNK quốc gia và được báo cáo trong Thông báo Quốc gia và BUR đệ trình UNFCCC. Hội nghị các bên (COP) đã quyết định rằng kiểm kê KNK phải được thực hiện bốn năm một lần đối với các nước đang phát triển. Hiệu quả và quá

trình thực hiện NAMA cũng phải được tiến hành đo đạc một cách đầy đủ và chính xác.

Báo cáo

Có hai loại báo cáo quy định theo UNFCCC: Thông báo Quốc gia và BUR. Ngoài kết quả kiểm kê KNK quốc gia, các báo cáo này cũng cần nêu rõ các hành động giảm nhẹ, tác động của chúng và kết quả của quá trình tiếp nhận hỗ trợ. BUR cung cấp kết quả cập nhật về các thông tin được trình bày trong Thông báo Quốc gia và bao gồm các thông tin về hành động giảm nhẹ, nhu cầu và sự tiếp nhận hỗ trợ.

Thông tin và kết quả của NAMA có thể được báo cáo một cách tự nguyện, không bắt buộc trong cả hai cơ chế này. COP17 đã quyết định rằng từ tháng 12 năm 2014, các quốc gia không thuộc Phụ lục I phải đệ trình BUR hai năm một lần, kiểm kê KNK quốc gia phải được tiến hành bốn năm một lần. Tại COP17, các bên đã thông qua Hướng dẫn xây dựng BUR và Hướng dẫn cho ICA và theo quyết định tại COP18, bản sửa đổi hướng dẫn xây dựng Thông báo quốc gia và BUR sẽ được đưa ra tại COP19.

Kiểm chứng

Tiến hành Tư vấn và Phân tích Quốc tế (ICA) các báo cáo BUR là cơ chế được sử dụng để kiểm chứng các hành động giảm nhẹ KNK, kết quả thực hiện và tiếp nhận hỗ trợ. Lưu ý rằng quá trình ICA sẽ là "không can thiệp, không trừng phạt và tôn trọng chủ quyền quốc gia". Quá trình ICA được thiết kế để tăng tính minh bạch của các hành động giảm nhẹ và tác động của chúng. Vòng đầu tiên của ICA được thiết lập trong vòng sáu tháng kể từ khi đệ trình BUR. Mặc dù các phương thức và các hướng dẫn của ICA đã được thông qua tại COP17, tuy nhiên, thành phần và các nhiệm vụ cụ thể cho đội ngũ chuyên gia kỹ thuật cho ICA vẫn chưa được quyết định.

Tiến hành MRV cần phải được phân biệt theo từng loại NAMA (đơn phương, được hỗ trợ, và tín chỉ các-bon). Ví dụ, Hàn Quốc gợi ý rằng đối với NAMA đơn phương, hệ thống báo cáo định kỳ của quốc gia có thể coi là đầy đủ. Hơn nữa, có thể linh hoạt hơn trong khi thực hiện MRV cho NAMA đơn phương, ví dụ bằng cách cho phép các nước đang phát triển có thể tự thực hiện thẩm định, tuy nhiên, phải dựa trên hướng dẫn quốc tế. Đối với các NAMA được hỗ trợ, việc thẩm định cần được xác minh ở tầm quốc tế thông qua UNFCCC. Đối với các NAMA tín chỉ các-bon, quy định của MRV nghiêm ngặt tương tự như với các dự án CDM, và phải tập trung vào lượng giảm phát thải thực tế, và quá trình thẩm định sẽ phải đóng một vai trò quan trọng trong các hoạt động này.

Một số nước phát triển đã chỉ ra sự cần thiết phải thực hiện kiểm kê KNK hàng năm cho các nước đang phát triển (có thể chú trọng đối với các lĩnh vực phát thải chính) và đệ trình thường xuyên hơn Thông báo Quốc gia để làm cơ sở cho việc thực hiện MRV.

3.2. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Hiện nay, MRV cho NAMA đang được thảo luận để theo dõi việc thực hiện và kết quả của các hành động hỗ trợ. Nhìn chung, có hai cách tiếp cận về MRV cho NAMA được hỗ trợ, bao gồm:

- ***Tiến hành MRV cho các NAMA theo thỏa thuận song phương giữa nước sở tại và nước hỗ trợ tài chính:*** Trong trường hợp này, số liệu và các tiêu chí đánh giá được hai bên quyết định sao cho phù hợp với hoàn cảnh quốc gia, bản chất của các NAMA và các nhu cầu cụ thể của các nước tài trợ và nước sở tại. Các báo cáo về MRV phải được cả hai bên xây dựng.
- ***Tiến hành MRV quốc tế theo quy định của UNFCCC:*** Trong trường hợp này, các số liệu cần thiết, dữ liệu, và các tiêu chí đánh giá được quyết định bởi cộng đồng đàm phán quốc tế và được xác định rõ trong Báo cáo cập nhật và Thông báo quốc

gia, trong đó có bao gồm kết quả kiểm kê KNK quốc gia. Các tiêu chuẩn cho báo cáo MRV thông qua UNFCCC sẽ cứng nhắc hơn so với báo cáo MRV thỏa thuận song phương.

Các phần dưới đây trình bày các khuyến nghị cho việc thực hiện MRV.

3.2.1. Tiến hành MRV cho NAMA theo thỏa thuận song phương giữa nước sở tại và nước hỗ trợ tài chính

Thỏa thuận song phương giữa các nước sở tại và nước hỗ trợ tài chính cho NAMA sẽ tạo ra sự linh hoạt trong việc định lượng tác động của NAMA nhằm đáp ứng nhu cầu của cả hai bên và để vượt qua những thách thức trong việc ước lượng giảm phát thải KNK từ NAMA.

1) Mức độ không chắc chắn trong tính toán lượng giảm phát thải KNK từ NAMA

Lượng giảm phát thải KNK là một kết quả quan trọng nhằm đo lường hiệu quả của việc thực hiện NAMA. Tuy nhiên, do tính không chắc chắn trong khi dự đoán phát thải trong tương lai nên cũng sẽ làm tăng thêm tính không chắc chắn trong quá trình định lượng cắt giảm phát thải KNK từ NAMA. Hơn nữa, một số NAMA có thể được thực hiện theo các giai đoạn, do đó, lượng phát thải tổng cộng có thể chưa được xác định rõ ràng trong giai đoạn đầu của dự án. Tính không chắc chắn này là có thể chấp nhận được trong bối cảnh việc cắt giảm phát thải không được xem xét để bù đắp lượng phát thải của các nước phát triển. Bên cạnh đó, việc xác định tổng lượng phát thải KNK (ví dụ, bằng cách sử dụng các dữ liệu về sử dụng nhiên liệu và đất phủ rừng) có thể được thực hiện với một mức độ chính xác cao hơn.

Trước khi ước tính lượng cắt giảm phát thải từ NAMA, cần thiết phải dự báo được lượng phát thải trong kịch bản phát triển như bình thường trong trường hợp không có NAMA. Bởi vì các dự đoán này liên quan đến việc xây dựng giả định về thị trường trong

tương lai, các yếu tố về các hoạt động và công nghệ nằm ngoài sự kiểm soát trực tiếp của các nước thực hiện NAMA, điều này cũng làm tăng tính không chắc chắn trong những dự đoán ban đầu. Do đó, cũng có sự không chắc chắn trong việc xác định tác động của NAMA (tức là sự khác biệt giữa đường phát thải cơ sở và phát thải thực tế trong các lĩnh vực được áp dụng NAMA).

Hơn nữa, tác động đầy đủ của NAMA có thể không thể nhìn thấy được ngay lập tức, đặc biệt trong trường hợp giảm phát thải phụ thuộc vào sự thay đổi trong hành vi hoặc NAMA được thực hiện trong một thời gian dài. Trong trường hợp này, báo cáo về lượng giảm phát thải sẽ không phản ánh đầy đủ về tác động của NAMA dự kiến. Vì thế cần cân nhắc thêm liệu các NAMA có hỗ trợ cho quá trình phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp và hỗ trợ các nước đang phát triển để mở rộng và nhân rộng các chính sách hay không.

Cuối cùng, vì NAMA được hỗ trợ và NAMA đơn phương không được dùng cho việc bán tín chỉ, do đó không có rủi ro là có sự cắt giảm "ảo" và vì thế NAMA cũng không làm giảm độ tin cậy của thị trường các-bon.

2) Giải quyết vấn đề không chắc chắn trong định lượng giảm phát thải KNK của NAMA

Việc đo đạc chính xác về lượng giảm phát thải KNK của NAMA là khó khả thi, cho nên chỉ tiêu đo đạc dạng "*hành động*" và "*quá trình*" có thể được sử dụng để xác định liệu các hành động hỗ trợ có thực sự có hiệu quả cắt giảm phát thải KNK hay không. Đồng thời, cũng có thể ước tính lượng giảm phát thải KNK do việc thực hiện NAMA bằng cách sử dụng các kịch bản đường cơ sở. Ví dụ, trong đề xuất NAMA, có thể xem xét một số kịch bản cơ bản (thấp, trung bình, cao) phản ánh các giả định khác nhau về thị trường, hành vi, các yếu tố công nghệ và ước tính một loạt các lượng cắt giảm phát thải KNK, từ đó đưa ra các điều kiện cần thiết

về chính sách nhằm đạt được kết quả đó. Như vậy, đề xuất NAMA phải chỉ ra được các yếu tố thành công, rủi ro và xác định các mốc thời gian đối với việc đánh giá lượng giảm phát thải. Sau khi thực hiện, lượng cắt giảm phát thải KNK có thể được hiệu chỉnh theo định kỳ dựa trên các chỉ số “tiến độ” và các yếu tố ảnh hưởng khác để đánh giá lại đường quá trình phát thải.

3) Tiêu chí sử dụng trong quá trình thực hiện MRV cho NAMA (theo thỏa thuận song phương)

Các quốc gia tài trợ và quốc gia thực hiện NAMA đều quan tâm đến hiệu quả của việc thực hiện NAMA. Trong quá trình xây dựng NAMA, cần phải định rõ các yếu tố nhằm định lượng hiệu quả của NAMA, các yếu tố này cần được xác định sao cho có thể dễ dàng theo dõi theo thời gian. Điều quan trọng là các yếu tố này phải có thể định lượng được một cách chắc chắn và phù hợp với các chính sách của quốc gia.

CCAP (2012) đề xuất một cách tiếp cận rộng hơn để thực hiện MRV cho NAMA nhằm đáp ứng nhu cầu về đánh giá tác động của NAMA và mức độ đóng góp vào sự phát triển bền vững như sau:

1. **Tiêu chí “hành động” và “quá trình”** có thể chứng minh rằng NAMA đang được thực hiện và đem lại hiệu quả. Tiêu chí “hành động” có thể bao gồm việc áp dụng thuế quan ưu đãi cho năng lượng tái tạo, sử dụng thuế nhập khẩu đặc biệt cho các công nghệ thân thiện với khí hậu, hoặc xây dựng hệ thống xe buýt nhanh. Tiêu chí “quá trình” có thể bao gồm tỷ lệ thâm nhập, ví dụ như tỷ lệ phần trăm của phát điện từ các nguồn tái tạo, tỷ lệ phần trăm của các nhà máy thép với công nghệ dập tắt khí khô, hoặc việc sử dụng phương tiện vận chuyển công cộng. Tiêu chí “quá trình” nên được so sánh với các dữ liệu lịch sử và các xu thế để đánh giá hiệu quả tổng thể và tránh sự không chắc chắn liên quan với dự báo BAU.

2. **Tiêu chí về KNK** sử dụng cho MRV bao gồm các tính toán tổng lượng phát thải KNK, mức tham chiếu, và mức giảm phát thải KNK. Số liệu cường độ phát thải KNK đặc biệt hữu ích trong bối cảnh nền kinh tế phát triển nhanh, bao gồm số liệu cho cả nền kinh tế (phát thải KNK/GDP) và các số liệu ngành: điện (phát thải KNK/MWh), thép (phát thải KNK/tấn), giao thông vận tải (phát thải KNK cho vận tải/đầu người).
3. **Tiêu chí phát triển bền vững** có thể bao gồm thu nhập bình quân, tổng vốn đầu tư của tư nhân và công cộng (ví dụ, xây dựng các tua-bin gió hoặc chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng), mức độ tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại cho các hộ gia đình, khả năng tiếp cận năng lượng sạch, cải thiện chất lượng không khí và cải thiện sức khỏe người dân. Các tiêu chí cụ thể về phát triển bền vững được trình bày chi tiết ở phần sau.

Xây dựng năng lực. Xây dựng năng lực là một phương thức mà hỗ trợ quốc tế sẽ chuyển giao cho các nước đang phát triển để hỗ trợ giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH. Hỗ trợ năng lực thông thường là một phần của NAMA được hỗ trợ, bao gồm cả hỗ trợ để đảm bảo khả năng nâng cao chất lượng định lượng hiệu quả của các hoạt động trong khuôn khổ thực hiện NAMA. Trong cách tiếp cận rộng hơn để tiến hành MRV cho NAMA thông qua các thỏa thuận song phương, cần có các hỗ trợ năng lực cho việc định lượng và nâng cao chất lượng dữ liệu và đánh giá hiệu quả của chương trình.

Trách nhiệm thực hiện NAMA. Cách tiếp cận rộng hơn về đo đạc sẽ cung cấp các thông tin cần thiết để đảm bảo trách nhiệm thực hiện NAMA và đánh giá hiệu quả của NAMA thông qua các điều chỉnh chính sách trong nước. Trách nhiệm thực hiện NAMA được hỗ trợ và NAMA đơn phương sẽ được chứng minh bằng việc triển khai các hoạt động quy định trong đề xuất NAMA, quá trình khắc phục các rào cản và mức độ của kết quả đạt được. Tiến hành MRV bằng cách sử dụng chỉ số “hành động” và “quá trình” là một thành phần quan trọng và hữu ích trong các thỏa thuận song

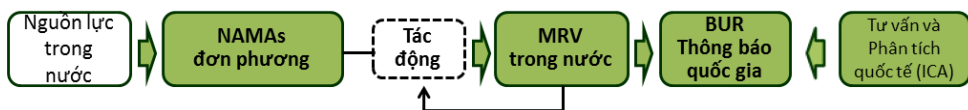
phương đối với NAMA được hỗ trợ, với các chi tiết thỏa thuận giữa các nước đang phát triển và các nhà tài trợ.

Hiệu quả của NAMA. Hiệu quả của NAMA có thể được đánh giá qua một loạt các tiêu chí, bao gồm tiêu chí “kết quả” (lượng giảm phát thải KNK, phát triển bền vững, ...), tiêu chí “quá trình” (ví dụ, tỷ lệ thâm nhập, ...), hiệu quả chi phí. Hiệu quả chi phí có thể được xem xét một cách truyền thống như chi phí cho một tấn CO₂ có thể cắt giảm, cũng có thể dựa trên chỉ số “kết quả” (ví dụ, chi phí cho một MWh năng lượng tái tạo, chi phí cho việc chuyển đổi sử dụng phương tiện công cộng, ...) và các chỉ số toàn diện về lợi ích kinh tế và phát triển bền vững. Việc giám sát tài chính trực tiếp và gián tiếp trong quá trình thực hiện NAMA sẽ cho thấy hiệu quả của tài trợ, cho dù từ nguồn tài chính công hay tư nhân. Các nhà tài trợ có thể sẽ xem xét một loạt các tiêu chí hiệu quả như vậy trước khi quyết định lựa chọn những NAMA để tài trợ. Các nhà tài trợ có thể dành ưu tiên cho các đề xuất NAMA trong đó trình bày rõ ràng kết quả đem lại trong ngắn hạn và đề xuất các lợi ích về cắt giảm phát thải KNK và phát triển bền vững trong trung hạn và dài hạn.

3.2.2. Tiến hành MRV cho NAMA theo quy định của UNFCCC

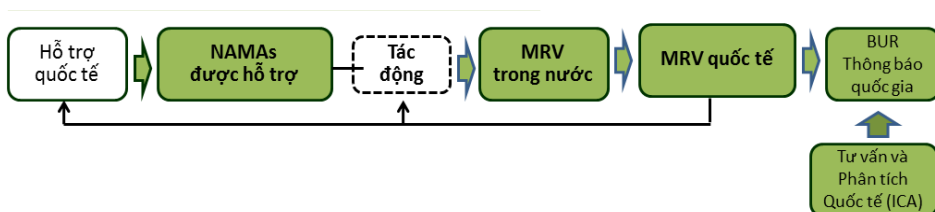
Như đã trình bày ở Chương 1, có hai loại NAMA đã chính thức được quốc tế công nhận: (i) NAMA đơn phương và (ii) NAMA được hỗ trợ. UNFCCC đã đưa ra quy trình MRV cho hai loại NAMA này như sau:

- Đối với NAMA đơn phương: Việc thực hiện NAMA đơn phương trước tiên sẽ được MRV bởi các cơ quan có thẩm quyền trong nước. Kết quả MRV sẽ được phản ánh trong BUR và/hoặc Thông báo quốc gia. Các kết quả MRV này sẽ được thẩm định bởi Cơ quan Tư vấn và Phân tích Quốc tế (ICA). Hình 8 thể hiện quy trình MRV cho NAMA đơn phương.



Hình 8. Quy trình MRV cho NAMA đơn phương

- Đối với loại NAMA được hỗ trợ: việc thực hiện NAMA được hỗ trợ trước tiên sẽ được MRV bởi các cơ quan có thẩm quyền trong nước. Sau đó, kết quả MRV này sẽ được kiểm chứng bởi MRV quốc tế. Các kết quả MRV sẽ được phản ánh trong BUR và/hoặc Thông báo quốc gia. Các kết quả MRV này sẽ được thẩm định bởi Cơ quan Tư vấn và Phân tích Quốc tế (ICA). Hình 9 thể hiện quy trình MRV cho NAMA nhận sự hỗ trợ quốc tế.



Hình 9. Quy trình MRV cho NAMA nhận sự hỗ trợ quốc tế

Những phần dưới đây sẽ trình bày cụ thể hơn những thông tin cập nhật về MRV trong nước, Báo cáo BUR, Thông báo Quốc gia và Tư vấn và Phân tích Quốc tế (ICA). Đây cũng là những vấn đề đang được tranh luận trên thế giới nên các ý kiến vẫn còn chưa thống nhất.

a. MRV trong nước

Các Bên hiện nay đang trong quá trình xây dựng Hướng dẫn chung cho MRV trong nước cho NAMA đơn phương. Tại COP18, SBSTA đã thảo luận về việc xây dựng Hướng dẫn chung về MRV quốc gia cho NAMA đơn phương. SBSTA đã kết luận rằng bản Hướng dẫn chung về MRV quốc gia cho NAMA đơn phương, quá trình MRV cho NAMA đơn phương nên được tiến hành khái quát, tự nguyện, căn cứ vào thực tế, không bắt buộc và không xâm phạm

đến các nước đang phát triển; cân nhắc đến hoàn cảnh quốc gia; tôn trọng sự đa dạng của các loại NAMA; xây dựng dựa trên hệ thống và năng lực quốc gia; có xem xét đến các hệ thống hiện tại; và đẩy mạnh cách tiếp cận chi phí - hiệu quả. SBSTA kêu gọi các quốc gia đưa ra ý kiến của mình về bản Hướng dẫn trước 25/03/2013. SBSTA cũng đồng ý tiếp tục quá trình xây dựng bản Hướng dẫn tại phiên họp tới nhằm đưa ra được bản dự thảo Hướng dẫn chung về MRV quốc gia cho NAMA đơn phương tại COP19.

b. Báo cáo cập nhật hai năm một lần và Thông báo Quốc gia

Thông báo Quốc gia yêu cầu phải có kết quả kiểm kê KNK quốc gia cũng như báo cáo phát thải cho từng ngành và được thực hiện bốn năm một lần đối với các nước đang phát triển. Yêu cầu về BUR lần đầu tiên được đưa ra tại COP16 với mục tiêu nhằm bổ sung thêm cho Thông báo Quốc gia, bao gồm các thông tin cập nhật về kết quả kiểm kê KNK, hành động giảm nhẹ KNK, nhu cầu và kết quả tiếp nhận hỗ trợ. Hướng dẫn xây dựng BUR đã được thông qua tại COP17.

BUR (trừ các nước kém phát triển và các quốc đảo nhỏ đang phát triển) có thể là một bản tóm tắt một phần của Thông báo quốc gia hoặc một bản báo cáo cập nhật độc lập. Theo Hướng dẫn cho BUR đã được chấp thuận tại COP17, các nội dung cần được phản ánh trong BUR bao gồm:

- Cập nhật về kiểm kê KNK quốc gia;
- Thông tin về các hoạt động giảm nhẹ KNK và tác động của các hoạt động đó;
- Nhu cầu và các hỗ trợ đã nhận;
- Thông tin về MRV quốc gia;

BUR sẽ được đánh giá bởi Tư vấn và Phân tích Quốc tế (ICA) và BUR đầu tiên sẽ phải được đệ trình vào tháng 12 năm 2014.

Đối với NAMA, trong văn bản của các cuộc đàm phán hiện tại yêu cầu cần có báo cáo về phát thải dự kiến cho các ngành, định lượng các mục tiêu, đưa ra các chỉ số tiến độ thực hiện và ước tính lượng KNK có thể cắt giảm. Các văn bản này không quy định chỉ số "kết quả" được sử dụng, thay vào đó, gợi ý rằng chúng sẽ "phụ thuộc vào loại hành động". Thuật ngữ này xuất hiện để cho phép các nước đang phát triển có thể quyết định lựa chọn chỉ số để theo dõi trong bối cảnh các thỏa thuận song phương với các quốc gia tài trợ.

Các văn bản hiện hành liên quan cũng tạo sự linh hoạt về việc báo cáo NAMA riêng lẻ hoặc các NAMA có liên quan với nhau. Đây là vấn đề quan trọng trong trường hợp có nhiều NAMA trong một lĩnh vực cụ thể, ví dụ, nếu có nhiều NAMA (hiệu quả năng lượng, năng lượng tái tạo) và chúng đều hướng tới mục tiêu tìm cách giảm lượng khí thải từ ngành điện. Trong những trường hợp như vậy, để có thể tách riêng các tác động đến cắt giảm phát thải của từng NAMA đơn lẻ sẽ là vô cùng khó khăn.

Báo cáo về các kết quả giảm nhẹ KNK là cần thiết để có thể xác định hiệu quả của quá trình thực hiện NAMA, các báo cáo này cung cấp với mức độ chính xác cao nhất có thể cho UNFCCC. Do lượng giảm phát thải KNK được ước tính dựa trên những dự đoán ban đầu, do đó, sẽ có sự không chắc chắn trong việc xác định chúng. Do vậy, các nước đang phát triển (không phải là yêu cầu bắt buộc) cần xây dựng các kịch bản cơ bản thay thế và/hoặc bổ sung các số liệu nhằm đem lại tính chính xác hơn trong đánh giá tiến độ thực hiện và tác động của NAMA.

Tại COP18, SBSTA đồng ý về chương trình làm việc đối với việc sửa các bản Hướng dẫn xây dựng Thông báo quốc gia, BUR và kiểm kê KNK với các mốc thời gian và các hoạt động cụ thể cho năm 2013 và năm 2014 như sau:

- Việc sửa đổi Hướng dẫn xây dựng Thông báo quốc gia và Báo cáo cập nhật 2 năm một lần sẽ được hoàn thành tại COP19;
- Việc sửa đổi Hướng dẫn về Kiểm kê KNK sẽ được hoàn thành vào tại COP20;
- SBSTA cũng yêu cầu Ban thư ký tổ chức các cuộc hội thảo kỹ thuật vào năm 2013 và 2014.

c. Tư vấn và Phân tích Quốc tế (ICA)

Tư vấn và Phân tích Quốc tế (ICA) sẽ giúp cộng đồng quốc tế hiểu rõ hơn về các hành động giảm nhẹ được thực hiện ở các nước đang phát triển, và thông qua ICA, các quốc gia sẽ được hỗ trợ để cải thiện các phương pháp và số liệu được sử dụng cho các báo cáo. Quan trọng hơn, ICA không yêu cầu dữ liệu bổ sung ngoài những số liệu đã được báo cáo lên UNFCCC. Mục đích của ICA là đảm bảo tính minh bạch của NAMA, chia sẻ các trường hợp điển hình để tạo điều kiện cho việc xây dựng và thực hiện NAMA, tiến hành MRV, và xác định nhu cầu hỗ trợ năng lực.

Theo UNFCCC, ICA sẽ không can thiệp mà tạo điều kiện thuận lợi, phù hợp với hoàn cảnh quốc gia, không tạo ra quá nhiều gánh nặng, chỉ xem xét quá trình thực hiện NAMA đối với các nước phát triển, và không áp đặt cam kết mới đối với các nước đang phát triển. Thỏa luận về sự thích hợp của các chính sách quốc gia của các nước đang phát triển và đo đạc không phải là một nội dung của quá trình ICA.

Việc Phân tích và Tư vấn Quốc tế lần đầu tiên sẽ được thực hiện trong vòng 06 tháng sau khi BUR được đệ trình.

Hiện nay, việc đánh giá BUR của ICA vẫn còn được tranh luận, có ý kiến cho rằng ICA sẽ liên quan đến các phân tích kỹ thuật bao gồm: Các phương pháp và kết quả kiểm kê KNK, tình trạng thực hiện NAMA, hệ thống MRV quốc gia, và thông tin về

tiếp nhận hỗ trợ. Các phân tích sẽ hướng tới (1) xác định thông tin cần thiết phải được đệ trình, (2) xác định các hành động được thực hiện (3) tìm hiểu các phương pháp được sử dụng, và (4) xác định những khó khăn trong lập kế hoạch, thực hiện và tiến hành MRV cho NAMA.

3.3. CHỈ SỐ GIÁM SÁT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Kể từ khi thuật ngữ "phát triển bền vững" được khái niệm hóa trong năm 1987, các nước đang phát triển đã tìm cách theo đuổi tăng trưởng kinh tế với lợi ích xã hội và môi trường. Trong bối cảnh giảm nhẹ BĐKH, nhiều chiến lược giảm phát thải KNK có thể đem lại đồng lợi ích với các ưu tiên phát triển bền vững quốc gia. Ví dụ, giảm phát thải thông qua việc sử dụng năng lượng tái tạo cũng mở rộng tiếp cận năng lượng, tăng việc làm và làm giảm ô nhiễm không khí. Vì vậy, NAMA có thể là một phần của chiến lược phát triển bền vững quốc gia và sử dụng tài chính khí hậu để hỗ trợ chương trình phát triển của một quốc gia. Hơn nữa, NAMA cũng cung cấp các hỗ trợ về chính sách trong nước để tiếp nhận tài trợ và thực hiện các hành động giảm nhẹ phát thải KNK. Trong bối cảnh đó, việc thực hiện MRV cho NAMA sẽ cần phải có các chỉ số nhằm giám sát lợi ích về phát triển bền vững. Các mục dưới đây sẽ trình bày về quy trình xây dựng các chỉ số này.

3.3.1. Các thể chế và quy trình xây dựng chỉ số giám sát phát triển bền vững

Cách tiếp cận sau đây có thể được sử dụng để các nước đang phát triển muốn tự nguyện tiến hành MRV đối với lợi ích phát triển bền vững của NAMA, như sau:

- ***Sử dụng các tiêu chuẩn cấp chương trình hoặc quốc gia:***
Thiết lập các tiêu chí về phát triển bền vững cấp chương trình hoặc quốc gia để hướng dẫn phân loại các chỉ số phản ánh các ưu tiên phát triển bền vững của một quốc gia;

- ***Xây dựng và ban hành một số chỉ tiêu cụ thể cho dự án, chương trình gắn liền với các tiêu chí được thiết lập và có thể định lượng theo thời gian:*** Cùng với việc sử dụng các tiêu chuẩn cấp chương trình hoặc quốc gia để đánh giá, so sánh, có thể linh hoạt lựa chọn các chỉ số phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, bao gồm cả chỉ số về năng lực, nguồn lực tài chính và dữ liệu sẵn có hoặc có thể lựa chọn với sự hỗ trợ quốc tế;
- ***Thiết lập yêu cầu và thời hạn báo cáo:*** Cung cấp hướng dẫn về yêu cầu báo cáo của việc thực hiện dự án và thiết lập thời hạn nộp báo cáo giám sát sẽ giúp triển khai MRV đối với phát triển bền vững một cách chặt chẽ;
- ***Tư vấn các bên liên quan:*** Tham vấn với các cộng đồng bị ảnh hưởng là rất quan trọng để xác định các vấn đề ưu tiên của cộng đồng, đề xuất và thực hiện hướng giải quyết các mối quan tâm. Việc tham vấn với các bên liên quan sẽ giúp cho công tác hỗ trợ cộng đồng cho các dự án và mang lại các chỉ số về phát triển bền vững phù hợp chặt chẽ hơn với nhu cầu của cộng đồng.

3.3.2. Các chỉ số giám sát phát triển bền vững

Một số các chỉ số có thể được sử dụng trong giám sát phát triển bền vững được liệt kê trong Bảng 5, các nước đang phát triển có thể sử dụng để đánh giá và lựa chọn các chỉ số tốt nhất phù hợp với hoàn cảnh quốc gia.

Các câu hỏi quan trọng cần xem xét khi lựa chọn các chỉ số giám sát phát triển bền vững có thể bao gồm:

- Liệu các chỉ số này có gắn kết với các ưu tiên phát triển bền vững của quốc gia?
- Liệu các chỉ số này có giúp theo dõi sự giúp đỡ hỗ trợ chính sách và/hoặc tài chính trong nước?
- Số liệu để xác định các chỉ số là có sẵn hay nó có thể được thu thập với một chi phí hợp lý?

- Số liệu để xác định chỉ số có thể được thu thập với mức độ chính xác hợp lý?
- Các chỉ số này có thể dễ dàng so sánh giữa các chính sách và/hoặc giữa các lĩnh vực?
- Các chỉ số có gắn kết với lợi ích phát triển của các quốc gia hoặc các lĩnh vực?

3.4. MRV CHO NAMA CHÍNH SÁCH

MRV cho NAMA chính sách là khác với cách tiếp cận MRV truyền thống thông thường với mục tiêu là xác định lượng giảm phát thải. Một vài NAMA chính sách có thể đo đạc thông các hoạt động được coi là kết quả của chính sách (ví dụ, số lượng các thoả thuận đã ký kết cho các dự án năng lượng tái tạo). Tuy nhiên, tác động của các NAMA khác (ví dụ, tiêu chuẩn thiết bị hiệu quả năng lượng) sẽ khó có thể đo đạc, đặc biệt là việc xác định đường cơ sở trong trường hợp này là không thể thực hiện được.

Bảng 6 trình bày một số lựa chọn chỉ tiêu để đo đạc và báo cáo cho các NAMA chính sách.

Bảng 5. Một số các chỉ số có thể sử dụng trong giám sát mục tiêu phát triển bền vững

Chỉ số	Đơn vị	Giao thông	Năng lượng tái tạo	Xây dựng	Công nghiệp	Quản lý chất thải
Các chỉ số kinh tế						
Cân bằng chi trả	Giá trị của nhiên liệu hóa thạch nhập khẩu thay thế bởi năng lượng tái tạo (\$)		x			
Khả năng cạnh tranh và năng suất	Giá trị sản xuất gia tăng (MVA)/một đơn vị tiêu thụ năng lượng (\$/MWh)				x	
	MVA/giá trị tiêu thụ năng lượng (\$)				x	
Khả năng bổ sung năng lượng	MW			x	x	
Tiết kiệm giá thành năng lượng	(\$)			x		
Cường độ năng lượng/GDP	MJ/(\$)			x		
Sản xuất năng lượng	kWh					x
An ninh năng lượng	Nhập khẩu nhiên liệu (tân dầu tương đương)			x	x	
	(%) dầu nhập khẩu theo ngành	x	x	x	x	
	(%) của tổng nguồn cung cấp năng lượng từ các nguồn năng lượng tái tạo		x			
Cường độ nhiên liệu	Tiêu thụ nhiên liệu trung bình cho mỗi hành khách/km	x				
Tiết kiệm nhiên liệu/đầu	Tân dầu tương đương/đầu người	x				

người						
Tạo việc làm	Số lượng công việc được tạo ra	x	x	x	x	x
Sử dụng tài chính tư nhân	Tỷ lệ tài trợ tư nhân so với tài trợ công	x				
	Tỷ lệ tài chính khí hậu so với tài chính công	x				
	Tỷ lệ tổng kinh phí so với tài trợ công	x				
Hiện đại hóa	Độ tuổi trung bình của công nghệ (năm)				x	
	Đầu tư vào công suất mới (\$)				x	
Chi tiêu công	(\$)	x				
	Trì hoãn hoặc tránh được chi phí cơ sở hạ tầng (\$)					x
Thu nhập từ thuế	(\$)	x				x
Chuyển giao công nghệ	Số lượng hợp đồng sở hữu trí tuệ				x	
	Số người tham gia					x
	Số lượng các chương trình đào tạo, hội thảo, thăm trang web		x	x		x
	Tổng đầu tư hàng năm và các dòng vốn trong công nghệ BDKH		x	x		x
	Số lượng hoặc giá trị các hoạt động nghiên cứu, phát triển và thực thi (RD & D)		x	x	x	x
Các chỉ số xã hội						
Tiếp cận năng lượng hiện đại	(%) số hộ gia đình hay dân số tiếp cận với năng lượng hiện đại		x			
Sử dụng vào giao thông công cộng	(%) dân số sử dụng phương tiện vận chuyển các-bon thấp	x				
Sử dụng dịch vụ quản lý chất thải	(%) dân số hoặc các hộ gia đình có quyền sử dụng dịch vụ quản lý chất thải					x
Khả năng chi trả chi phí điện	Giá thành cho mỗi đơn vị năng lượng		x			
	(%) thu nhập hộ gia đình chi cho nhiên liệu và điện		x			
Xây dựng năng lực	Số lượng và loại kiến thức					x

Chi phí vận chuyển trung bình	Chi phí trung bình cho mỗi chuyến vận chuyển hành khách	x				
	(%) chi phí cho giao thông vận tải so với thu nhập hộ gia đình	x				
Y tế	Dịch bệnh (khác nhau)					x
	Nhiễm trùng hô hấp	x	x		x	
Chất lượng việc làm	Số lượng nhân viên thỏa mãn nhu cầu về lợi ích			x		x
	Thu nhập bình quân đầu người hoặc hộ gia đình			x		x
	Môi trường lao động an toàn (tỷ lệ lao động được sử dụng thiết bị an toàn)					x
	Tăng cường kỹ năng (số lượng các buổi đào tạo)			x		x
Giảm chi tiêu hộ gia đình	Chi phí năng lượng có thể giảm được (\$)			x		
An toàn	Số vụ tai nạn	x				
Các chỉ số về môi trường						
ô nhiễm không khí	Lượng phát thải chất gây ô nhiễm không khí hàng năm (tấn hoặc nồng độ)	x	x	x	x	x
	Nồng độ các chất ô nhiễm phát ra					x
	Số lượng hoặc (%) số hộ gia đình đốt rác					x
Khai thác tài nguyên thiên nhiên	Tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên (tấn, km ²)				x	
	Tiêu thụ tài nguyên trên một đơn vị giá trị (tấn/\$)				x	
Chất lượng nước	Mức độ chất ô nhiễm trong đất/nước (mg/l)					x

Nguồn: CCAP

Bảng 6. Chỉ tiêu để đo đạc và báo cáo cho các NAMA chính sách

Loại chính sách và biện pháp	Ví dụ	Chỉ tiêu để giám sát/báo cáo
Các biện pháp kinh tế/tài chính chung	Loại bỏ dần trợ cấp	Ngày và/hoặc số tiền trợ cấp; thay đổi trong lượng tiêu thụ năng lượng được trợ cấp
	Thuế CO ₂	(\$)/tấn; sự thay đổi theo thời gian của các khoản thuế cho các sản phẩm bị đánh thuế
Các biện pháp về mục tiêu kinh tế/tài chính	Thuế rác thải	(\$)/tấn rác, m ³ CH ₄ thu nhận được
	Thuế ưu đãi cho năng lượng tái tạo	(\$)/MWh; công suất lắp đặt (MW); Công suất phát điện (MWh)
Quy định/tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn thiết bị	Tiêu chuẩn tiêu thụ năng lượng; % các thiết bị trên thị trường đáp ứng các tiêu chuẩn mới
	Quy định thị trường điện	Công suất lắp đặt (MW);
	Tiêu chuẩn nhiên liệu sinh học	% nhiên liệu sinh học/lít
Biện pháp dựa vào thị trường	Chứng nhận Xanh (năng lượng tái tạo)	(\$)/Chứng nhận;
	Mua bán phát thải	Tấn CO ₂ tương đương
Thỏa thuận công nghiệp/ngành	Tiêu chuẩn thi hành	lượng phát thải trên mỗi tấn sản phẩm; % lượng khí thải để sản xuất mỗi tấn sản phẩm
Mục tiêu/Chỉ tiêu	Tăng diện tích rừng	Diện tích (ha) đất lâm nghiệp
Thông tin, giáo dục, phát triển năng lực	Các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng	Số lượng các yêu cầu đối với nguồn tài trợ/công cụ/thông tin; lượng truy cập trên các website; chi phí thực tế
	Năng lực cho các đơn vị thực hiện	Số lượng các nhà nghiên cứu; nguồn tài trợ
Nghiên cứu, phát triển và trình diễn	Nghiên cứu và phát triển công nghệ Các bon thấp	Số lượng bằng sáng chế
	Các dự án thuyết minh/thí điểm	Số lượng dự án; tài trợ đôn bầy, số liệu dự án cụ thể (MW; khí thải)

Nguồn: OECD

3.5. XÂY DỰNG ĐƯỜNG PHÁT THẢI CƠ SỞ

Đường phát thải cơ sở quốc gia đã trở thành một chủ đề quan trọng trong các cuộc đàm phán quốc tế. Nhiều nước đang phát triển đã xây dựng mục tiêu giảm nhẹ KNK và gửi lên UNFCCC, trong đó lượng giảm nhẹ KNK sẽ được so sánh với kịch bản phát thải cơ sở. Hiện tại, vẫn chưa có một hướng dẫn quốc tế về xây dựng kịch bản đường cơ sở. Tuy nhiên, việc xây dựng một đường cơ sở chính xác là rất quan trọng, trên cơ sở đó có thể (i) Xác định mục tiêu giảm nhẹ KNK, (ii) Thực hiện các chính sách giảm nhẹ, và (iii) So sánh lượng giảm nhẹ KNK giữa các quốc gia. Nhiều nước đang phát triển đã đề xuất NAMA, trong đó có những NAMA cần nguồn tài trợ của quốc tế. Để có thể nhận được hỗ trợ tài chính quốc tế, cần phải xác định được lượng giảm phát thải KNK từ các hoạt động đó và có nghĩa là cần phải xây dựng được một đường cơ sở chính xác.

Kịch bản đường phát thải cơ sở quốc gia có thể là kịch bản “phát triển như bình thường” (BAU), hay cũng có thể là các kịch bản khác phụ thuộc vào các giả định khác nhau. Xây dựng đường phát thải cơ sở quốc gia vì thế bao gồm không chỉ phân tích số liệu kỹ thuật và thiết lập các giả định. Đường phát thải cơ sở là mức phát thải KNK tham chiếu để xác lập mục tiêu giảm nhẹ và/hoặc để đo đạc tiến độ thực hiện các hoạt động giảm nhẹ.

Cần phải xác định mục tiêu của đường phát thải cơ sở: mục tiêu của NAMA là gì? Điều gì sẽ xảy ra trong trường hợp không thực hiện NAMA?

Bên cạnh đó, cần phải xác định ranh giới giữa các NAMA, điều này rất quan trọng khi đề xuất NAMA. Trong một số trường hợp, ranh giới giữa các NAMA có thể được xác định dựa trên yếu tố địa lý, trong một số trường hợp khác, lại được xác định theo ngành, một số khác thì lại theo chính sách. Nếu các NAMA trùng lặp nhau, cần phải xác định NAMA nào mang lại những kết quả

tương ứng nào. Điều này rất quan trọng đối với NAMA được hỗ trợ và NAMA tạo tín chỉ để tránh sự trùng lặp khi định lượng kết quả thu được từ các NAMA. Sự minh bạch trong đo đạc và báo cáo các hoạt động NAMA là điều kiện đầu tiên để giải quyết vấn đề trên khi thiết lập và xác định ranh giới giữa các NAMA. Sự điều phối giữa các cơ quan chịu trách nhiệm nhằm tránh trùng lặp giữa các NAMA là rất quan trọng.

Bên cạnh đó, cần phải thu thập số liệu để xây dựng đường cơ sở, cân nhắc rõ ràng các-bon cũng như độ không chắc chắn và còn cần phải chú ý đến cả lượng giảm phát thải. Mặt khác, cũng cần đưa cả những lợi ích khác ngoài lợi ích giảm phát thải KNK vào trong đường phát thải cơ sở.

Trong quá trình xây dựng đường phát thải cơ sở, cần phải xác định những yếu tố sau:

- *Phạm vi:* Dự án, chương trình, ngành, quốc gia và công nghệ.
- *Đơn vị hay chỉ số:* Lượng KNK (hay CO₂) tuyệt đối; lượng KNK tương đối (ví dụ như cường độ phát thải, các đơn vị gián tiếp, khối lượng rừng, hay các chỉ số định lượng khác như năng lực giảm nhẹ, lợi ích kép. Khi lựa chọn các đơn vị gián tiếp, cần cân nhắc liệu có cần định lượng lượng giảm nhẹ phát thải KNK thông qua các hoạt động gián tiếp đó hay không.
- *Đơn vị thời gian:* Có thể giai đoạn đơn (ví dụ một năm), cũng có thể giai đoạn kép (trung bình của nhiều năm).
- *Giả định tương lai:* Giả định việc phát thải diễn ra liên tục (dự án); tốc độ phát thải KNK/cường độ năng lượng (ngành); mô hình dựa trên các chính sách được đưa vào đường cơ sở;

- *Lợi ích kép*: chỉ số phát triển bền vững (ví dụ hiệu quả sử dụng tài nguyên...);

Các nguồn thông tin sau đây có thể được cân nhắc để sử dụng làm số liệu đầu vào cho việc xây dựng đường cơ sở và thực hiện các giám sát sau này:

- Kết quả kiểm kê KNK: Trong Thông báo quốc gia và BUR;
- Các số liệu của từng ngành;
- Số liệu tiêu thụ;
- Hệ số phát thải;
- Dự báo tăng trưởng kinh tế;
- Dự báo tăng trưởng dân số.

CHƯƠNG 4. TÀI CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NAMA

NAMA là khái niệm tương đối mới trên thế giới và hiện nay vẫn chưa có một cơ chế tài chính chính thức nào cho NAMA. Theo báo cáo của ECOFYS năm 2012, đến tháng 04 năm 2012 có hơn 50 quốc gia đăng ký ý tưởng NAMA với UNFCCC nhưng chưa có một NAMA nào được hỗ trợ tài chính.

Tại hội nghị COP 16, các nước phát triển đã cam kết hỗ trợ 30 tỷ USD cho các nước đang phát triển cho các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ BĐKH. Nguồn tiền 30 tỷ này sẽ được huy động trong giai đoạn 2010-2012, được gọi là quỹ tài trợ nhanh (fast start finance). Các nước phát triển đồng thời cam kết đến năm 2020 sẽ huy động 100 tỷ đô-la để hỗ trợ các nước đang phát triển thực hiện các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ.

Tuy nhiên, như đã đề cập, hiện chưa có cơ chế tài chính nào chính thức cho NAMA, bởi vậy để chuyển thể từ những ý tưởng về NAMA thành chương trình hành động, thì rất cần một cơ chế tài chính rõ ràng để các nước đang phát triển có thể sớm nhận được nguồn vốn để thực thi các dự án NAMA.

Cơ chế tài chính tốt sẽ có thể huy động được các nguồn vốn và thúc đẩy được sự đầu tư cho các dự án NAMA. Tại thời điểm hiện tại, nguồn tài chính của các dự án NAMA sẽ phải thông qua các kênh, các quỹ hỗ trợ về giảm nhẹ KNK để có thể nhận được tài trợ.

Vì định nghĩa của NAMA bao quát khá rộng nên nhiều NAMA sẽ bao gồm hoặc tương tự như những hoạt động về giảm nhẹ KNK đang có. Bởi vậy, đối với những NAMA này hoàn toàn có thể tiếp cận được các nguồn tài trợ từ những quỹ đang có hỗ trợ về giảm nhẹ phát thải KNK.

4.1. CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH CHO NAMA

Nếu phân loại theo cơ chế tài chính thì có 3 loại NAMA, bao gồm: (i) NAMA đơn phương; (ii) NAMA được hỗ trợ, và (iii) NAMA tạo tín chỉ. Các nguồn tài chính cho từng loại NAMA như sau:

- NAMA đơn phương: Các nguồn tài chính của NAMA đơn phương thường từ ngân sách quốc gia;
- NAMA được hỗ trợ: Các NAMA này tìm kiếm và tiếp nhận các nguồn tài chính từ các tổ chức, quỹ, các ngân hàng quốc tế và từ chính phủ của các nước phát triển;
- NAMA tạo tín chỉ: hoạt động dựa trên cơ chế của thị trường các-bon.

Bảng 7. Các nguồn tài chính tương ứng với từng loại NAMA

Loại NAMA	Nguồn tài chính
NAMA đơn phương	<ul style="list-style-type: none">▪ Ngân sách chính phủ;▪ Nguồn tài chính từ khu vực tư nhân tại nước đang phát triển;▪ Các nguồn tài chính khác.
NAMA được hỗ trợ	<ul style="list-style-type: none">▪ Ngân sách chính phủ;▪ Các quỹ hỗ trợ song phương và đa phương;▪ Các nguồn tài chính khác.
NAMA tạo tín chỉ	Doanh thu từ việc bán tín chỉ các-bon

Các nguồn tài chính cho ba loại NAMA nêu trên được tổng hợp trong Bảng 7.

Có nhiều cách để một NAMA nhận được hỗ trợ về tài chính. Các ý tưởng và đề xuất NAMA có thể nộp lên UNFCCC. UNFCCC sẽ đăng tải các thông tin về NAMA đã đăng ký và chuyển tới các nhà đầu tư hoặc nhà tài trợ. Các nhà tài trợ thông qua đó xem NAMA nào phù hợp để đầu tư. Tuy nhiên, quá trình này hiện tại có hiệu quả không cao. Bởi vậy, tại thời điểm hiện tại, các quỹ song phương và đa phương đang là nguồn tài chính chủ yếu cho các NAMA được hỗ trợ. Theo Bushner và NNK, tỷ lệ đầu tư tài chính

cho các hoạt động giảm nhẹ BĐKH trên thế giới năm 2009 được thống kê trong Bảng 8.

Các nguồn tài trợ tiềm năng cho NAMA có thể là các cơ quan viện trợ, bao gồm:

- Bộ Môi trường, Bảo tồn Thiên nhiên và An ninh Năng lượng (BMU) của Liên bang Đức, Quỹ Phát triển Bắc Âu, và các cơ quan phát triển của các nước liên quan (Đan Mạch, Phần Lan, Iceland, Na Uy và Thụy Điển);
- Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP);

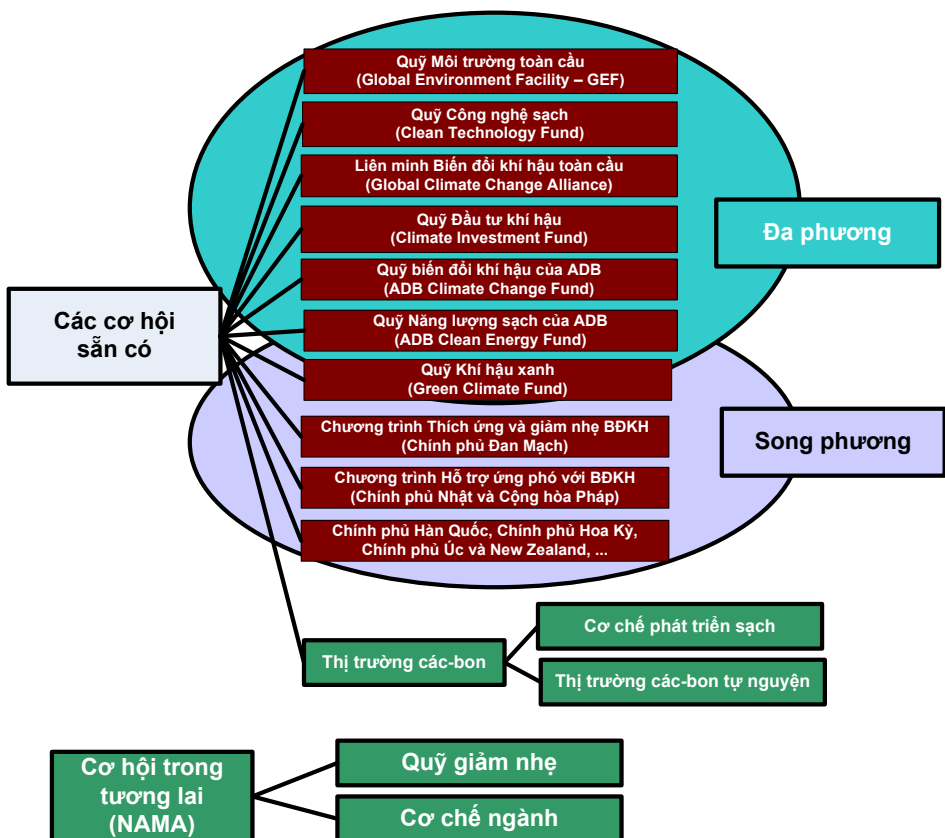
Bảng 8. Tỷ lệ đầu tư tài chính cho các hoạt động giảm nhẹ BĐKH trên thế giới

Tiền viện trợ	4,2 tỷ USD
Nguồn vốn song phương	3,2 tỷ USD
Nguồn vốn đa phương	0,8 tỷ USD
Từ các quỹ khí hậu (như Quỹ môi trường toàn cầu và Quỹ Công nghệ sạch của Ngân hàng thế giới)	0,2 tỷ USD
Nguồn vốn vay ưu đãi	12,5 tỷ USD
Nguồn vốn song phương	11,4 tỷ USD
Nguồn vốn đa phương	0,7 tỷ USD
Các quỹ khí hậu	0,4 tỷ USD
Nguồn vốn vay không ưu đãi	17,9 tỷ USD
Các công cụ giảm thiểu rủi ro	1,2 tỷ USD
Tổng các nguồn tài chính khí hậu	35,8 tỷ USD

Các nguồn tài trợ cho NAMA có thể là các quỹ đa phương hoặc song phương. Các quỹ đa phương có thể bao gồm:

- Quỹ Môi trường Toàn cầu (Global Environmental Fund - GEF);
- Sáng kiến Năng lượng Bền vững và Biến đổi khí hậu của Ngân hàng liên châu Mỹ (SECCI);
- Quỹ Cơ sở hạ tầng của Ngân hàng liên châu Mỹ (IntraFund);

- Quỹ Biến đổi khí hậu của Ngân hàng Phát triển châu Á (CCF);
- Quỹ Năng lượng sạch của ADB (CEF);
- Quỹ Công nghệ sạch của Ngân hàng thế giới (CTF);
- Quỹ tư vấn Cơ sở hạ tầng công tư của Ngân hàng thế giới (PPIAF);
- Cơ quan Tài chính Các-bon của Ngân hàng thế giới (CFU);
- Liên minh Biến đổi khí hậu toàn cầu của Liên minh châu Âu (GCCA);



Hình 10. Các nguồn tài chính cho NAMA

Các quỹ song phương có thể bao gồm:

- Sáng kiến Hatoyama của Nhật Bản;
- Sáng kiến Khí hậu Quốc tế của Đức;

- Sáng kiến Công nghệ Khí hậu của Đức (DKTI);
- Sáng kiến Khí hậu Thị trường Tự bản của Cục Năng lượng và Biến đổi khí hậu (DECC) của Vương Quốc Anh;

(Nguồn: TRANSfer, 2012)

Hộp 2. Ví dụ về các quỹ tài trợ cho NAMA về hiệu quả năng lượng tại Mexico

KfW là một trong những nhà tài trợ cho NAMA của GIZ về hiệu quả năng lượng tại Mexico (đại diện cho BMW cung cấp một khoản vay ưu đãi 80 triệu EUR). KfW cho rằng NAMA không chỉ là một dự án phát triển. KfW không đưa thêm yêu cầu cụ thể nào cho NAMA, mặc dù các nhà tài trợ NAMA khác có thể đưa thêm các yêu cầu khác như lượng giảm thải.

NAMA này được cung cấp tài chính bởi nhiều nhà tài trợ cho nên các nhà tài trợ cần phải hợp tác với nhau. Các nhà tài trợ của dự án NAMA này bao gồm: KfW, Ngân hàng phát triển liên Mỹ và Quỹ Công nghệ sạch của Mexico (hỗ trợ bởi Chính phủ Mexico cho Ngân hàng Quốc tế về Tái xây dựng và Phát triển), Quỹ đầu tư châu Mỹ Latinh (tài trợ bởi Ủy ban Châu Âu), Ngân hàng Phát triển liên Mỹ và Tập đoàn Tài chính Quốc tế.

Nguồn: Phỏng vấn KfW, 2012

Có một vài nhà tài trợ rất tích cực trong đầu tư vào việc thực hiện NAMA trong thời gian sớm. Họ muốn cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện những NAMA đầu tiên trong thực tế nhằm thu được kinh nghiệm và giúp các nước có thể mở rộng quy mô thực hiện NAMA. Liên Hiệp Anh và Đức có thể được coi là những quốc gia dẫn đầu trong nỗ lực này. Hiện tại, họ đang thiết lập một quỹ NAMA nhằm trình diễn việc thực hiện đầy đủ các NAMA với hệ thống MRV chặt chẽ và các lợi ích kép cho phát triển bền vững có ý nghĩa.

4.2. CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH CHO NAMA Ở VIỆT NAM

4.2.1. Ngân sách chính phủ

Theo Báo cáo lần thứ 4 của IPCC, Việt Nam là một trong những nước chịu tác động nặng nề do BĐKH. Nhận thức được điều đó, Chính phủ Việt Nam đã chủ động và tích cực đưa ra các chính

sách và tham gia các hoạt động quốc tế cũng như trong nước về ứng phó với BĐKH.

Chính phủ đã cam kết nguồn tài chính cho các hoạt động ứng phó với BĐKH tới năm 2015 là gần 1.800 tỷ VND, trong đó 850 tỷ là nguồn vốn quốc tế và số còn lại là từ ngân sách trung ương, địa phương và các nguồn khác. Số tiền này sẽ được dùng để hỗ trợ cho các hoạt động về thích ứng và giảm nhẹ BĐKH. Chương trình hoạch định rõ về hướng giảm nhẹ KNK và xây dựng nền kinh tế theo hướng các-bon thấp.

Các Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao trọng trách phối hợp với các Ban, ngành điều phối các hoạt động xây dựng các chính sách, chương trình cụ thể về công nghệ hướng tới việc giảm nhẹ KNK.

Các lĩnh vực được ưu tiên chú trọng trong chương trình giảm nhẹ là: lĩnh vực năng lượng, lĩnh vực nông nghiệp, thay đổi sử dụng đất và lĩnh vực xử lý chất thải.

4.2.2. Các nguồn vốn song phương và đa phương

a. Quỹ đầu tư (nguồn tài chính) đa phương

❖ Quỹ thích ứng với BĐKH

Quỹ thích ứng với BĐKH (Adaptation Fund - AF) được thành lập để cung cấp tài chính cho các chương trình, dự án cụ thể tại các nước đang phát triển là các nước bị ảnh hưởng nặng nề do các tác động tiêu cực của BĐKH. Nguồn thu chính của Quỹ là từ các hoạt động của các dự án CDM (2% của CER) và các nguồn khác. Hiện nay, tổng vốn của Quỹ là 63 triệu USD và uỷ thác cho Ngân hàng thế giới thực hiện. Việt Nam đang hoàn thiện việc đăng ký cơ quan thẩm quyền quốc gia và cơ quan thực hiện quốc gia trong khuôn khổ của Công ước Khí hậu và Nghị định thư Kyoto để xây dựng dự án đăng ký đề nghị sử dụng Quỹ này.

❖ *Quỹ Đầu tư khí hậu*

Quỹ Đầu tư khí hậu (Climate Investment Fund - CIF): CIF được thành lập trên cơ sở liên kết với các ngân hàng phát triển vùng để thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về BĐKH và hỗ trợ cho tiến trình hướng đến mục tiêu ổn định hệ thống khí hậu toàn cầu. Hai hợp phần của CIF là Quỹ Công nghệ sạch (Clean Technology Fund - CTF) và Quỹ Khí hậu Chiến lược (Strategic Climate Fund - SCF).

Quỹ công nghệ sạch (CTF) do các nước công nghiệp phát triển thành lập, nhằm trợ giúp các nước kém và đang phát triển bị ảnh hưởng nặng nề bởi BĐKH. Đến tháng 3/2010, tổng kinh phí của Quỹ khoảng 5 tỉ USD. Mục đích của Quỹ là tạo ra các động lực khuyến khích tăng quy mô triển khai và chuyển giao các công nghệ các-bon thấp có tiềm năng lớn đối với việc cắt giảm phát thải KNK. CTF là nguồn tài chính bổ sung cho các dự án mà WB, ADB, IFC đã cam kết tài trợ cho 15-20 quốc gia, trong đó có Việt Nam. Trong năm 2009, Bộ TNMT là cơ quan đầu mối của Việt Nam trong việc liên hệ với CIF và thực hiện chức năng điều phối việc triển khai Quỹ CTF tại Việt Nam, đã chủ trì nhóm công tác là đại diện các Bộ/ngành xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch Đầu tư quốc gia 2009-2011 (CIP) để hỗ trợ cho các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ sạch trong Danh mục đã được thảo luận và thống nhất lựa chọn cho các hạng mục về sử dụng năng lượng hiệu quả và năng lượng tái tạo (4 dự án tiết kiệm năng lượng công nghiệp; giao thông đô thị; công nghệ lưới thông minh; quỹ tài chính năng lượng sạch của các Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải). Tổng kinh phí của CIP là 3.445 triệu USD (do WB và ADB điều phối), trong đó, Quỹ CTF đã cam kết cung cấp 250 triệu USD với lãi suất thấp (0,25% một năm, thời gian ân hạn là 10 năm và hoàn vốn là 40 năm); và 10 triệu USD hỗ trợ việc duy trì và vận hành 4 dự án này sau khi các dự án được thực hiện và nhận được chứng chỉ về giảm nhẹ KNK (CER); và các khoản kinh phí thu hút từ khu vực kinh tế

khác. Chương trình Đầu tư Quốc gia (Country Investment Program - “CIP”) của Việt Nam cho giai đoạn 2009-2012 đề nghị sử dụng kinh phí từ CTF. Tổng kinh phí của CIP là 2.945 triệu USD (do WB và ADB điều phối), trong đó, CTF đã cam kết tài trợ 250 triệu USD theo phương thức vay ưu đãi (lãi suất 0,25% với thời gian ân hạn là 10 năm và trả nợ là 40 năm) hỗ trợ cho 04 dự án (để áp dụng các công nghệ sạch) đã được Ủy ban CTF phê duyệt từ năm 2009, thực hiện trong 3 năm (2010-2012).

❖ *Quỹ Khí hậu xanh*

Trong tương lai, Quỹ Khí hậu xanh (Green Climate Fund - GCF) sẽ đi vào hoạt động. Quỹ GCF được thành lập tại Hội nghị các bên lần thứ 16 (COP 16). Quỹ này được kì vọng là quỹ lớn nhất thế giới dành cho các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ BĐKH dành cho các nước đang phát triển. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại, cơ chế về quản lý quỹ và cơ chế tài chính của quỹ vẫn chưa được thiết lập. Vẫn chưa có một sự cam kết chắc chắn của các nước phát triển trong việc đóng góp cho quỹ và chưa có các chính sách để gây dựng quỹ để đạt mục tiêu gây quỹ 100 tỷ USD hàng năm bắt đầu vào năm 2020. Thêm vào đó, các chính sách phân phối nguồn tiền và cách thức để tiếp cận vốn là chưa rõ ràng và chưa được thiết lập. Bởi vậy tại thời điểm hiện tại, các nước đang phát triển vẫn chưa hiểu rõ làm thế nào để có thể tiếp cận được nguồn tiền của quỹ để đề ra các bước chuẩn bị.

❖ *Quỹ Môi trường toàn cầu*

Quỹ Môi trường toàn cầu (Global Environmental Fund - GEF) được thành lập để giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu, bao gồm 182 quốc gia thành viên. GEF hoạt động thông qua các quan hệ đối tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân.

GEF là một tổ chức tài chính độc lập, cung cấp các khoản viện trợ trong các lĩnh vực *đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, các*

vùng nước quốc tế, suy thoái đất, tầng ozôn và các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy cho các nước đang phát triển và các quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi. Những dự án này đem lại lợi ích môi trường toàn cầu, gắn với các thách thức môi trường giữa toàn cầu, quốc gia và khu vực và thúc đẩy sinh kế bền vững.

Quỹ GEF cũng xây dựng cơ chế tài chính cho một số hiệp định đa phương về môi trường (MEAs), hay các công ước, để GEF hỗ trợ các nước thực hiện các nghĩa vụ của công ước mà những nước này ký kết và thông qua. Những hiệp định và công ước này giúp hướng dẫn hai cơ quan điều hành của GEF: Hội đồng GEF và Đại hội đồng GEF.

GEF cũng tham gia nhiều MEAs trên phạm vi khu vực và toàn cầu nhằm giải quyết vấn đề nguồn nước quốc tế và hệ thống dòng chảy xuyên biên giới.

Tài trợ của GEF:

Được thành lập năm 1991, GEF hiện nay là nhà tài trợ lớn nhất đối với các dự án đem lại lợi ích môi trường toàn cầu. GEF đã phân bổ 8,8 tỷ USD cho hơn 2.400 dự án tại hơn 165 nước đang phát triển và các quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi và huy động được 38,7 tỷ USD tiền đồng tài trợ. Hơn 10.000 dự án tài trợ nhỏ trực tiếp cho các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức cộng đồng cũng được thực hiện thông qua Chương trình tài trợ các dự án nhỏ (SGP).

Nguồn vốn của GEF do một số nước tài trợ. Năm 2002, có 32 nước đã cam kết đóng góp 3 tỷ đô la cho quỹ vận hành trong năm 2006. Tại kỳ họp Đại hội đồng GEF lần thứ 4 năm 2006, khoản bổ sung 3,13 tỷ đã được ghi nhận.

Đối tác của GEF bao gồm 10 cơ quan: Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP); Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP); Ngân hàng Thế giới (WB); Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO); Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hợp

quốc (UNIDO); Ngân hàng Phát triển Châu Phi; Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu; Ngân hàng Phát triển Liên Mỹ; và Quỹ quốc tế về Phát triển Nông nghiệp. Ban Tư vấn khoa học và Kỹ thuật (STAB) của GEF cung cấp các hỗ trợ về kỹ thuật và khoa học đối với các chính sách và các dự án của GEF.



Hình 11. Các bước để tiếp nhận tài trợ từ GEF

Mục tiêu chung của Chương trình Biến đổi khí hậu của GEF là nhằm thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ BĐKH và hỗ trợ các nước đang phát triển chuyển sang hướng phát triển nền kinh tế carbon thấp. Để có thể nhận được tài trợ từ GEF cho các dự án BĐKH thì quốc gia đó cần phải là thành viên của UNFCCC và nhận được hỗ trợ phát triển. Có 3 hình thức viện trợ là: (i) viện trợ cho toàn bộ dự án (hơn 1 triệu USD); (ii) viện trợ cho một phần dự án (1 triệu USD hoặc ít hơn) và (iii) viện trợ cho hoạt động chuẩn bị dự án dựa

trên nhu cầu của bên đề xuất. Để có thể tiếp cận được tài trợ từ GEF cho các dự án BĐKH, bên đề xuất dự án cần thực hiện các bước như được trình bày trong Hình 11.

b. Quỹ đầu tư (nguồn tài chính) song phương

Hiện tại chưa có quỹ nào có chương trình riêng để hỗ trợ NAMA, tuy nhiên đã có một số quỹ có hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động ứng phó BĐKH tại Việt Nam, trong đó có giảm nhẹ phát thải KNK. Các quỹ song phương đang hoạt động tại Việt Nam hỗ trợ các hoạt động về giảm nhẹ BĐKH bao gồm:

❖ Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC)

Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC) do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) và Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) khởi xướng, tài trợ được triển khai từ năm 2009 với nguyên tắc hỗ trợ ngân sách chung để thực hiện các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam, xây dựng, thực hiện các chính sách và khung thể chế về biến đổi khí hậu, đảm bảo các nội dung về biến đổi khí hậu được lồng ghép trong các quá trình xây dựng chính sách.

Năm 2009, khi mới đi vào hoạt động, Chương trình SP-RCC có 02 nhà tài trợ là JICA và AFD, đến nay đã có thêm các nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới (WB), Cơ quan Hợp tác phát triển quốc tế Canada (CIDA), Cơ quan Hỗ trợ phát triển quốc tế Australia (AuSAID), Ngân hàng Eximbank Hàn Quốc (K.Eximbank). Hiện tại một số nhà tài trợ khác đang thảo luận với Bộ Tài nguyên và Môi trường, cân nhắc việc tham gia Chương trình. Tổng số kinh phí Chương trình huy động được năm 2010 là 138 triệu USD; năm 2011 là 142,5 triệu USD; năm 2012 là 248 triệu USD.

Một số quốc gia tiêu biểu đóng góp tài chính cho SP-RCC như sau:

- Chính phủ Đan Mạch: Chương trình thích ứng và giảm nhẹ BĐKH giai đoạn 2009 - 2013 được chính phủ Đan Mạch viện trợ không hoàn lại 40 triệu USD, số tiền này được chuyển trực tiếp vào ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH;
 - Chính phủ Cộng hòa Pháp (thông qua AFD) đã rất tích cực tham gia cùng chuyên gia JICA Nhật Bản xây dựng Chương trình SP-RCC và đại diện của Chính phủ Pháp cũng đã ký Thỏa thuận tài trợ cho Việt Nam 20 triệu Euro/năm (tương đương với khoảng 30 triệu USD) với lãi suất ưu đãi (các điều khoản cho vay đang được thỏa thuận). Trong giai đoạn 2006-2012, AFD đã cấp 342,5 triệu Euro thông qua 12 dự án ứng phó với BĐKH tại Việt Nam;
 - AuSAID quan tâm đến việc cắt giảm phát thải vì thế đã tài trợ 4 triệu đôla Úc cho SP-RCC;
- ❖ Ngoài SP-RCC, chương trình hỗ trợ tài chính khác cho ứng phó biến đổi khí hậu tại Việt Nam như sau:
- Chính phủ Hoa Kỳ: trong khuôn khổ hoạt động của Ủy ban Liên chính phủ Việt Nam - Hoa Kỳ về khoa học công nghệ, Tiểu ban về BĐKH được thành lập do Bộ TNMT và Bộ Nội vụ Hoa Kỳ đồng chủ trì đang xây dựng chương trình Hợp tác dài hạn và hàng năm về BĐKH và tổ chức các hoạt động liên quan và hai bên đang xây dựng dự án sử dụng hỗ trợ của Hoa Kỳ cho các hoạt động ứng phó với BĐKH tại Việt Nam;
 - Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn quốc (KOICA), khởi xướng Chương trình đối tác Khí hậu Đông Á (East Asia Climate Partnership) năm 2008 và cam kết tài trợ 200 triệu USD cho Chương trình. Danh mục các dự án đề nghị sử dụng tài chính của Chương trình đang được hoàn thiện, đã có 01 dự án được phê duyệt;
 - Chính phủ Australia và New Zealand quan tâm đến cắt giảm phát thải KNK từ nông nghiệp. Việt Nam cũng đã tham gia

Liên minh nghiên cứu cắt giảm phát thải KNK từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp;

- Dự án hỗ trợ Việt Nam 2 triệu USD để thực hiện quy hoạch tổng thể cho Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam;
- Bộ TNMT và Bộ KHĐT đang làm việc với WB và ADB về Chương trình Hợp tác Công tư (PPP) trị giá 315.000 USD để xây dựng hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam.

Các chương trình tài chính song phương này đã và đang hoạt động tại Việt Nam. Các NAMA có thể sẽ được phân bổ nguồn tài chính thông qua các chương trình của các quỹ này.

4.2.3. Nguồn tài chính tư nhân

Nguồn tài chính công đóng vai trò rất quan trọng trong các nguồn vốn BDKH. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu đề ra là giữ nhiệt độ trái đất vào cuối thế kỷ tăng không quá 2°C so với thời kỳ tiền công nghiệp, thì chỉ nguồn tài chính công là chưa đủ. Bởi vậy, sự đóng góp tài chính từ khu vực tư nhân là rất cần thiết.

Để các nguồn vốn tư nhân có thể tham gia vào việc ứng phó với BDKH ở các nước đang phát triển, thì cần phải tạo ra các động lực để thu hút các nguồn vốn tư nhân và đồng thời xóa bỏ các rào cản trong quá trình đầu tư. Một trong những quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư tư nhân là lợi nhuận cao và rủi ro thấp. Nếu dự án có khả năng sinh lời và mức độ rủi ro thấp thì các nhà đầu tư tư nhân sẽ rất dễ đầu tư và ngược lại. Hơn nữa, các nhà đầu tư tư nhân thường tìm kiếm các nước có sự ổn định về chính trị và có các cơ chế thương mại rõ ràng để đầu tư và những điều trên thì thường là các nước đang phát triển khó đáp ứng được.

Các nước đang phát triển có thể đưa ra các công cụ hoặc chính sách để các nhà đầu tư tư nhân có thể vượt qua được những rào cản trên. Để làm điều đó, các dự án NAMA có thể trực tiếp hoặc gián tiếp đề xuất, kiến tạo các động lực để thúc đẩy các nguồn

vốn đầu tư tư nhân đầu tư vào sản xuất tiết kiệm năng lượng, sản xuất với mức phát thải các-bon thấp.

Các dự án NAMA có thể sử dụng các nguồn vốn công để tạo đòn bẩy thu hút các nhà đầu tư tư nhân, đầu tư vào các dự án sản xuất có sử dụng công nghệ các-bon thấp.

Hiện nay, ở Việt Nam ngoài một số các dự án CDM để trao đổi buôn bán lượng giảm phát thải, thì các dự án sử dụng công nghệ các-bon thấp mà các nhà đầu tư tư nhân quan tâm là chưa nhiều.

Với định hướng của chính phủ trong việc phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp và các quỹ khí hậu như GCF ra đời, hy vọng đây sẽ là nguồn lực thúc đẩy các nhà đầu tư tư nhân đầu tư vào BDKH.

4.3. CÁC RÀO CẢN VÀ RỦI RO TRONG VIỆC HỖ TRỢ VÀ THU HÚT VỐN CHO NAMA

Đầu tư cho bất kỳ dự án nào cũng không thể tránh khỏi các rào cản và rủi ro. Đầu tư cho các dự án NAMA cũng vậy. Để có thể thu hút vốn hoặc để có thể đầu tư và triển khai một cách hiệu quả cho các dự án NAMA, rất cần thiết phải hiểu rõ các rào cản và rủi ro khi đầu tư dự án NAMA. Những nhà hoạch định, lên kế hoạch NAMA cũng cần phải hiểu rõ để chứng minh cho các nhà đầu tư, nhà cung cấp vốn thấy kế hoạch của mình để có thể vượt qua các rào cản và rủi ro đó.

Các rào cản và rủi ro khi thực hiện NAMA có thể được tóm tắt như sau:

1) Rào cản về tài chính:

- NAMA có thể không sinh lời hoặc thu hồi được vốn bởi vì NAMA bao gồm cả việc hoạch định chính sách, chiến lược và các hành động không nằm trong phạm vi sản xuất để có thể sinh lời được. Do đó, nhiều dự án NAMA sẽ chỉ có thể có những sản phẩm có khả năng đóng góp vào giảm nhẹ

KNK. Bởi vậy, sẽ rất khó khăn cho các NAMA này trong việc xin cấp tài chính;

- Đầu tư ban đầu cao và quy mô dự án lớn: Thường NAMA nằm ngoài phạm vi của một dự án, bởi vì những ảnh hưởng và tác động của NAMA có thể đến nhiều năm sau. Bởi vậy, kể cả một quy mô dự án nhỏ của NAMA, đặc biệt các dự án dùng công nghệ các-bon thấp trong ngành năng lượng, có thể đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu rất cao. Đây là một trong những cản trở lớn để thu hút vốn đầu tư từ các nhà đầu tư và cấp vốn.

2) Các rào cản về thể chế:

- Độ rủi ro ở các nước đang phát triển về tiền tệ là lớn. Điều này cũng phần nào ảnh hưởng tới việc cung cấp vốn cho dự án NAMA;
- Rủi ro về thị trường do nhận thức và văn hóa sử dụng của người tiêu dùng. Ví dụ: các dự án về sử dụng năng lượng sạch, chuyển sử dụng xe chạy xăng, dầu sang xe điện, Điều này phải có sự hưởng ứng của người tiêu dùng và có định hướng của các chính sách của chính phủ nước đó;
- Rủi ro về các luật định chính sách: thường các dự án về giảm nhẹ phát thải KNK bằng sử dụng công nghệ các-bon thấp là mới, đặc biệt đối với các nước đang phát triển, nên các chính sách và luật định vẫn chưa được thiết lập và hỗ trợ các công nghệ trên.

3) Các rủi ro về kỹ thuật

- Các dự án NAMA tập trung vào giảm nhẹ KNK bằng công nghệ các-bon thấp thường được coi là độ tin cậy chưa được cao bởi vì trình độ khoa học kỹ thuật hiện nay chưa đảm bảo được độ tin cậy đó và vì vậy các dự án này thường gặp khó khăn trong việc thu hút các nhà đầu tư;

- Các dự án sử dụng công nghệ các-bon thấp cũng đòi hỏi nhận thức của người tiếp nhận công nghệ, có trình độ và có hiểu biết về lợi ích của việc sử dụng công nghệ các-bon thấp.

Các rào cản và rủi ro này phải được các nhà lập kế hoạch NAMA lưu ý. Mỗi NAMA sẽ có những rủi ro và rào cản khác nhau bởi vậy tùy từng hoàn cảnh và điều kiện để xác định chính xác các rào cản và rủi ro cho từng NAMA.

Có nhiều cách để có thể vượt qua các rào cản này như tạo các cơ chế tài chính công hợp lý, thiết lập các công cụ, chính sách để hỗ trợ việc thực hiện thành công NAMA.

Ngoài ra, việc xây dựng một cơ chế MRV cho NAMA cũng là một cách để có thể vượt qua được các rào cản và thu hút đầu tư từ các nhà cung cấp vốn.

4.4. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CHO VIỆC THỰC HIỆN NAMA

Cơ chế tài chính cho NAMA cần được xây dựng sao cho có thể huy động và tận dụng các khoản đầu tư trong các dự án giảm nhẹ KNK. Có rất nhiều cơ chế tài chính và các chương trình có thể được sử dụng để đạt được mục tiêu này. Tuy nhiên, những cơ chế tài chính nên phù hợp với điều kiện thị trường ở nước sở tại. Do đó, việc đánh giá toàn diện các điều kiện thị trường tài chính hiện tại là một bước đầu tiên rất quan trọng trong quá trình xây dựng cơ chế tài chính cho NAMA. Vấn đề đặt ra là phải xác định được các rào cản tài chính cụ thể liên quan đến dự án NAMA và xác định rõ việc sử dụng các dự án NAMA để hỗ trợ tài chính địa phương dưới dạng trung gian và/hoặc cho vay để vượt qua những rào cản này. Một số các rào cản và các cơ chế tài chính có thể giúp vượt qua các rào cản được thống kê trong Bảng 18.

Dưới đây, sẽ trình bày một số cơ chế tài chính có thể được kết hợp trong quá trình xây dựng NAMA. Tất cả các cơ chế tài chính này đều nhằm cải thiện tín dụng khu vực tư nhân để tài trợ cho NAMA. Vấn đề quan trọng trong xây dựng cơ chế tài chính là

giảm thiểu hoặc loại bỏ những rủi ro nhất định cho các nhà đầu tư/người cho vay nhằm thúc đẩy đầu tư vào NAMA.

Bảng 18. Một số cơ chế tài chính có thể giúp vượt qua các rào cản

Rủi ro/rào cản	Cơ chế tài chính
Chất lượng tín dụng của người vay vốn hoặc khi tham gia vào một lĩnh vực mới	Bảo lãnh rủi ro tín dụng từng phần
Chi phí giao dịch cao đối với các dự án quy mô nhỏ	Thiết lập việc tập hợp các dự án nhỏ cùng mục đích
Lãi suất cao hoặc lợi nhuận tạo ra không đủ để chi trả các khoản tài chính của dự án	Gia hạn kì hạn cho vay
Các ngân hàng địa phương chưa đủ năng lực	Lập các quỹ đặc biệt

4.4.1. Bảo lãnh rủi ro tín dụng từng phần

Công cụ này được thực hiện dựa trên cơ sở tín dụng của dự án với ngân hàng. Các nhà tài trợ hoặc cho vay vốn sẽ lập một tài khoản và kí gửi một số tiền khoảng 50% giá trị của dự án vào trong ngân hàng. Các chủ dự án NAMA muốn vay vốn cần phải đáp ứng được các yêu cầu về tín dụng của ngân hàng. Nếu dự án không thành công thì ngân hàng sẽ là bên chịu thiệt hại. Với hình thức này sẽ có thể giảm được rủi ro cho các nhà đầu tư hoặc cho vay vốn.

4.4.2. Các tài khoản dự trữ chi trả nợ

Các nhà tài trợ sẽ mở một tài khoản trong ngân hàng và gửi vào đó một số tiền tương ứng để có thể trả được nợ cần thanh toán của dự án. Trong trường hợp dự án không tạo ra đủ doanh thu để có thể trả được khoản tiền nợ hàng tháng thì tài khoản này sẽ được sử dụng. Việc này sẽ giúp cho các dự án khi gặp phải những khó khăn ngắn hạn trong quá trình hoạt động. Dự án sẽ không phải vay thêm một khoản tiền nào để chi trả cho số nợ hàng tháng, trong thời gian đó, chủ dự án sẽ có thời gian để tìm các phương pháp để giải quyết các vấn đề.

Khi các khó khăn được giải quyết, dự án trở lại hoạt động bình thường, chủ dự án sẽ gửi lại khoản tiền đã lấy vào tài khoản đó.

4.4.3. Gia hạn kì hạn cho vay

Các ngân hàng ở hầu hết các quốc gia hầu như không bao giờ cho các khoản vay lớn hơn kì hạn 7-10 năm. Trong khi đó, một số các dự án NAMA, đặc biệt là các dự án về năng lượng tái tạo thường có thời gian thực hiện vào khoảng 15 - 30 năm.

Việc vay ngắn hạn là không khả thi đối với các dự án này bởi dịch vụ thanh toán hàng năm thường quá cao. Bởi vậy, việc gia hạn cho các khoản vay là rất cần thiết để giúp cho các dự án NAMA khả thi về mặt tài chính.

4.4.4. Đồng tài trợ với ngân hàng

Đối với những dự án NAMA không thể tạo ra lợi nhuận đủ để trả các chi phí nợ cho ngân hàng thì việc kết hợp với ngân hàng nhằm trang trải nợ là rất cần thiết. Ví dụ, một dự án NAMA có vay một khoản vay có lãi suất là 12% nhưng lợi nhuận tạo ra của dự án đó không thể trả được chi phí nợ hàng tháng cho mức lãi suất đó, mà chỉ có thể trả được lãi suất là 5%. Dự án này có thể đàm phán với các ngân hàng để ngân hàng có thể phân tích tài chính, từ đó có thể để dự án vay với lãi suất 12% cho 50% khoản vay, và 50% khoản vay còn lại thì sẽ có lãi suất thấp ví dụ như là 2%. Trung bình lãi suất là 7%, như vậy sẽ làm cho dự án NAMA khả thi về mặt tài chính.

4.4.5. Tập hợp nhiều dự án nhỏ cùng mục đích

Rất nhiều dự án NAMA có thể có quy mô nhỏ, bởi vậy việc đầu tư vào từng dự án sẽ không thu hút được các nhà đầu tư hoặc ngân hàng. Việc tập hợp nhiều các dự án nhỏ thành một tập hợp các dự án sẽ thu hút được các nhà đầu tư hoặc ngân hàng hơn. Ngoài ra, việc làm như vậy cũng có thể giảm được chi phí đầu tư vào từng dự án.

4.4.6. Đầu tư cho chi phí chuyển đổi để thực hiện NAMA

Các chi phí chuyển đổi để thực hiện NAMA được hiểu là sự chênh lệch về giá trị giữa chi phí cho các công nghệ đang sử dụng và chi phí cho các lựa chọn NAMA. Việc xác định được chi phí này rất quan trọng để các nước đang phát triển có thể biết chính xác là cần các nước phát triển hỗ trợ bao nhiêu.

Ngoài ra, việc xác định chi phí này cũng rất quan trọng đối với việc kêu gọi đầu tư cho NAMA do các nhà đầu tư hoặc nhà cấp vốn cũng cần biết rõ lượng đầu tư cần thiết để có thể bảo đảm việc chi tiêu một cách hợp lý và hiệu quả.

Việc xác định chi phí chuyển đổi này được sử dụng để xác định lượng vốn cần thiết mà các nước phát triển cần hỗ trợ cho các nước đang phát triển. Bởi vậy, khi lập kế hoạch cho NAMA, việc xác định rõ chi phí này là rất quan trọng để NAMA có thể nhận được hỗ trợ tài chính.

Tuy nhiên, để tính toán được chi phí này cũng có thể gặp một số khó khăn như sau:

- *Tính toán chi phí chuyển đổi trực tiếp:* Đối với các dự án có thể quy đổi lượng giảm phát thải các-bon, việc tính toán chi phí chuyển đổi chỉ đơn giản là tính lượng tiền để cải thiện công nghệ, cải thiện hệ thống vận hành (nhà máy, cơ sở sản xuất, ...) để đạt được lượng giảm nhẹ phát thải đó. Tuy nhiên, không phải dự án nào cũng có thể tính được như vậy;
- *Dự án với nhiều sự khác biệt trong đặc tính đầu tư:* Các dự án này rất khó để có thể tính chi phí chuyển đổi. Sự khác biệt trong đặc tính đầu tư của các dự án này có thể đến từ: mô hình dòng tiền khác nhau, các yêu cầu đầu tư, rủi ro và tuổi thọ công nghệ. Bởi vậy khi tính chi phí chuyển đổi phải tính cả các yếu tố này và các yếu tố ảnh hưởng tới các yếu tố này;
- *Dự án giảm nhẹ phát thải bằng sử dụng sản phẩm hoặc dịch vụ khác nhưng chỉ đáp ứng đúng những nhu cầu cần thiết của*

người sử dụng đang có. Với những dự án này việc tính chi phí chuyển đổi rất khó vì còn phụ thuộc vào các quyết định đến từ những nhà đầu tư khác nhau, không phải chỉ riêng nhóm đầu tư cho NAMA;

- *Dự án liên quan tới phát triển bền vững có chung lợi ích hiện có:* Ví dụ như các dự án giảm nhẹ có tạo ra các lợi ích cho phát triển bền vững như những dự án liên quan tới lợi ích môi trường, an ninh năng lượng và an ninh lương thực, việc tính toán được chi phí chuyển đổi cũng là rất khó bởi dự án này có ảnh hưởng mang lại lợi ích hoặc là tác hại cho địa phương đó trong thời gian thực hiện dự án, bởi vậy chi phí này phải được tính cho cả địa phương (chính phủ của nước) nơi thực hiện dự án;
- *Xác định các rào cản khác ngoài sự cạnh tranh về chi phí:* Khi bắt đầu một dự án, có thể có rào cản nào đó làm tăng chi phí thực hiện dự án, bởi vậy chi phí chuyển đổi cao, nhưng nếu rào cản đó được loại bỏ thì chi phí chuyển đổi có thể được giảm xuống. Bởi vậy, tính toán chi phí chuyển đổi cho các dự án như vậy là không khả thi.

Tóm lại, trong một vài trường hợp chi phí chuyển đổi cho các dự án NAMA là có thể tính được trực tiếp. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp rất khó tính chi phí chuyển đổi bởi nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Trong các trường hợp này, chi phí chuyển đổi được xem như là một chỉ định hữu dụng cho việc xác định kinh phí cung cấp cho các nước đang phát triển, hoặc cụ thể hơn là cho các dự án NAMA.

4.5. CÁC TIÊU CHUẨN ĐỂ NAMA CÓ THỂ ĐƯỢC HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

Để một NAMA có thể được hỗ trợ tài chính, NAMA đó cần phải trình bày và chỉ ra được một số tiêu chuẩn nhất định như sau (GIZ, 2012):

1/Các tiêu chuẩn về hiệu quả:

- ***Mức độ giảm phát thải KNK*** - Mức độ giảm KNK dự kiến được đưa ra trong bản đề xuất NAMA sẽ là một yếu tố quan trọng trong việc xác định tính hấp dẫn của NAMA đối với tài trợ. Như vậy, trong bản đề xuất nên cung cấp một ước tính rõ ràng về lượng cắt giảm phát thải KNK, bên cạnh đó cũng cần nêu rõ các yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến kết quả.
- ***Các lợi ích khác*** - Các nước phát triển và các nước đang phát triển đều nhận thức rằng “đồng lợi ích” sẽ là mục tiêu hàng đầu của một NAMA thành công. Những NAMA nhằm thúc đẩy các lợi ích khác hơn là lợi ích chủ yếu về KNK sẽ hấp dẫn hơn để được hỗ trợ của quốc tế.
- ***Tính bền vững và khả năng nhân rộng*** - Các đề xuất NAMA sẽ được đánh giá về tính bền vững và khả năng nhân rộng kết quả. Tính bền vững có thể bao gồm khả năng góp phần giảm nhẹ KNK mà không bị ảnh hưởng bởi những thay đổi trong chính sách của chính phủ. Nó cũng có thể liên quan đến tính bền vững của các lợi ích của NAMA trong tương lai. Một NAMA hiệu quả là ban đầu sẽ sử dụng sự hỗ trợ quốc tế, sau đó thu hút đầu tư của khu vực tư nhân, đó gọi là tài chính bền vững. Khả năng nhân rộng của một NAMA chính là để xây dựng hỗ trợ cho các hoạt động mở rộng trong phạm vi cả nước hoặc xuyên biên giới.
- ***Kế hoạch thực hiện MRV*** - Trong đề xuất NAMA cần xây dựng kế hoạch MRV thích hợp với các mốc thời gian và chỉ tiêu định lượng hiệu quả rõ ràng. Kế hoạch này cũng phải nêu rõ tiến độ đạt được các mục tiêu về KNK cũng như là các mục tiêu khác. Chỉ tiêu về KNK và các chỉ tiêu khác cần được định lượng một cách đáng tin cậy và cung cấp rõ ràng, đầy đủ cho các nước phát triển.

2) Kế hoạch thực hiện

Kế hoạch thực hiện phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- **Mô tả phạm vi thực hiện NAMA rõ ràng, đề xuất kế hoạch cụ thể** - Một đề xuất NAMA thành công cần được mô tả rõ ràng phạm vi thực hiện của NAMA, bên cạnh đó, phải đề xuất kế hoạch thực hiện rõ ràng và cụ thể cho NAMA (bao gồm cơ quan thực hiện, khung thời gian, rủi ro dự kiến, khả năng khắc phục các rào cản, vv ...).
- **Tích hợp vào kế hoạch phát triển quốc gia và của ngành** - Đề xuất NAMA nên chỉ ra rằng các hành động được đề xuất là phù hợp với kế hoạch phát triển của các ngành và các ưu tiên quốc gia, nếu có thể, các hành động trong khuôn khổ NAMA nên được tích hợp vào các kế hoạch này. Làm như vậy sẽ đảm bảo rằng NAMA sẽ thúc đẩy chiến lược dài hạn và các ưu tiên cấp ngành và sẽ giảm thiểu rủi ro đến tính bền vững của NAMA trước những thay đổi về chính sách của chính phủ. Mối liên hệ với chiến lược phát triển phát thải thấp (LEDs), nếu có, cũng sẽ là rất quan trọng.
- **Năng lực thực hiện** - Đề xuất NAMA phải chứng tỏ khả năng của quốc gia và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện thành công NAMA và có thể vượt qua rào cản. Các quốc gia hỗ trợ tài chính muốn hiểu rõ mức độ năng lực thích hợp của các cơ quan thực hiện NAMA, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ thực hiện NAMA, sự phối hợp tốt giữa các cơ quan thực hiện, và các bên liên quan thích hợp sẽ được tham gia vào quá trình thực hiện NAMA. Những yếu tố này góp phần giảm rủi ro đầu tư. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng các nước đang phát triển cũng đang tìm kiếm hỗ trợ để tăng cường năng lực trong nước.
- **Hỗ trợ cấp cao về chính trị và sự đồng lòng của các bên liên quan** - Các quốc gia hỗ trợ tài chính quan tâm đến

việc tài trợ cho các NAMA nhận được hỗ trợ chính trị ở cấp cao nhất tại các quốc gia sở tại. Với sự hỗ trợ cao nhất về chính trị, khả năng và cơ hội để thực hiện thành công các NAMA sẽ cao hơn. Mặt khác, các đề xuất phải chứng minh được sự tham gia của các bên liên quan có khả năng chịu tác động bởi NAMA (UBND các cấp, đại diện Bộ, các hiệp hội thương mại, các tổ chức công đoàn, xã hội, v.v ...).

3) Kế hoạch tài chính

- **Xác định rõ ngân sách (với sự đóng góp của quốc gia)** - Đề xuất NAMA phải bao gồm một ngân sách tài chính hợp lý và phải chứng minh được nguồn vốn sẽ được quản lý và sử dụng hiệu quả. Bên cạnh đó, quốc gia tiếp nhận tài trợ cũng cần có những đóng góp về tài chính và nêu rõ lý do cần thiết có sự đóng góp này nhằm đạt được kết quả dự kiến.
- **Ảnh hưởng của nguồn tài trợ quốc tế** - Các nhà tài trợ cho NAMA tiềm năng sẽ quan tâm đến việc đầu tư vào các hành động sao cho đạt được hiệu quả tối đa với cùng một nguồn kinh phí. Kinh phí cho NAMA có thể được hiểu là chìa khóa để thúc đẩy, khắc phục chính sách, thị trường, rào cản về tài chính, công nghệ. Thông tin đầy đủ về nguồn kinh phí cho NAMA, cùng với kết quả về khả năng cắt giảm phát thải dự kiến và các kết quả khác, sẽ cung cấp cho các nhà tài trợ nhận thức về hiệu quả chi phí đầu tư của họ để họ có thể so sánh với các cơ hội đầu tư khác.
- **Kế hoạch đòn bẩy thúc đẩy đầu tư tư nhân** - NAMA có khả năng sẽ nhận được hỗ trợ tài chính từ khu vực tư nhân. Các quốc gia hỗ trợ tài chính sẽ quan tâm đến hiệu quả tận dụng đầu tư của khu vực tư nhân bằng cách loại bỏ các rào cản và khuyến khích đầu tư tư nhân.

- **Tránh trùng lặp với các dự án khác và không tranh thủ các nguồn tài chính từ các dự án CDM** - Trong đề xuất NAMA phải chứng minh rằng các nguồn lực của các nhà tài trợ không trùng lặp với các nguồn kinh phí khác cho các hành động tương tự, bao gồm cả những hoạt động được hỗ trợ từ các dự án CDM.
- **Giảm thiểu rủi ro** - Các quốc gia hỗ trợ tài chính sẽ ưu tiên hỗ trợ cho NAMA được xây dựng nhằm giảm thiểu những rủi ro mà những đóng góp của họ phải đối mặt.

Ngoài ra, còn một số tiêu chí khác như sau:

- Hòa hòa với các lĩnh vực và quốc gia ưu tiên của nhà tài trợ;
- Một khung công việc thể hiện thời gian thực hiện NAMA và nỗ lực của quốc gia đề xuất NAMA trong bản đề xuất NAMA;
- Đề xuất khung MRV thể hiện trách nhiệm về thực hiện và quản lý;
- Quốc gia đề xuất NAMA cũng cung cấp một số vốn nhất định vào việc thực hiện NAMA nhằm thể hiện mức độ cam kết;
- Nhóm thực hiện NAMA có đủ khả năng hỗ trợ quá trình thực hiện NAMA.

Tóm lại, để một NAMA có thể nhận được hỗ trợ thì NAMA đó phải đạt được các tiêu chí về các tiêu chuẩn hiệu quả, kế hoạch thực hiện và kế hoạch tài chính như đã nêu.

Ngoài ra, NAMA phải chứng minh được sự hiệu quả để có thể đạt được các kỳ vọng đã nêu, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính và có kế hoạch đòn bẩy về thu hút đầu tư, có sự ủng hộ và nhất quán theo kế hoạch phát triển của quốc gia.

KẾT LUẬN

Với những tác động nghiêm trọng của sự nóng lên toàn cầu và mực nước biển dâng, vấn đề quan trọng hàng đầu trong ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam là phải thích ứng, nói cách khác, thích ứng với biến đổi khí hậu cần phải được đặt là trọng tâm.

Giảm nhẹ KNK nên được coi là cơ hội kinh tế, xã hội và môi trường. NAMA, vì thế, là một trong những giải pháp hiệu quả để giảm nhẹ KNK và phục vụ mục tiêu phát triển của đất nước.

Những thành quả và kinh nghiệm của Việt Nam trong triển khai các dự án CDM có thể được áp dụng trong xây dựng và thực hiện NAMA. Triển khai thực hiện NAMA sẽ là một cơ hội cho chuyển đổi công nghệ, tăng tính cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa, phương thức sản xuất hướng tới nền kinh tế các-bon thấp, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững thông qua các hỗ trợ quốc tế về công nghệ, tài chính và tăng cường năng lực.

Hiện tại, một số nước phát triển và các tổ chức quốc tế đã có những hoạt động hỗ trợ Việt Nam xây dựng điều kiện để thực hiện NAMA. Để có thể triển khai thành công các hoạt động NAMA, cần thiết phải có hệ thống kiểm kê phát thải KNK chi tiết và xây dựng đường phát thải KNK cơ sở. Cần xây dựng hệ thống thẩm định của quốc gia (tương tự như hệ thống thẩm định CDM hiện nay) và quy trình Đo đạc, Báo cáo và Kiểm chứng quốc gia cho các hoạt động NAMA.

Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối của Chính phủ thực hiện Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto, đóng vai trò chủ đạo giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ này. Đồng thời các Bộ, ngành cũng cần đi tiên phong trong việc xây dựng và thực hiện NAMA. Cần có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp tham gia xây dựng và thực hiện NAMA.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*”, 2003.
- Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả*, 2006.
- Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH*, 2008.
- Chiến lược quốc gia về BĐKH*, 2011.
- Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH, giai đoạn 2012 - 2015*, 2012.
- Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh*, 2012.
- Kế hoạch hành động quốc gia về BĐKH giai đoạn 2012-2020*, 2012.
- Thông báo quốc gia lần thứ hai của Việt Nam cho UNFCCC*, 2010.
- Trần Thục (2011), *NAMA - Một cơ hội cho chuyển đổi công nghệ ở Việt Nam*, Tạp chí Khí tượng Thủy văn, số 610, 10/2011 tr 1-4.
- Bakker, S. and Würtenberger, L. (2010), *Nationally Appropriate Mitigation Actions (NAMA) and Measurement, Reporting and Verification (MRV)*, Ghana Policy Briefs, ECN-O-11-018, February 2011, Available at <http://www.ecn.nl/docs/library/report/2011/o11018.pdf>
- Bockel, L., Gentien, A., Tinlot, M., Bromhead, M. (2011), *From Nationally Appropriate Mitigation Actions (NAMA) to Low-Carbon Development in Agriculture: NAMA as a pathway at country level*.
- CCAP (2012), *Overview of NAMA Financial Mechanisms*;
- Julie, C., Stacey, D., Steve, W., Ned, H., Tomas, W., Michael, T., Diana, M. (2012), *Discussion Draft: MRV of NAMAs: Guidance*

for Selecting Sustainable Development Indicators, Center for Clean Air Policy.

Jung, M., Vieweg, M., Eisbrenner, K., Huhne, N., Ellermann, C., Schimschar, S. and Beyer, C. (2010a), *Nationally Appropriate Mitigation Actions - Insights from example development*, Ecofys.

GIZ (2012), *Nationally Appropriate Mitigation Actions: Steps for Moving a NAMA from Idea to Implementation*.

Levina, E., Nelme, N., Comstock, M., Schlichting, S., Whitesell, W., Houdashelt, M. (2009), *Nationally Appropriate Mitigation Actions by Developing Countries: Architecture and Key Issues*, Washington, DC.

Michael, C., Stacey, D., Tomas, W. (2012), *Discussion Draft: Criteria for Evaluating Supported NAMAs - A Straw proposal of Conceptual Criteria for Selecting NAMAs to receive International Support*, Center for Clean Air Policy.

NAMA database (2012a), *NAMA*, available at <http://namadatabase.org/index.php/NAMA> , last accessed 02 September 2012

NAMA database (2012b), *Global Overview*, available at http://namadatabase.org/index.php/Global_overview , last accessed 02 September 2012

NAMA database (2012c), *By sector*, available at http://namadatabase.org/index.php/By_sector , last accessed 02 September 2012

NAMA database (2012d), *NAMA development process*, available at http://namadatabase.org/index.php/NAMA_development_process , last accessed 02 September 2012

- Steve, W., Stacey, D., Mark, H., Ned, H., Chuck, K., and Anmol V. (2011), *MRV for NAMAs: Tracking Progress while Promoting Sustainable Development*, Center for Clean Air Policy.
- Sterk, W. (2010), *Nationally Appropriate Mitigation Actions: Definitions, Issues and Options*, JIKO Policy Paper 2/2010, Wuppertal Institute, June 2010. Available at <http://www.jiko-bmu.de/files/basisinformationen/application/download/pp-NAMA-fin.pdf>
- Tilburg, X. Van, Cameron, LR, Würtenberger, L., Bakker, SLA (2011), *On developing a NAMA proposal*, Energy Research Center of the Netherlands (ECN).
- UNFCCC (2011), *Decision 1/CP.16 The Cancun Agreements: Outcome of the work of the Ad Hoc Working Group on Long-term Cooperative Action under the Convention*, FCCC/CP/2010/7/Add.1, March 2011. available at <http://unfccc.int/resource/docs/2010/cop16/eng/07a01.pdf#page=2>
- UNFCCC (2012), *Kyoto Protocol*, available at http://unfccc.int/kyoto_protocol/items/2830.php, last accessed 07 September 2012.
- Van Tilburg, X., Roser, F., Hansel, G., Cameron, L., Escalante, D. (2012), *Status Report on Nationally Appropriate Mitigation Actions (NAMA): Mid-year update May 2012*.

PHỤ LỤC A. MỘT SỐ VÍ DỤ VỀ ĐỀ XUẤT VÀ ĐĂNG KÝ NAMA

A. 1. MẪU ĐỀ CƯƠNG TỔNG QUÁT ĐỀ XUẤT NAMA

1 Mô tả chung	
1.1 Tên	Tên của NAMA
1.2 Quốc gia	Danh sách các quốc gia sẽ thực hiện NAMA
1.3 Khung thời gian thực hiện	Chỉ rõ khung thời gian thực hiện NAMA. (từ tháng/năm đến tháng/năm)
1.4 Ngành	Chỉ rõ ngành mục tiêu của NAMA <ul style="list-style-type: none"> • Năng lượng • Công nghiệp • Xây dựng • Giao thông vận tải • Lâm nghiệp • Nông nghiệp • Chất thải
1.5 Tiểu lĩnh vực	Chỉ rõ các tiểu lĩnh vực mục tiêu của NAMA
1.6 Mô tả tóm tắt	Mô tả tóm tắt NAMA, bao gồm các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> • Tình trạng hiện tại, cơ hội, rủi ro • Mục tiêu và kế hoạch thực hiện NAMA • Tác động về giảm nhẹ phát thải KNK (trực tiếp và gián tiếp về mặt xã hội, môi trường và kinh tế).
1.7 Tổ chức thực hiện	Cung cấp thông tin ngắn gọn về các tổ chức chính liên quan đến việc thực hiện NAMA.
1.8 Thông tin liên hệ	Cung cấp tên, địa chỉ email và số điện thoại của người liên lạc cho dự án.

(Nguồn: ECOFYS)

A. 2. MẪU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT ĐỀ XUẤT NAMA

1. Tổng quát chung			
	1.1	Tên nước	<div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Sao Tome and Principe Saudi Arabia Senegal Serbia and Montenegro Seychelles Sierra Leone </div>
	1.2	Lĩnh vực	<div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Energy Industry Buildings Transport </div>
		<i>Có thể có nhiều lựa chọn</i>	
	1.3	Tiểu lĩnh vực	
2. Mô tả NAMA			
	2.1	Tên của NAMA	
	2.2	Mục tiêu	
	2.3	Mô tả các hoạt động: <i>Danh sách các hoạt động chính</i>	
	2.4	Kế hoạch thực hiện	
		Năm bắt đầu	
		Năm kết thúc	
3. Tài chính			

	3.1	Tổng chi phí của NAMA Tổng chi phí bao gồm cả chi phí từ nguồn quốc gia và chi phí hỗ trợ quốc tế (bằng euro)		EURO
	3.2	Tổng chi phí cần thiết		EURO
4. Tác động				
Giảm nhẹ phát thải KNK				
Giảm nhẹ phát thải KNK trực tiếp				
	4.1	Tổng lượng giảm phát thải tính toán (tCO ₂ e) so sánh với kịch bản phát triển bình thường		
	4.2	Mô tả cách tiếp cận để tính toán		
Năng lực giảm nhẹ				
	4.3	Mô tả lợi ích giảm nhẹ bổ sung mà không thể tính toán trực tiếp hoặc góp phần tăng cường năng lực giảm nhẹ của quốc gia		
Đồng lợi ích				

Về mặt xã hội				
	4.4	Lợi ích về mặt xã hội của NAMA <i>Danh sách các lợi ích có thể từ các hoạt động dự kiến (tối đa 250 từ)</i>		
Về mặt kinh tế				
	4.5	Lợi ích về mặt kinh tế của NAMA		
Về mặt môi trường				
	4.6	Lợi ích về mặt môi trường của NAMA		
5. Thông tin khác				
	5.1	Thông tin liên hệ		

(Nguồn: ECOFYS)

A. 3. MẪU ĐỀ XUẤT NAMA CỦA RISØE

Bản thông tin về NAMA Information Note (NINO)

Tên của NINO: _____

Quốc gia: _____

Đề xuất NAMA			
Tên của hoạt động			
Đơn vị thực hiện			
Điền vào phụ lục 1.			
Thông tin hoạt động			
Phạm vi của hoạt động	Phạm vi quốc gia	Phạm vi ngành ¹	Dự án/ Chương trình
Mục tiêu của hoạt động			
Danh mục các giải pháp nhằm đạt được mục tiêu			
Tình trạng của hoạt động	(_) đã được lên kế hoạch (_) đang trong quá trình được triển khai (_) đã được quốc gia phê duyệt triển khai	(_) đang chờ tài trợ (_) đang được triển khai (_) đã được triển khai	
Dự kiến thời gian bắt đầu của hoạt động (Tháng/Năm)		Dự kiến thời gian kết thúc (Tháng/Năm)	
Điền vào phụ lục 2.			
Mô tả tóm tắt kế hoạch thực hiện			
Thông tin cơ bản về ngành			

¹Chỉ rõ ngành, ví dụ: nông nghiệp, năng lượng, lâm nghiệp, công nghiệp, năng lượng tái tạo, khu dân cư, giao thông, chất thải

<i>(hệ thống luật, quy định, chính sách và chiến lược của quốc gia có liên quan đến các hoạt động dự kiến, cũng như xu hướng chính trong lĩnh vực có liên quan)</i>	
Hiện trạng, bao gồm cả các rào cản cần vượt qua <i>(mà không có sự can thiệp)</i>	
Các hoạt động/biện pháp chính	
Các hoạt động/biện pháp liên quan đến các dự án NAMA khác, đang được đề xuất hoặc đang được triển khai/Thực hiện.	
Giới hạn của các biện pháp và/hoặc các hoạt động được đề xuất	
Tác động của NAMA	
Đóng góp vào sự phát triển bền vững của quốc gia	
Các biện pháp và/hoặc các hoạt động đóng góp như thế nào vào các ưu tiên phát triển bền vững của quốc gia? <i>Xã hội, môi</i>	

<i>trường, kinh tế và lợi ích khác</i>		
Giảm nhẹ phát thải KNK		
Loại KNK có thể được giảm nhẹ <i>(CO₂, CH₄, N₂O, HFC, PFC, SF₆, NF₃)</i>		
Tính toán khung thời gian và tiềm năng giảm nhẹ (2020, 2030, ...) <i>(ktCO₂e/năm)</i>		
Mô tả tóm tắt phương pháp tính toán		
Tài chính cho các biện pháp, bao gồm cả công nghệ và tăng cường năng lực		
Tài chính <i>(Xác định tổng kinh phí và nguồn hỗ trợ tài chính và các thông tin khác)</i>	Quốc gia	
	Hỗ trợ quốc tế	
	Tín chỉ	
Công nghệ áp dụng <i>(Nếu có thể, chỉ rõ công nghệ và phương pháp dự kiến áp dụng)</i>		
Tăng cường năng lực <i>(Chỉ rõ các biện pháp tăng cường năng lực cần thiết)</i>		

<i>để thực hiện hoạt động)</i>	
Đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV)	
Mô tả tóm tắt các thông số để xác định tác động	
Mô tả tóm tắt hệ thống thu thập số liệu của quốc gia	
Mô tả tóm tắt hệ thống kiểm định quốc gia	

Nguồn: Trung tâm RISØE, UNEP

A. 4. CÁC MỤC CỦA TRANG MẠNG ĐĂNG KÝ NAMA CỦA UNFCCC

Đối tượng cung cấp thông tin	Mục đích	Đường dẫn tới mẫu văn bản
Các nước đang phát triển	NAMA tìm kiếm nguồn hỗ trợ cho việc chuẩn bị	http://unfccc.int/cooperation_support/nama/items/6948.php
	NAMA tìm kiếm nguồn hỗ trợ cho việc thực hiện	http://unfccc.int/cooperation_support/nama/items/6982.php
	Các NAMA khác đăng ký nhằm được công nhận	http://unfccc.int/cooperation_support/nama/items/6949.php
Các nước phát triển	Thông tin về các nguồn tài trợ cho NAMA	http://unfccc.int/cooperation_support/nama/items/6950.php

Nguồn: Tổng hợp từ Trang mạng đăng ký NAMA của UNFCCC

A. 5. THÔNG TIN VỀ CÁC NGUỒN TÀI TRỢ CHO HOẠT ĐỘNG GIẢM NHỆ KNK TẠI CÁC QUỐC GIA

STT	Nguồn	Lượng tiền	Liên hệ
1	Deutsche Investitions (DEI)	lên đến 25 triệu Euro/dự án	info@deginvest.de
2	Chương trình các khoản cho vay nhỏ của Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF)	\$50.000/dự án	sgp.info@undp.org
3	Quỹ các-bon của Ngân hàng thế giới	2,5 triệu USD	cfhelpdesk@worldbank.org
4	Sáng kiến Công nghệ Khí hậu (CTI) Mạng lưới tư vấn cho tài chính của khu vực tư nhân (PFAN)	373 triệu USD	kuroda@icett.or.jp
5	Chương trình UN-REDD	150 triệu USD	Ông Tim Clairs: tim.clairs@undp.org (+1) 212 906 6511
6	Quỹ Công nghệ sạch (CTF) của Ngân hàng Phát triển Đa phương (MDB)	4,5 tỷ USD theo cam kết của các nhà tài trợ (Úc, Pháp, Đức, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Anh, Hoa Kỳ)	CIFAdminUnit@worldbank.org (202) 458-1801

STT	Nguồn	Lượng tiền	Liên hệ
7	Seed Capital Assistance Facility (SCAF)	10,47 triệu USD	EUsher@UNEP.fr +46 821 2901
8	Phát triển các nhà máy năng lượng tái tạo của UNEP	Lên đến 250.000 USF	eric.usher@unep.fr
9	EIB Climate Change Technical Assistance Facility	Tổng số quỹ lên đến 5 triệu EUR	Peter Carter p.carter@eib.org
10	Quỹ tín dụng các-bon cho giai đoạn sau 2012 của EIB (EIB Post-2012 Các-bon Credit Fund)	125 triệu EUR	Mr. Markus van der Burg Conning Asset Management Markus_vanderBurg@conning.com
11	UNDP/MDG Các-bon Facility	Tùy vào dự án cụ thể	mdgcác-bonfacility@undp.org
12	Sáng kiến Khí hậu Quốc tế của Đức (International Climate Initiative)	120 triệu EUR hàng năm (693 triệu EUR cho đến nay) thêm tiền vốn thông qua Quỹ Năng lượng và Khí hậu	Mail: programmbuero@programmbuero-klima.de Di động: +49 (0)30 408 190 - 218
13	Hỗ trợ Hợp tác Tài chính cho Năng lượng Sạch của ADB (ADB Clean Energy Financing Partnership Facility (CEFPF))	250 triệu USD	Ông. Aiming Zhou Chuyên gia năng lượng Ngân hàng Phát triển châu Á azhou@adb.org

STT	Nguồn	Lượng tiền	Liên hệ
14	Quỹ BDKH của ADB (ADB Climate Change Fund (CCF))	50 triệu USD	Ông. Aiming Zhou Chuyên gia năng lượng Ngân hàng Phát triển châu Á azhou@adb.org
15	Sáng kiến Thị trường Các-bon của ADB (ADB Các-bon Market Initiative (CMI))	152 triệu USD (Quỹ các-bon châu Á-Thái Bình Dương, 115 triệu USD (Quỹ Các-bon tương lai), Hỗ trợ kỹ thuật	adbcdm@adb.org
16	Hỗ trợ Hợp tác các-bon trong lĩnh vực rừng (Forest Các-bon Partnership Facility (FCPF))	Khoảng 429 triệu USD cho đến nay (225,5 triệu USD theo Cơ chế Chuẩn bị và 204,3 triệu USD theo Cơ chế Tài chính Các-bon).	Nhóm Ngân hàng Thế giới info@forestcác-bonpartnership.org
17	Quỹ BDKH đặc biệt (Special Climate Change Fund (SCCF))	110 triệu USD	bbiagini@thegef.org
18	Quỹ Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của UNDP/Tây Ban Nha	90 triệu USD	mdgf.secretariat@undp.org
19	Sáng kiến Hatoyama của Nhật Bản (The Hatoyama Initiative (Japan))	Không có lượng tối đa và tối thiểu cho hỗ trợ này	Bộ Ngoại giao Nhật Bản na@na.na

STT	Nguồn	Lượng tiền	Liên hệ
20	Quỹ Thích ứng của UNFCCC (UNFCCC Adaptation Fund)	300-500 triệu USD cho đến hết 2012	secretariat@adaptation-fund.org +1 202 458 0580
21	Hợp tác Phát triển Quốc tế (International Development Association (IDA))	Đang trong quá trình bổ sung vốn giai đoạn 2012 - 2014	ida@worldbank.org
22	IFC Securitizations	Tùy vào dự án cụ thể	ifc@worldbank.org
23	Hỗ trợ Chia sẻ Rủi ro (IFC Risk Sharing Facility)	Phụ thuộc vào dự án	ifc@worldbank.org
24	IFC Partial Credit Guarantees	Phụ thuộc vào dự án	ifc@worldbank.org
25	Hỗ trợ Hàng hóa Xanh của UNDP UNDP Green Commodities Facility	Tùy thuộc vào dự án	andrew.bovarnick@undp.org
26	Quỹ và Tài chính các-bon NEFCO NEFCO Các-bon Finance and Funds	150 triệu EUR	kari.hamekoski@nefco.fi

STT	Nguồn	Lượng tiền	Liên hệ
27	Quỹ Năng lượng Tái tạo và Hiệu quả Năng lượng Toàn cầu (Global Energy Efficiency and Renewable Energy Fund (GEEREF))	65,66 triệu USD đặt cọc	geeref@eib.org
28	Hỗ trợ Khí hậu Bắc Âu Nordic Climate Facility	6 triệu EUR (2011-2012)	ncf@ndf.fi
29	Giải pháp cho Tài chính Khí hậu Fund Solutions for Climate Finance (KfW & Partners)	Quỹ Tăng trưởng xanh (Green for Growth Fund (GGF)): 400 triệu EUR trong vòng 5 năm; Quỹ Hợp tác Khí hậu Toàn cầu (Global Climate Partnership Fund (GCPF)): lên đến 500 triệu USD cho việc bảo vệ khí hậu quốc tế trong 5 năm tiếp theo	info@kfw-Entwicklungsbank.de
30	Phát triển KfW & Tài chính Khí hậu (KfW Development & Climate Finance)	Đa dạng, tùy thuộc vào hợp đồng	info@kfw-Entwicklungsbank.de
31	Hỗ trợ Sáng kiến Tài chính Khí hậu (Climate Finance Innovation Facility (CFIF))	Tài chính các-bon, Quản lý rủi ro, Hỗ trợ kỹ thuật	eric.usher@unep.org

STT	Nguồn	Lượng tiền	Liên hệ
32	Hỗ trợ Toàn cầu cho việc Giảm nhẹ và Phục hồi sau Thiên tai (Global Facility for Disaster Reduction and Recovery (GFDRR))	324 triệu USD tiền ký quỹ	mdyoulgerov@worldbank.org
33	Quỹ Tín dụng Các-bon Đa phương (Multilateral Các-bon Credit Fund (MCCF))	208,5 triệu EUR (Quỹ dự án: 150 triệu EUR, Quỹ Xanh: 58,5 triệu EUR)	vandevaj@ebrd.com
34	Hỗ trợ tư vấn Cơ sở hạ tầng công - tư (Public-Private Infrastructure Advisory Facility (PPIAF))	15 triệu USD	ajones3@worldbank.org
35	Mạng lưới Kiến thức Phát triển và Khí hậu (Climate and Development Knowledge Network)	0,5 triệu bảng Anh/dự án	enquiries@cdkn.org
36	Tài chính hỗ trợ tiếp cận Công nghệ Năng lượng Sạch tại Đông Nam Á và Nam Á (End-User Finance for Access to Clean Energy Technologies)	30-69 triệu EUR	Mr. Torsten Becker Quản lý dự án & Chuyên gia tài chính năng lượng bền vững Frankfurt School t.becker@fs.de

STT	Nguồn	Lượng tiền	Liên hệ
	in South and South-East Asia (FACET)		
37	Quỹ Khí hậu Quốc tế International Climate Fund (UK)	2,9 tỷ bảng Anh	Phòng Năng lượng và BDKH correspondence@decc.gsi.gov.uk
38	Quỹ hợp tác khí hậu toàn cầu Global Climate Partnership Fund	200 triệu USD	info@gcpf.lu
39	Quỹ Ủy thác Tín dụng xanh của Việt Nam Vietnam Green Credit Trust Fund	5 triệu USD	Nguyen Le Hang (Ms.) Trung tâm sản xuất sạch hơn Việt Nam hang.nl@vncpc.org
40	Hợp tác chuẩn bị thị trường Partnership for Market Readiness (PMR)	100 triệu USD (mục tiêu); 85 triệu USD (hiện tại)	Thư ký PMR pmrsecretariat@worldbank.org

PHỤ LỤC B. KINH NGHIỆM XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NAMA TRÊN THẾ GIỚI

B.1. CÁC ĐỀ XUẤT NAMA ĐÃ NỘP LÊN UNFCCC

B.1.1. Tính đến năm 2011

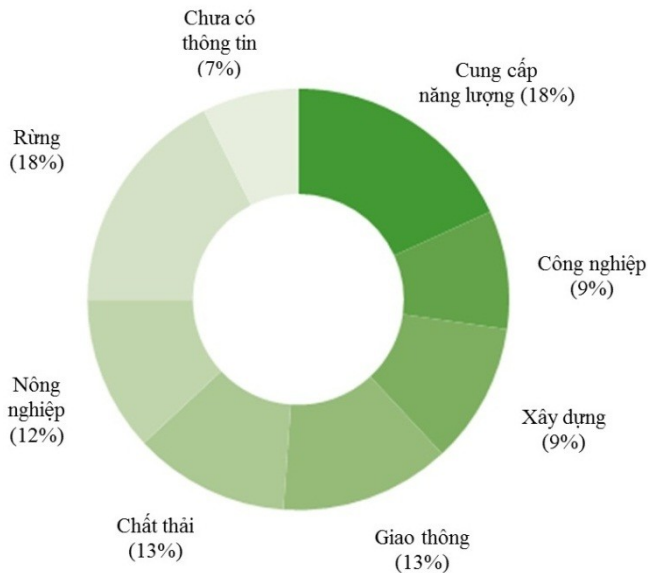
Tính đến cuối năm 2011, đã có 47 nước đang phát triển đáp lại đề nghị của các Thỏa thuận Copenhagen và Cancun bằng việc nộp các đề xuất NAMA lên Ban thư ký UNFCCC (UNFCCC, 2011). Những đề xuất này bao gồm nhiều hình thức NAMA khác nhau, từ mục tiêu và chiến lược giảm nhẹ KNK cho đến các chính sách và dự án (Röser và NNK, 2011). Các đề xuất này cũng khác nhau ở mức độ chi tiết. Nhiều đề trình NAMA chỉ là tuyên bố dự định thực hiện chứ không phải các hoạt động cụ thể, hay tiến độ thực hiện, hay là khung chính sách quốc gia mà NAMA có thể được lồng ghép vào (Van Tilburg và NNK, 2012).

COP17 tại Durban vào năm 2011 đã khuyến khích các nước đang phát triển hiện tại vẫn chưa đệ trình thông tin về NAMA khẩn trương cung cấp các thông tin về NAMA. Các quốc gia đã gửi thông tin về NAMA cho UNFCCC được khuyến khích cung cấp thêm thông tin về các đề xuất giảm nhẹ của họ và các hỗ trợ cần thiết cho việc xây dựng và thực hiện. Các quốc gia được khuyến khích cung cấp thêm các thông tin liên quan đến NAMA bao gồm các giả định và phương pháp luận, nhu cầu hỗ trợ cho việc thực hiện NAMA và các kết quả giảm nhẹ dự kiến (UNFCCC, 2012a).

Bên cạnh phần lớn các đề xuất NAMA là cho các lĩnh vực cụ thể, một số quốc gia đã xây dựng NAMA ở cấp quốc gia, như các mục tiêu giảm phát thải KNK tại cấp quốc gia (ví dụ như Ấn Độ và Trung Quốc) (Van Tilburg và NNK, 2012).

B.1.2. Tính đến năm 2012

Đến tháng 04 năm 2012, Hy Lạp, Malawi và Swaziland đã đáp lại lời mời tại Thỏa thuận Durban bằng việc đề xuất NAMA cho UNFCCC (UNFCCC, 2012b), đã làm tăng số đề xuất NAMA từ 47 (năm 2011) lên 50. Đại diện cho các quốc gia châu Phi, Swaziland đã thông báo thêm một đề xuất NAMA trong lĩnh vực nông nghiệp. Những đề xuất hiện tại (từ các quốc gia) bao gồm tất cả các lĩnh vực: cung cấp năng lượng, công nghiệp, giao thông, xây dựng, chất thải, nông nghiệp và rừng. Hầu hết các hoạt động được đề xuất cho lĩnh vực cung cấp năng lượng và rừng, trong khi những NAMA còn lại được phân đều cho các lĩnh vực khác. Các đề xuất NAMA lên UNFCCC phân chia theo từng lĩnh vực được thể hiện ở Hình PLB.1. Trong số 50 quốc gia, có 13 quốc gia đã không xây dựng NAMA cho các lĩnh vực cụ thể mà là nhằm hướng tới mục tiêu chung cho toàn quốc gia như mục tiêu phát thải KNK quốc gia (ví dụ như Ấn Độ và Trung Quốc).



Hình PLB.1. Phân loại theo lĩnh vực các NAMA đã được đề xuất lên UNFCCC

B.1.3. Danh sách các quốc gia đã nộp đề xuất NAMA lên Ban thư ký UNFCCC (cho đến năm 2011)

	Loại	NAMA đơn phương	NAMA được hỗ trợ	NAMA tạo tín chỉ
NAMA gián tiếp	Mục tiêu giảm nhẹ KNK	Lượng phát thải các-bon bằng lượng các-bon được hấp thụ (các-bon trung tính)	Man-đi-vơ	Bhutan, Costa Rica, Papua New Guinea
		Dưới mức phát thải theo kịch bản phát triển như bình thường	In-đô-nê-xi-a, Israel, Hàn Quốc, Cộng hòa Xin-ga-po	Brazil, Chi-lê, Mexico, Papua New Guinea, Nam Phi
		Dưới mức phát thải của năm cơ sở	Cộng hòa Moldova	Antigua và Barbuda, quần đảo Mar-sez
		Phát thải trên GDP	Trung Quốc, Ấn Độ	
NAMA gián tiếp	Chiến lược		Afghanistan, Georgia, Madagascar, Man-đi-vơ, Mauritius, Mexico, Sierra Leone	An-giê-ri, Bờ Biển Ngà, Eritrea, Israel, Sierra Leone, Togo
	Các chính sách và chương trình	Argentina, Bostwana, Colombia, Ghana	Argentina, Bostwana, Bra-ZIL, Trung Phi-Lic Repub, Chad, Chi-lê, Colombia, Ghana, Jordan, Madagas xe, Sierra Leone, Tunisia, Mexico, Peru, Nam Phi	Armenia, Benin, Cameroon, Congo, Bờ Biển Ngà, Eritrea, Gabon, Indo-nesia, Ma-xê-đô-ni-a, Cộng hòa Nam Tư cũ,-nia Maurita, Mông Cổ, Ma-rốc, Peru, San Marino, Sierra Leone, Tajikistan, Togo
NAMA trực tiếp	Các dự án	Ghana, Ethiopia	Cộng hòa Trung Phi, Chad, Congo, Ethiopia, Ghana, Jordan, Madagas xe, Sierra Leone, Tunisia, Mexico, Peru	Benin, Campuchia, Cameroon, Congo, Gabon, Ma-xê-đô-ni-a, Nam Tư cũ Repub-Lic, Mông Cổ, Ma-rốc, Sierra Leone

Nguồn: Röser et al., 2011

B.1.4. Danh sách đề cương tổng quát, đề cương chi tiết và các NAMA đang được thực hiện

Dự án	Quốc gia	Lĩnh vực	Tiểu lĩnh vực	Mục tiêu
Phát triển tập trung các nhà máy điện năng lượng mặt trời ở An-giê-ri	An-giê-ri	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời)	Giúp An-giê-ri trong việc phát triển tiềm năng năng lượng mặt trời, một trong những lĩnh vực quan trọng nhất trên thế giới, là các dự án lớn về nhiệt mặt trời
Năng lượng hiệu quả trong các tòa nhà dân cư	An-giê-ri	Xây dựng	Năng lượng hiệu quả (tòa nhà dân cư)	Tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà bằng cách sử dụng công nghệ mới
Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng xe lửa chở hàng	Argentina	Giao thông vận tải	Xe lửa chở hàng	Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng hệ thống xe lửa chở hàng ở Belgrano Cargas và tăng cường chuyển đổi từ xe tải sang xe lửa trong vận chuyển sản phẩm nông nghiệp
NAMA trong năng lượng tái tạo và năng lượng hiệu quả	Barbados	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo (không xác định); Hiệu quả năng lượng	Thúc đẩy năng lượng tái tạo và năng lượng hiệu quả ở Barbados, do đó, giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, tăng cường an ninh và sử dụng bền vững năng lượng, và cải thiện môi trường quốc gia
Kế hoạch toàn diện về giao thông ở Belo	Brazil	Giao thông vận tải	Giao thông công cộng (Giao thông không động cơ)	Tăng tỷ lệ giao thông không có động cơ và phương tiện giao thông công cộng để giảm phát thải KNK từ giao thông đô thị và cải

Dự án	Quốc gia	Lĩnh vực	Tiểu lĩnh vực	Mục tiêu
Horizonte				thiện điều kiện giao thông và môi trường địa phương
Chương trình năng lượng hiệu quả trong giao thông ở Chi-lê	Chi-lê	Giao thông vận tải	Vận chuyển	Thúc đẩy hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực vận chuyển nhằm giảm nhẹ phát thải KNK và phát triển bền vững trong vận chuyển hành khách và hàng hóa
Chương trình năng lượng tái tạo	Chi-lê	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo (không xác định)	Tăng cường năng lượng tái tạo trên toàn quốc nhằm sản xuất thêm 850 MW với các nguồn năng lượng tái tạo phi truyền thống sẽ làm giảm khoảng 2 triệu tấn CO ₂ tương đương hàng năm vào năm 2020
Ưu đãi sử dụng năng lượng hiệu quả trong khai thác mỏ đồng	Chi-lê	Công nghiệp	Hiệu quả năng lượng	Giảm 4,8% lượng phát thải CO ₂ tương đương so với đường phát thải ở kịch bản phát triển bình thường vào năm 2020
Quản lý bền vững rừng và phục hồi rừng bản địa	Chi-lê	Lâm nghiệp	Trồng rừng; Quản lý rừng	Đóng góp vào việc giảm nhẹ KNK ở Chi-lê nhờ quản lý rừng bền vững và phục hồi các khu rừng nguyên sinh
Chương trình	Chi-lê	Giao thông vận tải	Vận tải không động cơ	Hỗ trợ thay đổi phương thức vận tải từ

Dự án	Quốc gia	Lĩnh vực	Tiểu lĩnh vực	Mục tiêu
hỗ trợ thay đổi phương thức vận tải bền vững				phương tiện tư nhân sang công cộng và từ cơ giới sang không có động cơ
Quá trình cải tiến trong công nghiệp xi măng	Chi-lê	Công nghiệp	Xi măng	Giảm phát thải KNK khoảng 0,2 triệu tấn CO ₂ tương đương hàng năm đến năm 2020, thông qua các biện pháp hiệu quả năng lượng và sử dụng các nguồn năng lượng thay thế
Nâng cao hiệu quả của động cơ điện sử dụng trong công nghiệp và khai thác mỏ	Chi-lê	Công nghiệp	Hiệu quả năng lượng	Giảm cường độ năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp và khai thác mỏ khoảng 1% vào năm 2020 so với kịch bản phát triển thông thường
Chương trình trồng rừng	Chi-lê	Lâm nghiệp	Trồng rừng	Trồng rừng trên đất thích hợp cho lâm nghiệp và/hoặc đất bị suy thoái
Tích hợp cải thiện quản lý quá cảnh	Chi-lê	Giao thông vận tải	Quy hoạch đô thị; Quản lý quá cảnh	Thực hiện các biện pháp quản lý quá cảnh tại các thành phố để cải thiện lưu lượng tổng thể của giao thông và giảm phát thải KNK
Ưu đãi phát	Chi-lê	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo (địa	Tạo ra các ưu đãi để phát điện với năng lượng

Dự án	Quốc gia	Lĩnh vực	Tiểu lĩnh vực	Mục tiêu
điện với năng lượng địa nhiệt			nhiệt)	địa nhiệt nhằm đạt được 320 MW bổ sung so với kịch bản phát triển bình thường vào năm 2020
Phát triển xe điện	Cô-lôm-bi-a	Giao thông vận tải	Giao thông công cộng Ô tô chở khách	Sử dụng xe điện sẽ đạt 20% đối với khu vực hành khách, 30% cho các đội xe taxi và 30% đối với vận tải hàng hóa đô thị
NAMA trong ngành cà phê Costa Rica	Costa Rica	Nông nghiệp	Cây trồng (bao gồm cả NO ₂ từ sử dụng phân bón)	Giảm phát thải KNK của ngành nông nghiệp lên đến 15% thông qua việc thực hiện công nghệ giảm nhẹ phát thải KNK trong sản xuất và chế biến cà phê
Đầu tư năng lượng tái tạo ở Ai Cập	Ai Cập	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo	Góp phần vào mục tiêu sử dụng 20% năng lượng tái tạo vào năm 2020. Hỗ trợ sử dụng một số nguồn năng lượng tái tạo bằng Quỹ hỗ trợ
Năng lượng nông thôn và bếp hiệu quả	Ethiopia	Tòa nhà Lâm nghiệp	Hiệu quả năng lượng (tòa nhà); Thay thế nhiên liệu	Tăng cường sử dụng năng lượng hiệu quả bằng cách sử dụng các bếp củi và năng lượng thay thế
Chuyển đổi vận chuyển hàng hóa bằng	Ethiopia	Giao thông vận tải	Vận chuyển hàng hóa	Tăng vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt điện. Vận tải đường sắt sẽ được trang bị năng lượng tái tạo

Dự án	Quốc gia	Lĩnh vực	Tiểu lĩnh vực	Mục tiêu
đường sắt điện				
Năng lượng tái tạo	Gambia	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo (không xác định) Hiệu quả năng lượng	Nhằm tăng tỷ lệ phần trăm năng lượng tái tạo trong sản xuất điện, chính phủ dự định ban hành Luật năng lượng tái tạo và năng lượng hiệu quả, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao nhận thức về các công nghệ năng lượng tái tạo và năng lượng tiềm năng, và cung cấp các ưu đãi bổ sung
Sản xuất năng lượng sạch ở Kakheti	Georgia	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo	Xây dựng 10 nhà máy thủy điện trong khu vực Kakheti, Đông Georgia nhằm giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất điện và giảm phát thải KNK có liên quan
Tăng cường hiệu quả năng lượng trong công nghiệp thép	Ấn Độ	Công nghiệp	Hiệu quả năng lượng	Cải tiến hiệu quả năng lượng của lò đốt của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành công nghiệp ở Ấn Độ, giảm tiêu thụ năng lượng tổng thể ít nhất 20% cho mỗi đơn vị sản xuất
Quản lý nhu cầu giao thông ở Jakarta	In-đô-nê-xi-a	Giao thông vận tải	Giao thông công cộng; Quản lý quy hoạch đô thị	Quản lý nhu cầu giao thông
Quản lý đất than bùn bền	In-đô-nê-xi-a	Nông nghiệp	Sử dụng đất (kể cả đất than bùn)	Nâng cao mực nước ngầm trong lớp than bùn bằng cách lấp đất các cống và tăng cường

Dự án	Quốc gia	Lĩnh vực	Tiểu lĩnh vực	Mục tiêu
vững ở In-đô-nê-xi-a				quản lý các công hiện có để không chế sự phân hủy hiêm khí của than bùn và do đó hạn chế lượng khí thải CO ₂ .
Chương trình phát triển năng lượng mặt trời và gió	Jordan	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo (mặt trời, gió)	Để giúp chính phủ đạt được mục tiêu 10% năng lượng tái tạo (gió, chủ yếu là năng lượng mặt trời CSP và PV) trong nhu cầu năng lượng sơ cấp vào năm 2020.
Chương trình hiệu quả năng lượng cho các trạm bơm nước	Jordan	Công nghiệp	Hiệu quả năng lượng	Tăng cường hiệu quả năng lượng trong các trạm bơm nước
Chương trình giảm nhẹ phát thải KNK quy mô thành phố ở Greater Amman Municipality	Jordan	Cung cấp năng lượng; Lâm nghiệp; Xử lý chất thải; Giao thông vận tải	Hiệu quả năng lượng; Giao thông công cộng; Quản lý chất thải rắn; Trồng rừng đô thị	Giảm phát thải KNK trong quản lý rác thải đô thị, giao thông đô thị, năng lượng bền vững, và lâm nghiệp đô thị. Ước tính trung bình khoảng 560 tấn CO ₂ tương đương mỗi năm.
Nghiên cứu tiền khả thi cho việc thực	Lào	Giao thông vận tải	Quy hoạch đô thị và quản lý nhập cư	NAMA về giao thông vận tải của Lào sẽ thực hiện chiến lược giao thông vận tải bền vững cũng như kế hoạch tổng thể về giao thông đô

Dự án	Quốc gia	Lĩnh vực	Tiểu lĩnh vực	Mục tiêu
hiện NAMA trong ngành Giao thông vận tải ở Viêng Chăn				thị toàn diện của Viêng Chăn.
Phát triển vận tải công cộng ở Lebanon	Lebanon	Giao thông vận tải	Giao thông công cộng	Hiện đại hóa hệ thống giao thông mà hiện nay đang phụ thuộc chủ yếu vào các phương tiện vận tải hành khách cũ
Giảm phát thải KNK của ngành điện ở Lebanon	Lebanon	Cung cấp năng lượng	Hiệu quả năng lượng	Cải thiện hiệu suất của sản xuất điện ở Lebanon, bao gồm các mục tiêu hiện tại đặt ra trong chiến lược của chính phủ cho ngành điện, và huy động các nguồn lực tài chính để giúp giảm hệ số phát thải của sản xuất điện ở Lebanon 40%.
Hiệu quả năng lượng ở hộ gia đình ở Libya	Libya	Tòa nhà	Hiệu quả năng lượng (hộ dân); Hiệu quả năng lượng (công cộng và khu thương mại)	Giảm một nửa lượng khí thải trung bình trong khu vực dân cư vào năm 2020 bằng cách tăng hiệu quả sử dụng năng lượng của các tòa nhà và các thiết bị và gia tăng việc sử dụng máy nước nóng năng lượng mặt trời
Tăng cường xe thể hệ mới ở Mexico	Mexico	Giao thông vận tải	Vận tải hàng hóa	Hỗ trợ chương trình quốc gia về đổi mới phương tiện vận tải

Dự án	Quốc gia	Lĩnh vực	Tiểu lĩnh vực	Mục tiêu
Tối ưu hóa hệ thống xe buýt thông thường ở thành phố Mexico	Mexico	Giao thông vận tải	Giao thông công cộng	Tối ưu hóa hệ thống xe buýt thông thường ở thành phố Mexico
Chương trình pin mặt trời ở Morocco	Morocco	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời)	Lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời công suất 2000 MW vào năm 2020
Chương trình hiệu quả năng lượng trong công nghiệp	Morocco	Công nghiệp	Hiệu quả năng lượng	Thúc đẩy các hoạt động sử dụng năng lượng hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất dựa trên các ưu đãi cụ thể và các dự án
Hiệu quả năng lượng trong các tòa nhà ở Morocco	Morocco	Tòa nhà	Hiệu quả năng lượng (tòa nhà)	Kết hợp một số biện pháp để khuyến khích sự hấp thu năng lượng mặt trời của các hệ thống nước nóng, đẩy nhanh việc áp dụng các bóng đèn huỳnh quang compact (CFL), thực hiện các biện pháp liên quan đến hiệu suất nhiệt của các tòa nhà và kết hợp ghi nhãn hiệu quả năng lượng của các thiết bị
Phát triển hệ thống kiểm kê chất thải rắn	Peru	Xử lý chất thải	Quản lý chất thải; Thu hồi khí metan	Chuẩn bị thị trường sẵn sàng cho các nguồn tài trợ NAMA trong lĩnh vực xử lý chất thải để đạt được mục tiêu thu gom chất thải, xử lý

Dự án	Quốc gia	Lĩnh vực	Tiểu lĩnh vực	Mục tiêu
và xác định các lựa chọn NAMA				chất thải, tái chế, chuyển chất thải thành năng lượng và thực thi các mục tiêu quản lý chất thải
Sử dụng đèn chiếu sáng hiệu quả: đề xuất NAMA	Peru	Tòa nhà Công nghiệp	Hiệu quả năng lượng(tòa nhà); Hiệu quả năng lượng (công cộng và khu thương mại);	Giảm tiêu thụ năng lượng thông qua việc thực hiện các công nghệ chiếu sáng hiệu quả hơn trong khu dân cư, khu công nghiệp và dịch vụ
Hỗ trợ tài chính nhằm cải thiện hệ thống năng lượng nhà ở thu nhập thấp	Nam Phi	Tòa nhà	Hiệu quả năng lượng	Giảm phát thải KNK qua hệ thống đun nước bằng năng lượng mặt trời và năng lượng nhiệt trong các tòa nhà cho người thu nhập thấp
Triển khai các xe chở khách điện tư nhân	Nam Phi	Giao thông vận tải	Ô tô chở khách	Giảm phát thải KNK thông qua sản xuất và sử dụng xe chở khách tư nhân điện
Gia tăng kinh phí sản xuất 10 GW điện gió đến năm 2020	Nam Phi	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo	Sử dụng năng lượng tái tạo trong hệ thống điện Nam Phi

Dự án	Quốc gia	Lĩnh vực	Tiểu lĩnh vực	Mục tiêu
Gia tăng kinh phí cho 5 GW năng lượng mặt trời đến năm 2020	Nam Phi	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo	Giảm phát thải KNK thông qua CSP
Quản lý chất thải và nước thải	Thái Lan	Xử lý chất thải	Xử lý nước	Xây dựng phương pháp luận để phát triển NAMA trong lĩnh vực quản lý chất thải
NAMA về quản lý chất thải	Tuy-ni-di	Xử lý chất thải	Quản lý chất thải rắn Xử lý nước	Giảm nhẹ phát thải khí methane từ chất thải phân hủy sinh học (chất thải nông nghiệp, chất thải từ sản xuất lương thực và nước thải)
Phát triển hệ thống lưới điện từ năng lượng tái tạo	Uganda	Cung cấp năng lượng	Năng lượng hiệu quả	Hỗ trợ phát triển lưới điện từ năng lượng tái tạo thông qua tín dụng các-bon
Hỗ trợ giảm nhẹ phát thải KNK trong lĩnh vực xi măng	Việt Nam	Công nghiệp	Hiệu quả năng lượng	Phát triển hệ thống dữ liệu và MRV trong ngành xi măng và thiết kế một chương trình hỗ trợ cho các hành động giảm nhẹ trong ngành xi măng

Nguồn: Cơ sở dữ liệu NAMA, 2012

B.1.5. Một số ví dụ về NAMA

1. Chương trình quản lý chất thải rắn tổng hợp tại thủ đô của Bangladesh

Theo ước tính, thủ đô Dhaka của Bangladesh là một thành phố đông dân và dự báo đến năm 2015 thành phố này sẽ thải ra hơn 5000 tấn rác thải mỗi ngày – tăng 47% so với mức rác thải tại năm cơ sở 2004 là 3400 tấn mỗi ngày. Tốc độ tăng dân số nhanh cùng với thu nhập tăng đã làm gia tăng lượng rác thải, vượt quá khả năng quản lý của chính quyền thành phố. Lượng rác thải gia tăng đã gây ra một số tác động tiêu cực đến Dhaka như sự lây lan của bệnh tật, ô nhiễm nước ngầm và chất lượng không khí giảm sút. Lĩnh vực rác thải tại Bangladesh cũng phát thải ra một lượng lớn KNK do nó bao gồm methane, một loại KNK có tiềm năng ấm lên toàn cầu gấp 25 lần so với CO₂. Đến năm 2020, lượng phát thải KNK từ lĩnh vực rác thải sẽ tăng khoảng 22%, lên đến 20 triệu tấn.

Với hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), năm 2005 Dhaka đã xây dựng Quy hoạch tổng thể quản lý chất thải rắn, trong đó đặt ra mục tiêu cải cách hệ thống quản lý chất thải rắn của thành phố đến năm 2015. Quy hoạch đã tìm cách xây dựng một chương trình quản lý chất thải có sự tham gia của các bên, tăng cường năng lực cho cơ quan quản lý trong việc thu gom và vận chuyển rác thải, hiện đại hóa và mở rộng các khu vực xử lý rác thải, và tăng cường việc quản lý hành chính và tài chính.

2. Thử nghiệm xây dựng các tòa nhà tiết kiệm năng lượng tại Mexico

Tại Mexico đã ban hành các bộ tiêu chuẩn xây dựng các tòa nhà thương mại, tuy nhiên mức độ bắt buộc của bộ tiêu chuẩn này chưa cao. Cần nhiều nỗ lực hơn nữa để thúc đẩy việc bắt buộc thực hiện bộ tiêu chuẩn này. Bên cạnh đó, khả năng mang lại việc giảm phát thải KNK tức thời của các biện pháp cần thiết trong dài hạn là

không cao. Đề xuất NAMA của Mexico là nhằm khuyến khích khu vực tư nhân và nâng cao nhận thức về cơ hội thị trường của các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng, hơn là dựa trên các quy định luật pháp. Các ví dụ NAMA cho lĩnh vực xây dựng bao gồm:

Chuẩn bị nghiên cứu nhằm xác định các biện pháp chi phí thấp - hiệu quả cao đối với việc giảm phát thải cho các tòa nhà mới tại các khu vực;

Xây dựng 05 dự án thí điểm thực hiện các biện pháp chi phí thấp - hiệu quả cao tại các vùng;

Xây dựng và thực hiện hệ thống tài chính của ngân hàng nhà nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các chủ đầu tư dự án và khuyến khích phổ biến công nghệ;

Nâng cao nhận thức với các bên liên quan, nhấn mạnh việc thực hiện các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả sẽ mang lại cơ hội lớn cho các nhà cung cấp công nghệ, kiến trúc sư, công ty xây dựng...

3. Chi-lê nỗ lực sử dụng năng lượng hiệu quả

Là một quốc gia với nguồn tài nguyên nhiên liệu hóa thạch khiêm tốn, Chi-lê đã được nhận danh hiệu là một trong những quốc gia sử dụng năng lượng hiệu quả nhất châu Mỹ La tinh về hiệu quả năng lượng. Trong năm 2005, nhằm ứng phó với việc thiếu khí đốt tự nhiên nhập khẩu và hạn hán, Chi-lê xác định lại chiến lược năng lượng của mình, tập trung vào việc sử dụng năng lượng hiệu quả và coi đây là ưu tiên quốc gia và xây dựng Chương trình quốc gia sử dụng năng lượng hiệu quả. Kể từ đó, tầm quan trọng của hiệu quả năng lượng ở Chi-lê ngày càng lớn, thể hiện trong ngân sách liên bang. Từ 2006 đến 2009, ngân sách hàng năm Chương trình hiệu quả năng lượng quốc gia tăng từ 1 triệu USD đến hơn 34 triệu USD.

Chi-lê cải cách khuôn khổ thể chế cho việc sử dụng năng lượng hiệu quả trong thập kỷ qua và trong tháng 11 năm 2010, Chi-lê đã thành lập Cơ quan Năng lượng Hiệu quả để thực hiện các chính sách và sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả. Cơ quan Năng lượng Hiệu quả của Chi-lê được cấu trúc như một tổ chức độc lập phi lợi nhuận, dựa trên các nguồn lực từ công chúng cũng như các khu vực tư nhân để hỗ trợ các khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững của Chi-lê. Nó đóng vai trò như là một tổ chức công-tư, nó cũng phối hợp và thông báo cho các hành động của các bên liên quan của địa phương, quốc gia và toàn cầu. Trong năm 2012, Chi-lê đã coi việc sử dụng năng lượng hiệu quả là nội dung đầu tiên trong Chiến lược năng lượng quốc gia giai đoạn từ 2012 đến 2020, trong đó, đã đặt ra mục tiêu là giảm 12% nhu cầu năng lượng năm 2020 thông qua sử dụng năng lượng hiệu quả hơn.

Một loạt các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả được Chi-lê áp dụng bao gồm: Tiêu chuẩn và chương trình dán nhãn sử dụng năng lượng hiệu quả; Phổ biến việc sử dụng bóng đèn compact; Hỗ trợ xe điện; Đầu tư vào sử dụng năng lượng hiệu quả; Hỗ trợ tín dụng cho việc sử dụng năng lượng hiệu quả.

4. Trung Quốc xây dựng thị trường sử dụng năng lượng hiệu quả

Do tăng trưởng kinh tế nhanh, nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng của Trung Quốc đã tạo ra những thách thức đáng kể đối với an ninh năng lượng và phát triển bền vững. Đối mặt với hai thách thức này, các nhà lãnh đạo đã nhấn mạnh hiệu quả sử dụng năng lượng như một ưu tiên hàng đầu cho đất nước. Từ 1980 đến 2000, Trung Quốc đã giảm cường độ tiêu thụ năng lượng với tốc độ trung bình là 5%/năm, trong đó cường độ tiêu thụ năng lượng được đo bằng lượng năng lượng được sử dụng trên một đơn vị sản phẩm trong nước (GDP). Trung Quốc đạt được những kết quả này chủ yếu thông qua trợ cấp và các quy định hướng tới ngành công nghiệp. Tuy nhiên, vào đầu những năm 2000 này xu hướng đã đảo

ngược do một số yếu tố, bao gồm: tăng năng lượng tiêu thụ trong nước, gia tăng nhanh chóng trong sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng cần nhiều năng lượng để sản xuất và thêm nhiều công trình xây dựng.

Trung Quốc đã khuyến khích tăng cường đầu tư của khu vực tư nhân vào sử dụng năng lượng hiệu quả. Tuy nhiên, kết quả còn khá hạn chế, vì các tổ chức tài chính còn thiếu kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án hiệu quả năng lượng. Quyết định cho vay chủ yếu được dựa vào giá trị của tài sản đảm bảo (bảng cân đối kế toán tài chính) hơn là dựa trên dòng tiền của dự án (tài chính dự án), điều này đã cản trở khả năng tiếp cận tín dụng của các công ty cung cấp năng lượng.

Năm 2004, Trung Quốc đã nhờ Tổng công ty Tài chính Quốc tế giúp thiết kế một sáng kiến tài chính dựa vào khu vực tư nhân nhằm khuyến khích sự đầu tư của khu vực tư nhân vào các hoạt động sử dụng năng lượng hiệu quả. Kết quả là Chương trình Tài chính cho Sử dụng Năng lượng Hiệu quả của Trung Quốc (CHUEE) đã được xây dựng. Đây là một cơ chế chia sẻ rủi ro, có nghĩa là để tăng đầu tư tư nhân vào các dự án sử dụng năng lượng hiệu quả. CHUEE đặt ra mục tiêu ban đầu là giảm lượng phát thải 8,6 triệu tấn CO₂ mỗi năm trước năm 2012 theo kịch bản đường cơ sở, và sau này tăng lên đến 13,6 triệu tấn CO₂ mỗi năm vào năm cuối của giai đoạn thứ hai trong năm 2015.

B.2. THỰC TRẠNG CÁC NAMA NHẬN ĐƯỢC HỖ TRỢ QUỐC TẾ

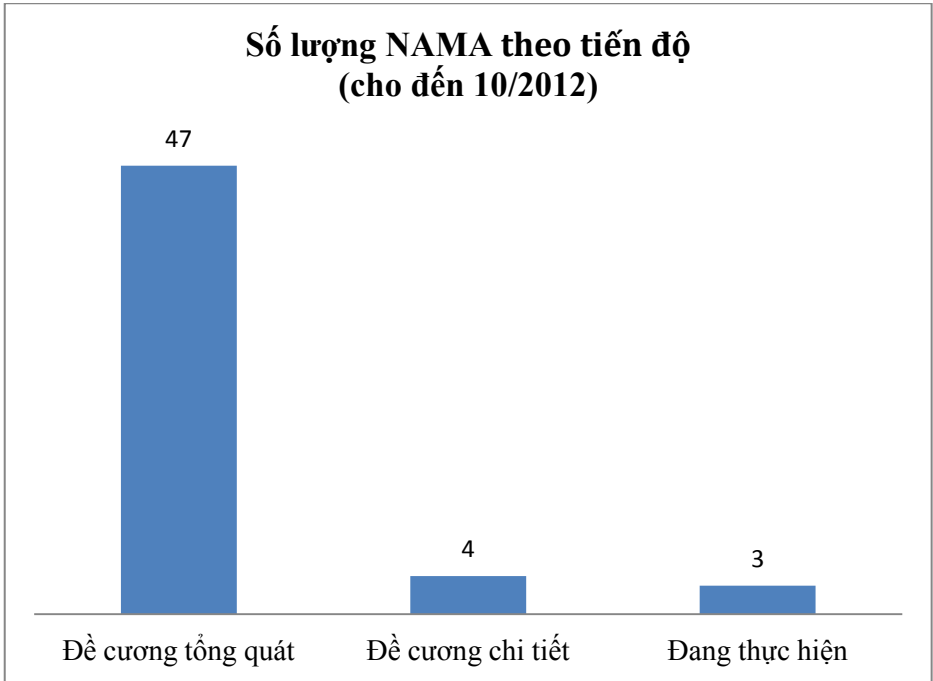
Phần này trình bày các hoạt động xây dựng NAMA được hỗ trợ dựa trên các thông tin về các dự án này cho đến tháng 10 năm 2012. Những thông tin này được lấy từ trang mạng Cơ sở dữ liệu NAMA (NAMA Database). Trang này đã theo dõi các hoạt động của các NAMA nhận được sự hỗ trợ quốc tế đang được thực hiện tại các nước đang phát triển sử dụng các nguồn vốn công sẵn có.

Cơ sở dữ liệu NAMA cập nhật những hoạt động mới nhất về NAMA đang diễn ra trên toàn thế giới. Cơ sở dữ liệu này được quản lý bởi Ecofys và nhận hỗ trợ từ Sáng kiến Khí hậu Quốc tế của Chính phủ Đức. Đến tháng 10 năm 2012, cơ sở dữ liệu NAMA hiện có thông tin của 54 NAMA tại 25 quốc gia.

B.2.1. Thực trạng NAMA nhận được hỗ trợ quốc tế

Thông tin về các hoạt động NAMA đã được thu thập khoảng vài tháng trước COP17 tại Durban và trong khoảng thời gian đầu năm 2012. Trong khi Báo cáo Thực trạng NAMA (năm 2011) đã xác định 30 NAMA đang được xây dựng trong giai đoạn 2009 – 2011 (Röser và NNK, 2011), 22 đề xuất NAMA mới đã được đưa vào trong khoảng thời gian tháng 11 năm 2011 và tháng 04 năm 2012. Hình PLB.2 thể hiện tổng số 54 hoạt động NAMA theo tiến độ tính đến tháng 10 năm 2012, trong đó có 47 đề cương NAMA tổng quát, 4 đề cương NAMA chi tiết và 3 NAMA đang thực hiện.

Trong hầu hết các trường hợp, các quốc gia đã nhận được tài chính để thực hiện các hoạt động chuẩn bị như tăng cường năng lực và chuẩn bị các nghiên cứu khả thi và đề cương NAMA tổng quát. Tuy nhiên, nguồn tài chính cần thiết cho việc thực hiện NAMA vẫn chưa được cung cấp nhiều bằng nguồn tài chính cho các hoạt động chuẩn bị NAMA. Bảng PLB.1 tổng kết một số ví dụ về các NAMA theo tiến độ xây dựng và thực hiện.



Hình PLB.2. Số lượng NAMA theo tiến độ xây dựng và thực hiện

Nguồn: Tổng hợp từ trang web Cơ sở dữ liệu NAMA (NAMA Database, 2012)

Bảng PLB.1. Ví dụ về một số NAMA theo tiến độ xây dựng và thực hiện

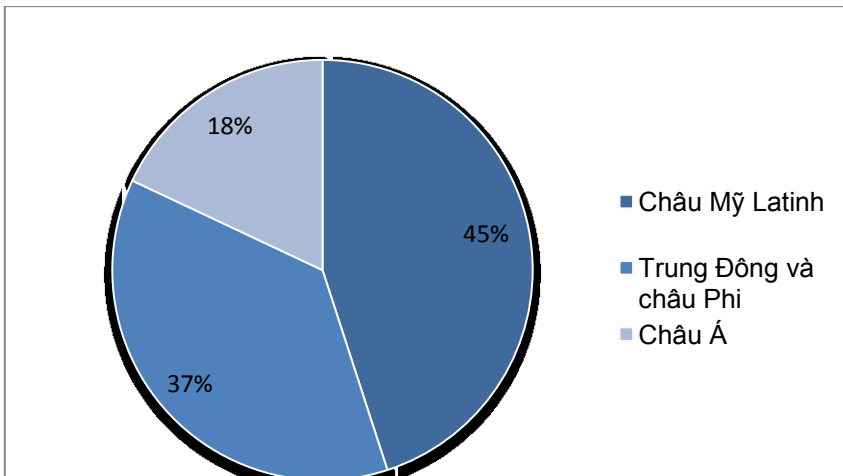
Quốc gia	Lĩnh vực	Lĩnh vực cụ thể	Tên dự án	Mục tiêu	Tiến độ
Algeria	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo	Xây dựng các nhà máy năng lượng mặt trời tập trung tại Algeria	Nhằm hỗ trợ Algeria phát triển tiềm năng năng lượng mặt trời tại quốc gia này thông qua thực hiện các dự án lớn về năng lượng mặt trời	Đề cương tổng quát
Chi-lê	Lâm nghiệp	Trồng rừng mới	Chương trình trồng rừng mới	Trồng rừng mới tại những vùng đất thích hợp và/hoặc tại những vùng đất đã bị suy thoái	Đề cương tổng quát
Việt Nam	Công nghiệp	Sử dụng năng lượng hiệu quả; Kiểm soát phát thải trong quy trình sản xuất	Hỗ trợ nhân rộng các hoạt động giảm nhẹ trong lĩnh vực xi măng	Xây dựng các số liệu cho lĩnh vực xi-măng và hệ thống MRV và thiết kế một hệ thống hỗ trợ các hoạt động giảm nhẹ trong lĩnh vực xi-măng	Đề cương tổng quát
Colombia	Giao thông	Vận chuyển hàng hóa	Kế hoạch quốc gia cho ngành hàng không: nghiên cứu NAMA thí điểm	Tăng cường năng lực xây dựng và thực hiện của Bộ Giao thông và Phòng Quy hoạch Quốc gia tại Colombia để xây dựng NAMA trong lĩnh vực giao thông, cụ thể ngành hàng không	Đề cương chi tiết
Tunisia	Cung cấp năng lượng	Năng lượng tái tạo; Sử dụng năng lượng hiệu quả	Kế hoạch năng lượng tái tạo Tunisia	Thực hiện 40 dự án độc lập để phát triển năng lượng gió, năng lượng mặt trời và năng lượng sinh khối và giới thiệu các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả trong	Đề cương chi tiết

Quốc gia	Lĩnh vực	Lĩnh vực cụ thể	Tên dự án	Mục tiêu	Tiến độ
				lĩnh vực giao thông và xây dựng	
Jordan	Chất thải	Nước thải	Dự án năng lượng và xử lý nước thải công nghiệp Zarqa (ZIWWTE)	Dự án NAMA thí điểm gồm hai thành phần: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Dự án thí điểm: ZIWWTE xử lý nước thải công nghiệp và cung cấp năng lượng tại Zarqa ▪ Thành phần dự án: hỗ trợ quy định và tăng cường năng lực để hỗ trợ sự chuyển giao lĩnh vực và nhân rộng dự án. 	Đang thực hiện

Nguồn: Cơ sở dữ liệu NAMA, 2012

B.2.2. Tổng quan về sự phát triển NAMA theo khu vực và các sáng kiến hỗ trợ quốc tế

Hình PLB.3 trình bày sự phân bố NAMA theo khu vực. Khu vực đưa ra nhiều đề xuất NAMA nhất là châu Mỹ La Tinh với 22 NAMA với các tiến độ khác nhau. Những hoạt động nổi bật đang diễn ra tại châu Mỹ La Tinh bao gồm Kế hoạch hành động và Kịch bản giảm nhẹ (MAPS) với hợp tác giữa các nước đang phát triển (Hợp tác South - South) nhằm xây dựng kế hoạch giảm nhẹ trong dài hạn. Tại châu Mỹ La Tinh, chương trình MAPS đã thực hiện các hoạt động tại Brazil, Chi-lê, Colombia và Peru. Mạng lưới Thực hiện các Hoạt động Giảm nhẹ (MAIN) thực hiện bởi Trung tâm Chính sách Không khí sạch (CCAP) và Viện Ngân hàng Thế giới (WBI) cũng đang hỗ trợ việc thiết kế và thực hiện NAMA và Chiến lược Phát triển theo hướng các-bon thấp tại 8 quốc gia tại châu Mỹ La Tinh và tại 7 quốc gia tại châu Á.



Hình PLB.3. Các đề xuất NAMA phân bố theo khu vực

Nguồn: Tổng hợp từ trang web Cơ sở dữ liệu NAMA (NAMA Database, 2012)

Sau COP17, các quốc gia châu Phi cũng đã bắt đầu chú ý đến NAMA. Tại Nam Phi, Chương trình Năng lượng Tái tạo tại Nam Phi (SARI) đã được thực hiện với sự hỗ trợ từ các quốc gia

châu Âu. SARI sẽ cung cấp tài chính hỗ trợ nhân rộng sản xuất năng lượng tái tạo tại Nam Phi. Một trong những nghiên cứu đầu tiên xác định NAMA tại khu vực Trung Đông và Bắc Phi đã được thực hiện bởi Trung tâm Năng lượng tái tạo và Hiệu quả Năng lượng (RCREEE) vào tháng 11 năm 2011. Nghiên cứu này đã xác định được một số đề cương NAMA tổng quát cho Algeria, Hy Lạp, Jordan, Lebanon, Libya, Morocco, Syria, Tunisia và Yemen (RCREEE, 2011).

Tại châu Á, Indonesia, Việt Nam và Thái Lan đã bước đầu thực hiện các hoạt động xây dựng NAMA. Indonesia đã xây dựng “Hướng dẫn thực hiện kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải KNK” (Bappenas, 2011), đưa ra khung chính sách cho cơ quan trung ương và địa phương để thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK và đề xuất NAMA trong năm lĩnh vực chính.

B.2.3. Các đề xuất NAMA phân bố theo lĩnh vực

Các đề xuất NAMA hiện tại bao trùm nhiều lĩnh vực, tuy nhiên lĩnh vực giao thông được nhiều quốc gia quan tâm nhất với 17 đề xuất. Một lĩnh vực khác cũng nhận được nhiều đề xuất NAMA là năng lượng (16 đề xuất), đặc biệt năng lượng tái tạo từ gió và mặt trời. Bên cạnh đó, cũng có nhiều đề xuất cho các hoạt động sử dụng năng lượng hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng và công nghiệp.

Dựa trên các thông tin mới nhất tại trang mạng Cơ sở dữ liệu NAMA, tiến độ xây dựng và thực hiện NAMA tại các nước đang phát triển mới thể hiện một phần những đề xuất của các quốc gia này lên UNFCCC. Số lượng NAMA trong lĩnh vực giao thông và năng lượng phản ánh đúng số đề xuất của các nước đang phát triển cho hai lĩnh vực này lên UNFCCC. Tuy nhiên, rất ít NAMA được xây dựng cho lĩnh vực rừng và nông nghiệp mặc dù nhiều quốc gia đã tuyên bố trong đề xuất của họ lên UNFCCC rằng các quốc gia này cũng có kế hoạch xây dựng NAMA trong lĩnh vực rừng và

nông nghiệp. So sánh giữa các đề xuất NAMA lên UNFCCC và các hoạt động NAMA tại Cơ sở dữ liệu NAMA cho thấy rằng hiện tại mới chỉ có một phần ba số các quốc gia đề xuất lên UNFCCC đã tham gia vào các hoạt động xây dựng NAMA trong thực tế (Tilburg và NNK, 2012).

B.3. QUAN ĐIỂM VỀ NAMA CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

Quan điểm về NAMA của các nước đang phát triển cũng có sự khác nhau, cụ thể trong phần này phân tích quan điểm của một số nước như Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ và Nam Phi (Bảng PLB.2).

Vấn đề đầu tiên có thể nhận thấy là các quan điểm về NAMA của tất cả các nước là tương tự nhau. Đầu tiên, đề cập đến các nguyên tắc "trách nhiệm chung nhưng có phân biệt" và khả năng tương ứng, NAMA ở các nước đang phát triển được xem là khác biệt rõ ràng với các cam kết giảm nhẹ KNK của các nước phát triển.

Thứ hai, các quốc gia nhấn mạnh sự cấp thiết của phát triển, tức là hành động giảm nhẹ không nên cản trở sự phát triển của các quốc gia.

Thứ ba, tất cả các quốc gia cho rằng NAMA tìm kiếm hỗ trợ được xác định bởi các nước đang phát triển trên cơ sở tự nguyện, và các hành động đơn phương cũng cần được quốc tế công nhận.

Cuối cùng, bốn quốc gia đều cho rằng hỗ trợ tài chính cho NAMA nên được chuyển qua cơ chế tài chính được đề xuất bởi Nhóm G-77 và Trung Quốc.

Tuy nhiên, đối với từng quốc gia, có thể nhận thấy sự khác biệt như sau:

- Các nước không chia sẻ cùng một quan điểm về mối quan hệ giữa hành động giảm nhẹ KNK trong nước không được hỗ trợ

và NAMA. Đối với Ấn Độ, nếu một hành động không nhận được hỗ trợ, nó không phải là một NAMA, và do đó không cần MRV ở cấp độ quốc tế. Đối với Nam Phi, ngược lại, đề nghị đăng ký NAMA đơn phương, và yêu cầu thực hiện các thủ tục quốc tế về MRV.

- Trong khi Brazil và Trung Quốc phản đối quan điểm tín chỉ của NAMA, thì Ấn Độ và Nam Phi đã giữ im lặng về vấn đề này.
- Các quốc gia có quan điểm khác nhau về vai trò của Bản đăng ký. Trong khi Nam Phi nhấn mạnh vai trò quan trọng của Bản đăng ký bao gồm cả việc thực hiện MRV, cũng như việc kết hợp giữa hành động và hỗ trợ, Trung Quốc lại xem Bản đăng ký như một công cụ báo cáo.
- Có những ý kiến khác nhau về mức độ thực hiện MRV. Mặc dù tất cả các quốc gia đều cho rằng MRV là khác nhau tùy theo loại hành động giảm nhẹ. Tuy nhiên, Ấn Độ không coi hành động đơn phương đủ điều kiện để xem như là một NAMA, có nghĩa là không cần thiết phải thực hiện MRV quốc tế cho các hành động như vậy. Nam Phi lại cho rằng đối với các hành động đơn phương, vẫn cần thực hiện MRV quốc tế.

Có thể giải thích cho các quan điểm tương đồng và khác biệt giữa các quốc gia. Các điểm tương đồng có thể được giải thích bởi bốn quốc gia thành viên của Nhóm G-77 và Trung Quốc, và sự cần thiết có tiếng nói chung về vấn đề này. Hơn nữa, các quốc gia này cũng có chung một số đặc điểm cơ bản: là các nước lớn, với dân số lớn, và chiếm phần lớn lượng phát thải KNK của thế giới. Do tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, lượng phát thải cũng gia tăng nhanh chóng.

Tuy nhiên, cũng có sự khác biệt giữa các quốc gia. So với các quốc gia khác, sử dụng năng lượng của Brazil là sạch hơn do ít phụ thuộc vào than đá. Điều này có nghĩa là NAMA trong lĩnh vực năng lượng là ít quan trọng hơn đối với Brazil. Ngược lại, REDD+

là một vấn đề rất quan trọng đối với Brazil, trong khi điều này đóng một vai trò nhỏ hơn ở các nước khác. Trong tất cả bốn quốc gia, Ấn Độ là nước nghèo nhất, và cũng có lượng phát thải bình quân đầu người thấp hơn so với các nước khác. Nam Phi có các đặc điểm của một nước phát triển (ví dụ như phát thải bình quân đầu người cao) nhưng đồng thời có một khoảng cách rất lớn giữa người giàu và người nghèo.

Mặc dù tất cả các quốc gia này đều phản đối việc bao gồm các mục tiêu giảm phát thải cho các nước đang phát triển trong các cuộc đàm phán. Tuy nhiên không loại trừ khả năng rằng một số loại mục tiêu có thể được xem xét như là NAMA. Mặt khác, tất cả các quốc gia đều đã chấp nhận một số mục tiêu ở cấp độ quốc gia, thậm chí Brazil sẵn sàng thảo luận về đường phát thải ở cấp độ quốc tế. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, việc áp dụng mục tiêu sẽ là điều kiện để chấp nhận các ràng buộc pháp lý đối với các quốc gia thuộc Phụ lục I, bao gồm cả Hoa Kỳ.

B.4. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một số các bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng NAMA có thể được tóm tắt như sau (Ecofys, ECN, CCAP):

- Quyết tâm chính trị và sự lãnh đạo của Nhà nước là yếu tố quan trọng trong quá trình xây dựng và đề xuất NAMA - cả đối với việc đặt ra những ưu tiên quốc gia cũng như gia tăng cơ hội thực hiện NAMA;
- Sự hợp tác giữa các Bộ, ngành liên quan cũng đóng vai trò quan trọng đối với việc thực hiện NAMA - vì thế việc xây dựng một hệ thống thể chế với sự tham gia của nhiều cơ quan liên quan cho thực hiện NAMA là quan trọng. Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các bên cũng làm giảm chồng chéo và mâu thuẫn giữa các Bộ, ngành, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và thực hiện NAMA;
- Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và thực hiện NAMA là yếu tố quan trọng - giúp các bên có hiểu biết

về những rào cản trong thực hiện NAMA và các tác động tiêu cực tiềm tàng của NAMA đến phát triển kinh tế - xã hội. Sự tham gia của nhiều cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và thực hiện NAMA cũng góp phần làm nâng cao nhận thức về NAMA;

- Hải hòa giữa các vấn đề kỹ thuật và chính trị khi xây dựng NAMA đòi hỏi sự mềm dẻo trong quá trình xây dựng NAMA: Việc xây dựng NAMA tại cấp quốc gia sẽ dựa nhiều vào các tính toán kỹ thuật, nhưng nhiều lựa chọn và đánh đổi giữa các lựa chọn phần lớn phụ thuộc vào các nhà ra quyết định vì còn phải dựa trên các vấn đề khác như mức độ khả thi và tiềm năng tài chính;
- Việc xây dựng NAMA đòi hỏi nhiều số liệu và thời gian cho tăng cường năng lực nhằm đảm bảo việc đưa ra quyết định được chính xác. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là phải chờ cho đến khi có đầy đủ điều kiện mà cần phải “vừa làm vừa học”.

Bảng PLB.2. Tổng quan các quan điểm về NAMA của một số nước đang phát triển

Vấn đề	Brazil	Trung Quốc	Ấn Độ	Nam Phi
Bối cảnh	Tự nguyện	Tự nguyện	- Tự nguyện - Thỏa thuận giữa các nước phát triển và đang phát triển	Tự nguyện
Tầm nhìn	- Phạm vi các hành động rộng; - Nhân mạnh hoạt động REDD - Không có NAMA đơn phương	- Phạm vi hành động rộng; - Không có QELROs	- Phạm vi hành động rộng; - Không có QELROs - Không có NAMA đơn phương	- Phạm vi hành động rộng; - Có thể bao gồm NAMA đơn phương
Liên kết với quốc gia hỗ trợ tài chính	- Đăng ký NAMA; - Đăng ký lợi ích giảm nhẹ dự kiến - Không có tín chỉ	- Không có tín chỉ - LCD không phải là điều kiện để được hỗ trợ - Sử dụng bản đăng ký để thực hiện báo cáo	- Đăng ký NAMA - Đăng ký lợi ích giảm nhẹ dự kiến - Cơ chế tài chính và công nghệ phù hợp	- Đăng ký NAMA - Đăng ký lợi ích giảm nhẹ dự kiến, lợi ích phát triển bền vững - Thành lập Ban kỹ thuật để đánh giá các hành động - Cơ chế tài chính và công nghệ phù hợp
MRV	- Các thủ tục Quốc gia để định lượng và báo cáo - Các thủ tục quốc tế để thẩm định	- Thực hiện ở cấp quốc gia, theo hướng dẫn quốc tế - Đối với NAMA được hỗ trợ, báo cáo thông qua cơ chế tài chính và công nghệ - Đối với các NAMA đơn phương báo cáo thông qua Thông báo quốc gia	- Không cần thực hiện MRV cho NAMA đơn phương - Sử dụng hợp đồng giữa nước phát triển và đang phát triển	- Giám sát: thực hiện kiểm kê KNK hai năm một lần; - Báo cáo: thông qua đăng ký (thực hiện hàng năm cho các NAMA được hỗ trợ) và Thông báo quốc gia (đối với các NAMA đơn phương) - Thẩm định: trong nước (đối với các NAMA đơn phương) và quốc tế (đối với các NAMA được hỗ trợ), theo hướng dẫn quốc tế

PHỤ LỤC C. HIỆN TRẠNG NGHIÊN CỨU VÀ THỰC HIỆN NAMA Ở VIỆT NAM

C.1. CÁC DỰ ÁN CHUẨN BỊ CHO NAMA ĐANG ĐƯỢC TRIỂN KHAI Ở VIỆT NAM

Hiện tại, Việt Nam đang thực hiện một số dự án chủ yếu liên quan đến tăng cường năng lực cho các bên liên quan trong việc chuẩn bị, xây dựng và thực hiện NAMA như sau:

- Dự án “Chương trình thí điểm hỗ trợ nhân rộng các hoạt động giảm nhẹ trong lĩnh vực xi-măng của Việt Nam” với sự tài trợ của Sáng kiến Hợp tác các nước Bắc Âu. Mục tiêu chung của Chương trình thí điểm là nhằm tăng cường năng lực của Việt Nam trong việc chuẩn bị, đề xuất và thực hiện NAMA trong lĩnh vực xi-măng nhằm mục tiêu thu hút hỗ trợ tài chính quốc tế thông qua thị trường các-bon và các cơ chế hỗ trợ khác, và thông qua đó có thể nhân rộng các hoạt động giảm nhẹ. Trong dự án này, phía các nước Bắc Âu sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho các Bộ/ngành chính của Việt Nam như Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE), Bộ Công Thương (MOIT) và Bộ Xây dựng (MOC) nhằm chuẩn bị sẵn sàng về mặt năng lực từ đó có thể nhận thêm nguồn tài chính quốc tế cho ứng phó BĐKH và/hoặc từ thị trường các-bon để nhân rộng các hoạt động giảm nhẹ trong lĩnh vực xi-măng;
- Dự án “Hợp tác nghiên cứu và tăng cường năng lực giữa Việt Nam và Nhật Bản cho NAMA trong lĩnh vực chất thải theo hướng MRV” tài trợ bởi Bộ Môi trường Nhật Bản, thực hiện trong giai đoạn 2012-2013. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường (Viện KTTVMT) là cơ quan điều phối và thực hiện chính với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Trung tâm Hợp tác Môi trường Quốc tế (Nhật Bản). Bên cạnh đó, ba cơ quan khác của

Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng tham gia vào việc thực hiện dự án là: Vụ Hợp tác Quốc tế, Cục Khí tượng Thủy văn và BĐKH và Tổng cục Môi trường. Tám hoạt động chính của dự án bao gồm: (i) Xác định kịch bản đường cơ sở và NAMA cho lĩnh vực chất thải; (ii) Dự thảo Hướng dẫn lựa chọn NAMA trong lĩnh vực chất thải; (iii) Dự thảo Hướng dẫn MRV cho NAMA trong lĩnh vực chất thải; (iv) Dự thảo đề xuất mô hình sắp xếp thể chế cho việc thực hiện NAMA trong lĩnh vực chất thải tại Việt Nam; (v) Thu thập thông tin các công nghệ có thể áp dụng cho lĩnh vực chất thải; (vi) Tổ chức hội thảo tham vấn và giới thiệu công nghệ; (vii) Tham gia thuyết trình tại hoạt động bên lề ở COP18; và (viii) Tham gia khóa đào tạo về NAMA tại Nhật Bản.

- Dự án “Xây dựng cơ sở, phương pháp luận, đánh giá, rà soát, bổ sung các thể chế, chính sách phục vụ việc xây dựng và thực hiện NAMA” trong giai đoạn 2012-2013 do Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu - Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện. Mục tiêu chung của dự án nhằm xây dựng cơ sở, phương pháp luận, đánh giá, rà soát, bổ sung các thể chế, chính sách phục vụ việc xây dựng và thực hiện NAMA. Các sản phẩm chính của dự án bao gồm: (i) Báo cáo về cơ sở, phương pháp luận xây dựng thể chế, chính sách cho việc thực hiện NAMA; (ii) Bản đề xuất bổ sung các thể chế, chính sách cho việc thực hiện NAMA; (iii) Báo cáo định hướng lồng ghép NAMA vào các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam; và (iv) Bản dự thảo Khung thực hiện NAMA.

Liên Hợp Quốc cũng đã có một số hoạt động hỗ trợ Việt Nam thực hiện NAMA như sau:

- UNDP đã hỗ trợ Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng Chiến lược tăng trưởng xanh (CLTTX), bao gồm phân tích phát thải (đường cơ bản và xu hướng trong tương lai), và đang hỗ trợ việc thực hiện CLTTX. Công việc bao gồm hỗ trợ cho đánh

giá chi tiêu/đầu tư khí hậu, trang web về các lựa chọn tài trợ cho BDKH cho Việt Nam (cùng với Bộ Tài nguyên và Môi trường), tiếp tục phân tích các lựa chọn chi phí hiệu quả về giảm nhẹ KNK. UNDP cũng nghiên cứu các chính sách về các vấn đề tài chính cho nhiên liệu hóa thạch và cải cách tài chính để các hoạt động giảm nhẹ KNK khả thi hơn;

- UNDP có một dự án tại 25 quốc gia về xây dựng năng lực phát thải thấp (LECD), xây dựng một hướng dẫn cho các dự án hoặc các chương trình NAMA có liên quan (tháng 3 năm 2013). Dự án này đóng góp 730.000 USD cho một dự án ở Bộ Công thương để xây dựng NAMA trong ngành thép và phân bón. Dữ liệu, nhu cầu xây dựng năng lực, các bên liên quan và các quá trình về NAMA sẽ được phân tích và thiết lập một kế hoạch hoạt động cho Bộ Công Thương trong việc xây dựng năng lực, dự án này bắt đầu vào năm 2013;
- FAO đã bắt đầu một dự án về khí hậu nông nghiệp thông minh hướng tới chuẩn bị cho xây dựng NAMA. Dự án sẽ hỗ trợ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất đầu tư. Dự án tập trung vào các khu vực miền núi phía Bắc và xét tới các lợi ích đi kèm theo các hoạt động giảm nhẹ. Đánh giá khả năng giảm nhẹ sẽ được dựa trên Thông báo Quốc gia của Việt Nam và được thực hiện bởi các viện nghiên cứu quốc gia và quốc tế. FAO cũng hy vọng sẽ hiện thực hóa khí sinh học thay thế khí đốt và phân bón ở vùng đất thấp có khả năng lớn trong giảm nhẹ KNK;
- UNIDO đang tập trung vào "phát triển công nghiệp xanh cho một nền kinh tế ít các-bon" với trọng tâm là hiệu quả năng lượng, sản xuất sạch hơn, quản lý môi trường, các quy định và tiêu chuẩn. UNIDO hỗ trợ chuẩn bị NAMA và sẽ hỗ trợ Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường và tỉnh Quảng Nam để thực hiện các kế hoạch ứng phó

với BDKH. Chương trình làm việc và kế hoạch của UNIDO bao gồm: Chính sách phát triển Công nghiệp xanh; phát triển thành phố sinh thái nhằm tăng cường du lịch bền vững ở Quảng Nam; khu công nghiệp xanh (dự án của GEF với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng như Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Công thương); hiệu quả nôi hơi năng lượng công nghiệp (Bộ Công thương); sử dụng năng lượng hiệu quả và giảm phát thải ODS trong ngành điện lạnh (với Bộ Tài nguyên và Môi trường); Sản xuất và Thương mại xanh cho ngành thủ công mỹ nghệ.

- UNEP (Risoe Centre, Danida) đang triển khai thực hiện dự án FIRM ở một số nước trong đó có Việt Nam (Tạo điều kiện thuận lợi cho việc sẵn sàng chuẩn bị và thực hiện các hoạt động giảm nhẹ), hỗ trợ cho các hành động giảm nhẹ phù hợp ở cấp quốc gia. Dự án này giúp đánh giá nhu cầu công nghệ, tập trung vào việc khắc phục các rào cản phi tài chính gây cản trở thực hiện NAMA.
- UNEP (Frankfurt School) đã và đang phân tích các cơ cấu tài chính khí hậu.
- Chương trình hiệu quả năng lượng do Bộ Công thương thực hiện với sự tài trợ của Chính phủ Đan Mạch. Giai đoạn một của chương trình từ 2006 - 2010 tập trung vào việc tăng cường năng lực, hỗ trợ xây dựng khung pháp lý, xây dựng hệ thống chứng nhận quốc gia và đào tạo về quản lý và kiểm tra về năng lượng. Giai đoạn hai từ (2011–2015) chú trọng đến việc áp dụng và thực thi các giải pháp hiệu quả năng lượng. Chương trình này có thể được xem là một hỗ trợ quốc tế đối với Việt Nam trong chuyển đổi theo hướng các-bon thấp.

C.2. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NAMA Ở VIỆT NAM

Có thể phân loại thành bốn loại NAMA chính bao gồm: (i) Mục tiêu giảm phát thải KNK; (ii) Chiến lược; (iii) Chính sách và chương trình; và (iv) Dự án. Theo đánh giá sơ bộ, Việt Nam có

tiềm năng để xây dựng các đề xuất NAMA cho cả bốn loại NAMA nêu trên.

C.2.1. Mục tiêu giảm nhẹ KNK

Mục tiêu giảm nhẹ KNK trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn được thể hiện trong đề án của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cụ thể là đến năm 2020 giảm phát thải 20% lượng KNK trong nông nghiệp, nông thôn (18,87 triệu tấn CO₂e), đồng thời vẫn đảm bảo mục tiêu phát triển ngành. Các hoạt động chính nhằm giảm phát thải KNK thuộc ngành nông nghiệp tập trung vào các lĩnh vực trồng trọt (giảm 5,72 triệu tấn), chăn nuôi (6,3 triệu tấn), thủy sản (3 triệu tấn), thủy lợi (0,17 triệu tấn), nông thôn và ngành nghề nông thôn (4,78 triệu tấn).

Đề án “Quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các bon ra thị trường thế giới” do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã xác định mục tiêu giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ KNK đến năm 2020, bao gồm: giảm 8% phát thải KNK so với năm 2005 trong lĩnh vực năng lượng và giao thông vận tải; giảm 20% trong lĩnh vực nông nghiệp; tăng 20% khả năng hấp thụ KNK so với năm 2005 trong lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất, lâm nghiệp; và giảm 5% trong lĩnh vực chất thải.

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của Việt Nam đã xác định giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo theo những chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Giai đoạn 2011 - 2020: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính 8 - 10% so với năm 2010, giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP 1 - 1,5% mỗi năm. Giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 10% đến 20% so với phương án phát triển bình thường. Trong đó mức tự nguyện khoảng 10%, 10% còn lại mức phân đầu khi có thêm hỗ trợ quốc tế.

- Định hướng đến năm 2030: Giảm mức phát thải khí nhà kính mỗi năm ít nhất 1,5 - 2%, giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 20% đến 30% so với phương án phát triển bình thường. Trong đó mức tự nguyện khoảng 20%, 10% còn lại là mức khi có thêm hỗ trợ quốc tế.

- Định hướng đến năm 2050: Giảm mức phát thải khí nhà kính mỗi năm 1,5 - 2%.

C.2.2. Các chiến lược liên quan đến giảm nhẹ BĐKH

Năm 2003, Thủ tướng chính phủ Việt Nam phê duyệt “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020”, trong đó tập trung vào việc đẩy mạnh áp dụng công nghệ sạch, dây chuyền sản xuất sạch hơn, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu ít gây ô nhiễm và thân thiện với môi trường.

Ngày 5 tháng 12 năm 2011 Thủ tướng chính phủ Việt Nam đã phê duyệt “Chiến lược quốc gia về BĐKH” bao gồm 6 quan điểm chiến lược và 10 nhiệm vụ chiến lược. Quan điểm xuyên suốt của chiến lược là: có tầm nhìn xuyên thế kỷ, là nền tảng cho các chiến lược khác; coi ứng phó với BĐKH là trách nhiệm của toàn hệ thống; phát huy vai trò chủ đạo trong quản lý, điều hành của Nhà nước, nâng cao tính năng động, sáng tạo và trách nhiệm của doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể xã hội và cộng đồng dân cư; tận dụng hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế; ứng phó với BĐKH của Việt Nam phải gắn liền với phát triển bền vững, tận dụng các cơ hội để đổi mới tư duy phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và sức mạnh quốc gia.

Ngày 25 tháng 9 năm 2012 Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 1393/QĐ-TTg về phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh (CLTTX). Đây sẽ là cơ sở quan trọng để hình thành một nền kinh tế thân thiện với môi trường. Theo Chiến lược tăng trưởng xanh, các ngành sản xuất sẽ được rà soát, điều chỉnh quy hoạch, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, khuyến

khích phát triển công nghiệp và nông nghiệp xanh với cơ cấu, công nghệ thân thiện với môi trường, tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm.

Ngày 5 tháng 10 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1474/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về BĐKH giai đoạn 2012-2020. Kế hoạch xác định mục tiêu, nhiệm vụ từ nay đến 2020 gồm: Tăng cường năng lực giám sát khí hậu, cảnh báo sớm thiên tai; Bảo đảm an ninh lương thực, an ninh về nước; Chủ động ứng phó với thiên tai; Chống ngập cho các thành phố lớn; Củng cố đê sông, đê biển và an toàn hồ chứa; Giảm nhẹ phát thải KNK, phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp. Bên cạnh đó, tăng cường năng lực quản lý, hoàn thiện cơ chế chính sách về BĐKH; Huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, các tổ chức khoa học, chính trị - xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức phi chính phủ trong ứng phó với BĐKH; thí điểm mô hình cộng đồng thích ứng với BĐKH; Nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực; Phát triển khoa học và công nghệ làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách, đánh giá tác động, xác định các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ BĐKH; Hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trong các hoạt động quốc tế về BĐKH; Huy động các nguồn lực và tài chính ứng phó với BĐKH. Trong giai đoạn từ 2012 – 2015, Kế hoạch hành động Quốc gia về BĐKH sẽ ưu tiên 10 chương trình, đề án trọng tâm về các vấn đề: BĐKH, công nghệ dự báo và mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn; quản lý các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK; dự án chống ngập úng tại một số thành phố lớn; cải tạo hệ thống đê biển; mô hình cộng đồng ứng phó với BĐKH.

Ngày 21 tháng 11 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 1775/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các bon ra thị trường thế giới. Mục tiêu của đề án là: Quản lý phát thải KNK nhằm thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về

BĐKH và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, đồng thời tận dụng các cơ hội để phát triển nền kinh tế các bon thấp, tăng trưởng xanh và cùng cộng đồng quốc tế trong nỗ lực giảm nhẹ phát thải KNK, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Bên cạnh đó, đề án cũng nêu rõ mục tiêu về quản lý, giám sát hiệu quả các hoạt động mua bán, chuyển giao tín chỉ các bon được tạo ra từ các cơ chế trong và ngoài khuôn khổ Nghị định thư Kyoto ra thị trường thế giới.

C.2.3. Các chính sách và chương trình liên quan đến giảm nhẹ KNK

1) Các văn bản luật có liên quan

Một số luật của Việt Nam về bảo vệ môi trường do Quốc hội thông qua, có những điều khoản, nội dung liên quan trực tiếp đến giảm nhẹ phát thải KNK như:

- Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 (thay thế Luật bảo vệ môi trường năm 1993);
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2013 (thay thế Luật số 08/1998/QH10);
- Luật Dầu khí 10/2008/QH12 ngày 06 tháng 7 năm 1993 (được sửa đổi, bổ sung ngày 09 tháng 6 năm 2000 và ngày 03 tháng 6 năm 2008);
- Luật Khoáng sản số 2/1996/QH9 ngày 01 tháng 9 năm 1996 (được sửa đổi, bổ sung ngày 27 tháng 6 năm 2005);
- Luật Bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004 (thay thế Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991);
- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004;
- Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 28 tháng 6 năm 2010.

2) Chương trình

Năm 2006, Chính phủ ban hành “Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2006 - 2015”. Chương trình này bao gồm các hoạt động tuyên truyền, khuyến khích, thúc đẩy nghiên cứu khoa học công nghệ và xây dựng các biện pháp quản lý bắt buộc nhằm thực hiện đồng bộ các hoạt động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong toàn xã hội. Mục tiêu của chương trình là tiết kiệm từ 3-5% tổng mức tiêu thụ năng lượng trong toàn quốc gia giai đoạn 2006-2010 và từ 5-8% tổng mức tiêu thụ năng lượng trong giai đoạn 2011-2015.

Năm 2008, Chính phủ ban hành “Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH”. Mục tiêu chính của Chương trình là nhằm xây dựng kế hoạch hành động có tính khả thi để ứng phó hiệu quả với BĐKH, đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước, tận dụng các cơ hội phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp. Việc xây dựng và thực hiện các phương án giảm nhẹ phát thải KNK, trong đó có các dự án dạng CDM, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH đề ra 9 nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong giai đoạn từ 2009 đến sau 2015. Trong đó giai đoạn 2011-2015 có nhiệm vụ xây dựng và thực hiện các phương án giảm nhẹ phát thải KNK. Giai đoạn sau 2015 tiếp tục mở rộng các hoạt động ứng phó với BĐKH trên cơ sở những kết quả và kinh nghiệm của giai đoạn trước.

Ngày 30 tháng 8 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH, giai đoạn 2012 – 2015”. Mục tiêu chung của giai đoạn này là từng bước hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về BĐKH, tăng cường nhận thức và năng lực thích ứng với BĐKH, định hướng giảm phát thải KNK; xây dựng nền kinh tế các-bon thấp, tích cực cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

C.2.4. Tiềm năng xây dựng dự án NAMA

1) Kiểm kê KNK năm 2000

Kiểm kê KNK năm 2000 được thực hiện theo Hướng dẫn của Ban liên Chính phủ về BĐKH (IPCC) cho các lĩnh vực năng lượng, các quá trình công nghiệp, nông nghiệp, sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF), chất thải đối với các KNK chủ yếu là CO₂, CH₄ và N₂O. Tổng lượng KNK phát thải năm 2000 là 150,9 triệu tấn CO₂ tương đương, trong đó phát thải từ nông nghiệp là 65,1 triệu tấn CO₂ tương đương, từ năng lượng là 52,8 triệu tấn CO₂ tương đương, từ LULUCF là 15,1 triệu tấn CO₂ tương đương, từ các quá trình công nghiệp là 10,0 triệu tấn CO₂ tương đương và từ chất thải là 7,9 triệu tấn CO₂ tương đương.

Bảng PLC.1. Kết quả kiểm kê KNK quốc gia năm 2000 theo ngành

Đơn vị: nghìn tấn

Lĩnh vực	CO ₂	CH ₄	N ₂ O	CO ₂ tương đương	Tỷ lệ (%)
Năng lượng	45.900,00	308,56	1,27	52.773,46	35,0
Các quá trình công nghiệp	10.005,72	0,00	0,00	10.005,72	6,6
Nông nghiệp	0,00	2.383,75	48,49	65.090,65	43,1
LULUCF	11.860,19	140,33	0,96	15.104,72	10,0
Chất thải	0,00	331,48	3,11	7.925,18	5,3
Tổng cộng	67.765,91	3.164,12	53,83	150.899,73	100,0

Nguồn: Thông báo quốc gia lần thứ hai của Việt Nam cho UNFCCC (2010)

Dự tính phát thải KNK của ba lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp và LULUCF vào năm 2010 là 169,2 triệu tấn CO₂ tương đương, vào năm 2020 là 300,4 triệu tấn CO₂ tương đương và vào năm 2030 là 515,8 triệu tấn CO₂ tương đương. Lĩnh vực năng lượng được dự báo sẽ là nguồn phát thải KNK lớn nhất, chiếm 91,3% tổng lượng phát thải năm 2030.

2) Các phương án giảm nhẹ phát thải KNK

Theo Thông báo quốc gia lần thứ hai của Việt Nam cho UNFCCC, các phương án giảm nhẹ KNK được tập trung xây dựng cho ba lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp và LULUCF.

Mô hình LEAP đã được sử dụng cho lĩnh vực năng lượng và mô hình COMAP được ứng dụng cho lĩnh vực LULUCF. Trong nông nghiệp, các phương án giảm nhẹ phát thải KNK được đánh giá bằng phương pháp xác suất thống kê và theo hướng dẫn về đánh giá giảm nhẹ phát thải KNK của J.Sathaye. Tổng số các phương án giảm nhẹ cho cả 3 lĩnh vực là 28 phương án, trong đó 15 phương án cho lĩnh vực năng lượng (kể cả giao thông và vận tải), 5 phương án cho lĩnh vực nông nghiệp và 8 phương án cho lĩnh vực LULUCF.

Tổng tiềm năng giảm nhẹ KNK của 28 phương án thuộc ba lĩnh vực nêu trên là 3.270,7 triệu tấn CO₂ tương đương, trong đó, lĩnh vực năng lượng là 192,2 triệu tấn, nông nghiệp khoảng 56,5 triệu tấn và LULUCF là 3.022 triệu tấn. Độ không chắc chắn về tiềm năng giảm phát thải được sắp xếp theo thứ tự tăng dần trong ba lĩnh vực là năng lượng, nông nghiệp và LULUCF. Chi phí giảm nhẹ phát thải KNK, tăng cường bể hấp thụ KNK rất khác nhau, trong năng lượng từ -24,9USD/tCO₂ đến 23,8 USD/tCO₂, trong nông nghiệp từ -10,9 USD/tCO₂ đến 9,7 USD/tCO₂, và trong LULUCF từ 0,4 USD/tCO₂ đến 1,4 USD/tCO₂.

Bảng PLC.2. Ví dụ về tiềm năng NAMA của Việt Nam

Loại NAMA	Ví dụ về một số hoạt động có tiềm năng xây dựng thành NAMA của Việt Nam
1. Mục tiêu giảm nhẹ KNK	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt mục tiêu cho đến năm 2020 sẽ giảm 20% lượng phát thải KNK trên mỗi sản phẩm nông nghiệp, giảm 20% tỷ lệ đói nghèo và tăng 20% năng suất trong nông nghiệp; ▪ Quyết định số 1775/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các bon ra thị trường thế giới”, trong đó nêu rõ nội dung thực hiện mục tiêu giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ KNK đến năm 2020, bao gồm: giảm 8% phát thải KNK so với năm 2005 trong lĩnh vực năng lượng và giao thông vận tải; giảm 20% trong lĩnh vực nông nghiệp; tăng 20% khả năng hấp thụ KNK so với năm 2005 trong lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất, lâm nghiệp; và giảm 5% trong lĩnh vực chất thải.
2. Chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh; ▪ Chiến lược quốc gia về ứng phó với BĐKH (trong đó có nội dung về giảm nhẹ);
3. Chính sách và chương trình	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Lâm nghiệp: Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 799/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về “Giảm phát thải KNK thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng giai đoạn 2011 - 2020” (Chương trình REDD+). ▪ Một số chính sách trong lĩnh vực năng lượng được nêu cụ thể hơn tại Bảng PLC.3.
4. Dự án	<p>Theo Thông báo quốc gia lần thứ hai của Việt Nam cho UNFCCC (2010), ba lĩnh vực chính có tiềm năng giảm nhẹ tại Việt Nam là năng lượng, nông nghiệp và LULUCF. 28 biện pháp giảm nhẹ đã được xây dựng và đánh giá, trong đó 15 biện pháp từ lĩnh vực năng lượng (bao gồm cả giao thông), 5 biện pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và 8 biện pháp cho lĩnh vực LULUCF. Tổng tiềm năng giảm nhẹ cho 28 biện pháp là 3270,7 triệu tấn CO₂ tương đương, trong đó 192,2 triệu tấn CO₂ tương đương từ lĩnh vực năng lượng, 56,5 triệu tấn CO₂ tương đương từ nông nghiệp và 3022 triệu tấn CO₂ tương đương từ LULUCF. Có thể tham khảo ví dụ về chi phí và tiềm năng giảm nhẹ trong lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp và LULUCF trong Bảng PLC.4, Bảng PLC.5 và Bảng PLC.6. Các bên liên quan có thể tham khảo 28 phương án này để xác định các lựa chọn NAMA tại cấp dự án cho Việt Nam.</p>

Bảng PLC.3. Chiến lược, chương trình và kế hoạch
phát triển năng lượng đồng thuận với mục tiêu giảm nhẹ KNK

Năm	Bảo tồn và sử dụng năng lượng hiệu quả		Năng lượng tái tạo	
	Những chính sách trực tiếp liên quan	Những chính sách gián tiếp liên quan	Những chính sách trực tiếp liên quan	Những chính sách gián tiếp liên quan
2001			Kế hoạch hành động về Năng lượng tái tạo của Bộ Công Thương với hỗ trợ từ Ngân hàng thế giới và EVN	
2003	Nghị định 102/2003/NĐ-CP về Bảo tồn và sử dụng năng lượng hiệu quả			
2004	Thông tư 01/2004/TT/BCN hướng dẫn việc thực hiện bảo tồn năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp			

Năm	Bảo tồn và sử dụng năng lượng hiệu quả		Năng lượng tái tạo	
	Những chính sách trực tiếp liên quan	Những chính sách gián tiếp liên quan	Những chính sách trực tiếp liên quan	Những chính sách gián tiếp liên quan
2005		Trong ‘Luật điện năng’ có mục nêu về hiệu quả năng lượng trong quá trình phát điện, chuyển, phân phối và sử dụng		Luật điện năng với tuyên bố: (i) Bộ Tài Chính cần tạo ra khuyến khích đầu tư và thuê ưu đãi nhằm khuyến khích sự phát triển các nguồn năng lượng mới và tái tạo và (ii) khuyến khích các cá nhân và tổ chức sử dụng năng lượng tái tạo khi cung cấp điện cho vùng nông thôn và vùng núi (IRG, 2007)
		Quyết định số 40/2005/QĐ-BXD ngày 17/11/2005 về việc ban hành "Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Các công trình xây dựng sử		

Năm	Bảo tồn và sử dụng năng lượng hiệu quả		Năng lượng tái tạo	
	Những chính sách trực tiếp liên quan	Những chính sách gián tiếp liên quan	Những chính sách trực tiếp liên quan	Những chính sách gián tiếp liên quan
		dụng năng lượng có hiệu quả"		
2006	<p>Quyết định 79/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Tiết kiệm và Sử dụng năng lượng hiệu quả, giai đoạn 2006-2015</p> <p>Thông tư số 08/2006/TT/BCN về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục dán nhãn tiết kiệm năng lượng đối với các sản phẩm sử dụng năng lượng</p>	<p>Quyết định số 80/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tiết kiệm điện giai đoạn 2006- 2010</p>	<p>Quyết định 177/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025”</p>	

Năm	Bảo tồn và sử dụng năng lượng hiệu quả		Năng lượng tái tạo	
	Những chính sách trực tiếp liên quan	Những chính sách gián tiếp liên quan	Những chính sách trực tiếp liên quan	Những chính sách gián tiếp liên quan
2007			Quyết định số 114/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch tổng thể thực hiện Chiến lược ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hoà bình đến năm 2020”	Quyết định 1855/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050” với một số nội dung yêu cầu khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo
2010	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (số 50/2010/QH12)			
2011		Quyết định 1208/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia		Quyết định 1208/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Năm	Bảo tồn và sử dụng năng lượng hiệu quả		Năng lượng tái tạo	
	Những chính sách trực tiếp liên quan	Những chính sách gián tiếp liên quan	Những chính sách trực tiếp liên quan	Những chính sách gián tiếp liên quan
		giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030” với một số nội dung yêu cầu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả		giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030” với một số nội dung yêu cầu khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo

Bảng PLC.4. Tiềm năng và chi phí giảm nhẹ KNK
trong lĩnh vực năng lượng

Lựa chọn	Tiềm năng giảm nhẹ (triệu CO ₂)	Chi phí gia tăng (triệu USD)	Chi phí giảm nhẹ (USD/tCO ₂)
E1. Bếp than cải tiến	25,3	-81,8	-17,4
E2. Chuyển đổi sử dụng khí hóa lỏng (LPG) thay thế than cho đun nấu hộ gia đình	22,0	97,5	23,8
E3. Tủ lạnh hiệu suất cao	7,3	16,5	12,3
E4. Đèn compact tiết kiệm điện	23,4	-35,6	-8,2
E5. Điều hòa nhiệt độ hiệu suất cao	9,9	-8,1	-4,4
E6. Thiết bị đun nước nóng mặt trời	13,9	-16,0	-6,2
E7. Động cơ điện hiệu suất cao	15,5	-71,5	-24,9
E8. Lò gạch cải tiến	14,2	-134	-5,1
E9. Chuyển đổi sử dụng CNG thay thế dầu DO trong giao thông vận tải	2,1	-3,6	-14,1
E10. Chuyển đổi sử dụng LPG cho xe taxi	3,3	-4,5	-11,0
E11. Đèn Sodium cao áp trong chiếu sáng công cộng	2,9	-12,0	-22,8
E12. Chuyển đổi nhiệt điện than sang khí tự nhiên	16,0	48,5	15,1
E13. Thủy điện nhỏ thay thế nhiệt điện than	15,3	-21,1	-7,2
E14. Điện gió thay thế nhiệt điện than	14,2	28,4	16,2
E15. Nhiệt điện trấu thay thế nhiệt điện than	6,9	5,7	6,6
Tổng	192,2		

Nguồn: Thông báo quốc gia lần thứ hai của Việt Nam cho UNFCCC, 2010

Bảng PLC.5. Tiềm năng và chi phí giảm nhẹ KNK trong lĩnh vực nông nghiệp

Lựa chọn	Lượng CH ₄ giảm quy ra CO ₂ tương đương (triệu tấn)	Chi phí gia tăng (triệu USD)	Chi phí giảm nhẹ (USD/tấn CO ₂)
A1. Khí sinh học thay thế than đun nấu vùng đồng bằng	17,4	0,122	4,1
A2. Khí sinh học thay thế củi đun nấu vùng miền núi	5,2	0,086	9,7
A3. Rút cạn nước ruộng lúa theo giai đoạn vùng đồng bằng Bắc Bộ	21,9	0,128	5,2
A4. Rút cạn nước ruộng lúa theo giai đoạn vùng duyên hải Nam Trung Bộ	4,1	0,032	7,0
A5. Cung cấp bánh dinh dưỡng MUB cho bò sữa	7,9	-0,196	-10,9
Tổng	56,5		

Nguồn: Thông báo quốc gia lần thứ hai của Việt Nam cho UNFCCC, 2010

Bảng PLC.6. Tiềm năng và chi phí giảm nhẹ KNK trong lĩnh vực LULUCF

Lựa chọn	Chu kỳ thời gian (năm)	Tiềm năng giảm phát thải (triệu tấn CO ₂)	Chi phí giảm phát thải (USD/tấn CO ₂)
F1. Bảo vệ và quản lý bền vững diện tích rừng sản xuất hiện có	40	904	1,36
F2. Bảo vệ rừng phòng hộ hiện có	40	1153	0,77
F3. Trồng rừng sản xuất gỗ lớn kết hợp với tái sinh tự nhiên	40	80	0,38
F4. Trồng rừng gỗ lớn chu kỳ dài	40	271	0,55
F5. Trồng rừng gỗ xẻ chu kỳ ngắn	15	296	0,81
F6. Trồng rừng gỗ giấy chu kỳ ngắn	15	176	1,38
F7. Trồng rừng chu kỳ dài có lâm sản phi gỗ	40	117	0,48
F8. Trồng rừng trám trên đất ngập phèn	15	25	0,59

Nguồn: Thông báo quốc gia lần thứ hai của Việt Nam cho UNFCCC, 2010

C.3. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG THỰC HIỆN NAMA Ở VIỆT NAM

C.3.1. Những cơ hội

Về bối cảnh quốc tế, tài trợ không hoàn lại của các nước cho các nước đang phát triển về giảm nhẹ phát thải KNK và chuyển giao công nghệ là rất hạn chế. Trong khi đó, tình hình đàm phán quốc tế yêu cầu các quốc gia (kể cả các quốc gia không thuộc Phụ lục I của UNFCCC) cũng cần có các cố gắng giảm nhẹ KNK. Kể từ COP13 tại Bali (Indonesia) cho tới nay, nhiều cơ chế tài chính/tài trợ quốc tế cho các hoạt động giảm nhẹ đã được hình thành, tạo ra các cơ hội cho các hoạt động giảm nhẹ KNK tại các nước đang phát triển.

Trong bối cảnh Việt Nam đã trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình, các nguồn tài trợ quốc tế cho phát triển nói chung đều hạn chế dần và thay đổi tính chất hợp tác sang phương thức hai bên cùng có lợi. Việc xây dựng và thực hiện NAMA mở ra các cơ hội để thúc đẩy hợp tác toàn cầu, đa phương, song phương, thông qua đó các nước đang phát triển như Việt Nam có thể tiếp cận các cơ chế mới đang hình thành để tiếp nhận hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển.

Hiện nay, mô hình phát triển thông thường của các nước đang phát triển là dựa trên khai thác tài nguyên thiên nhiên, tận dụng lao động giá rẻ, gây ô nhiễm môi trường dẫn đến phát triển thiếu bền vững. Vấn đề BĐKH nói chung và việc xây dựng và thực hiện NAMA theo hướng MRV nói riêng tạo cơ hội thay đổi tư duy phát triển, tìm ra mô hình và phương thức phát triển theo hướng phát thải các-bon thấp, bền vững.

Việc tăng cường các hoạt động hợp tác, hội nhập với các quốc gia, các tổ chức quốc tế trong quá trình thực hiện NAMA theo khuyến khích của UNFCCC và đàm phán quốc tế có liên quan sẽ

nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam trong khu vực cũng như trên thế giới.

Nhận thức rõ những tác động nghiêm trọng của BĐKH đến sự phát triển bền vững của đất nước, Chính phủ Việt Nam đã sớm tham gia và phê chuẩn Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH và Nghị định thư Kyoto, đồng thời chỉ đạo từng bước hoàn thiện các văn bản pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với BĐKH.

C.3.2. Những thách thức

Đối với tình hình trong nước, Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH, Chương trình Hỗ trợ ứng phó với BĐKH, Chiến lược quốc gia về BĐKH và Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với BĐKH đều đã đề ra các hành động chính sách và nhiệm vụ chiến lược về giảm nhẹ cho các Bộ, ngành, địa phương trên toàn quốc. Tuy nhiên có một thực tế là hiện nay sự hiểu biết về NAMA không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước phát triển nhìn chung là còn hạn chế và chưa có một định nghĩa chung về NAMA được chấp nhận rộng rãi cho tất cả các nước. Do đó các Bộ, ngành, địa phương còn nhiều khó khăn, lúng túng trong xây dựng các hoạt động giảm nhẹ, bao gồm về nhận thức, cơ cấu tổ chức, chính sách và năng lực, công nghệ trong xây dựng và thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phù hợp. Hơn nữa, công tác quản lý giảm nhẹ KNK còn thiếu kinh nghiệm và nhân lực. Ngoài ra, trong điều kiện hiện tại, cơ chế phối hợp giữa các Bộ ngành chưa thật sự nhuần nhuyễn, mới chủ yếu tập trung vào công tác ứng phó với BĐKH dẫn đến ít có sự quan tâm đến những biện pháp giảm nhẹ BĐKH trong các Bộ, ngành và địa phương. Do đó việc xây dựng và triển khai NAMA cần có những chính sách hỗ trợ nhằm tăng cường sự trao đổi chặt chẽ giữa các Bộ, ngành.

Nhận thức về BĐKH của cộng đồng còn hạn chế và phiến diện, mới chỉ quan tâm nhiều đến các tác động tiêu cực mà BĐKH

gây ra mà chưa quan tâm đúng mức tới việc chuyển đổi lối sống, mẫu hình sản xuất và tiêu thụ theo định hướng các-bon thấp, tăng trưởng xanh.

Với định hướng cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, các hoạt động sản xuất và tiêu thụ năng lượng sẽ tăng cường mạnh mẽ, đặc biệt là trong công nghiệp, giao thông vận tải, phát triển đô thị, làm tăng lượng phát thải KNK của Việt Nam. Điều này đi ngược lại xu thế chung của quốc tế đòi hỏi mỗi quốc gia, không phụ thuộc là nước phát triển hay mới đang phát triển, đều phải giảm nhẹ KNK nhằm góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất. Trong khi năng lượng tái tạo, năng lượng mới không sản sinh phát thải hoặc có mức phát thải KNK thấp như điện gió, điện mặt trời đòi hỏi đầu tư lớn và có giá thành cao.

Trên quy mô toàn cầu, đang dần hình thành các chính sách về giảm nhẹ KNK có thể tạo ra các rào cản mới trong thương mại. Nếu các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, không có lựa chọn phù hợp, hài hòa chính sách quốc gia với quốc tế thì không vượt qua được rào cản do chưa có đủ tiềm lực tài chính và công nghệ để sản xuất ra hàng hóa đủ điều kiện tham gia thị trường hàng hóa các-bon thấp.

C.4. MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH PoA CỦA VIỆT NAM

1. Chương trình các hoạt động phát triển gạch không nung của INTRACO

Chương trình các hoạt động phát triển gạch không nung quản lý bởi INTRACO, gọi tắt là PoA, hỗ trợ việc phát triển các cơ sở sản xuất gạch không nung tại Việt Nam. Các cơ sở này sản xuất gạch bằng công nghệ sạch nhằm tránh việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch truyền thống. Mỗi hoạt động chương trình CDM quy mô nhỏ (từ đây gọi là CPA) thuộc PoA sẽ bao gồm một hay nhiều nhà máy sản xuất gạch không nung trong phạm vi dự án CDM quy mô nhỏ (loại III).

a. Khung thực hiện và hoạt động PoA

Cơ quan quản lý của PoA là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tư vấn Thương mại và Đầu tư (gọi tắt là INTRACO hay CME). CME làm việc chặt chẽ với các nhà xây dựng các nhà máy sản xuất gạch không nung và các tổ chức khác hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng của Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các nhà máy gạch không nung mới và tích hợp các dự án xây dựng nhà máy gạch không nung đó vào trong PoA này. INTRACO đóng vai trò là cơ quan đầu mối với Ban điều hành CDM trong tất cả các khâu từ phê chuẩn, đăng ký, lồng ghép và thẩm định tín chỉ các-bon của CPA thuộc PoA.

b. Mục tiêu của PoA

Mục tiêu của PoA là nhằm xây dựng một diễn đàn để vượt qua các rào cản về mặt thể chế, tài chính và cấu trúc khi xây dựng các nhà máy sản xuất gạch không nung. Các CPA của PoA sẽ sản xuất gạch bằng cách sử dụng công nghệ gạch không nung nhằm đáp ứng nhu cầu nội địa. PoA này phù hợp với Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020) theo Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28 tháng 04 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định này đặt ra mục tiêu sản xuất gạch không nung và khuyến khích loại trừ các phương pháp sản xuất gạch nung. Tuy nhiên, các phương pháp này đều là tự nguyện và hiện tại việc áp dụng các công nghệ sản xuất gạch không nung vẫn còn chưa được phổ biến trên thị trường.

Vẫn chưa có một chính sách nào ở Việt Nam bắt buộc các doanh nghiệp sử dụng công nghệ sản xuất gạch không nung, cũng như vẫn chưa có chính sách nào cấm việc thành lập các cơ sở sản xuất gạch nung bằng đất sét có sử dụng nhiên liệu hóa thạch truyền thống.

Trong bối cảnh trên, và thực tế là sự chấp nhận của thị trường và chia sẻ thị phần gạch không nung trên thị trường vẫn còn

rất thấp, PoA này hỗ trợ thay thế gạch đất sét nung dựa trên việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch bằng gạch không nung. PoA đóng góp cho việc phát triển bền vững ở Việt Nam theo như định nghĩa của tiêu chí phát triển bền vững của Việt Nam.

c. Khẳng định rằng PoA là hoạt động tự nguyện thực hiện bởi cơ quan điều phối PoA

Hiện tại, vẫn chưa có quy định nào cấm các cơ sở sản xuất gạch nung hay yêu cầu việc sản xuất gạch không nung tại Việt Nam.

Đóng góp vào phát triển bền vững

PoA thúc đẩy các công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường. Các công nghệ này được CPA áp dụng trong PoA này sẽ không bao gồm giai đoạn nung mà được áp dụng trong sản xuất gạch nung và vì thế CPA của PoA góp phần vào việc bảo tồn năng lượng và nhiên liệu hóa thạch (than đá). Bằng việc thay thế gạch nung trên thị trường vật liệu, PoA góp phần bảo vệ môi trường bằng cách giảm thiểu các hoạt động có hại đến môi trường như là bào mòn lớp đất bề mặt dẫn tới suy thoái đất, và ô nhiễm không khí do phát thải. Hơn thế nữa, do các vật liệu thay thế được sản xuất từ rác thải công nghiệp và phụ phẩm, các tác động môi trường từ chôn lấp rác thải công nghiệp không đúng quy trình cũng được giảm nhẹ thông qua việc thực hiện PoA.

Về mặt xã hội, các CPA của PoA tạo ra cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp nhỏ. Khi sản xuất và điều hành các nhà máy sản xuất gạch nung, người lao động thường phải làm việc trong điều kiện có hại cho sức khỏe do việc thiết kế lò không an toàn với người lao động và việc đốt nhiên liệu hóa thạch. Ngược lại, các nhà máy sản xuất gạch không nung có ưu điểm hơn là được thiết kế đảm bảo điều kiện làm việc an toàn cho người lao động.

d. Cơ quan điều phối/quản lý và thành phần tham gia PoA

Các cơ quan tham gia vào PoA được thể hiện trong bảng sau:

Quốc gia	Đơn vị tham gia
Việt Nam (chủ nhà)	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tư vấn Thương mại và Đầu tư (INTRACO)
Anh và Bắc Ailen	ENECO Energy Trade B.V.
Anh và Bắc Ailen	EnBW Trading GmbH

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tư vấn Thương mại và Đầu tư (INTRACO) là một công ty tư nhân đăng ký tại Việt Nam và là một thành viên của PoA. INTRACO cũng là đơn vị đầu mối của PoA.
- ENECO Energy Trade B.V. là một công ty tư nhân đăng ký tại Hà Lan và là một thành viên của PoA.
- EnBW Trading GmbH là một công ty tư nhân đăng ký tại Đức và là một thành viên của PoA.

e. Địa điểm thực hiện PoA

PoA được thực hiện tại Việt Nam, trừ các tỉnh sau: Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long. Các chính sách quốc gia và ngành của các ngành liên quan ví dụ như sản xuất gạch cũng là tại Việt Nam.

2. Chương trình các hoạt động phát triển sản xuất nhiệt từ sinh khối

“Chương trình các hoạt động phát triển sản xuất nhiệt từ sinh khối” quản lý bởi INTRACO (gọi là PoA). PoA này hỗ trợ việc thay thế các trang thiết bị đốt cháy nhiên liệu hóa thạch để tạo ra hơi nước/nhiệt hiện tại hoặc sẽ được sử dụng trong các cơ sở công nghiệp tại các tỉnh tại Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu về hơi nước cho sản xuất công nghiệp. Mỗi dự án CDM quy mô nhỏ (CPA)

thuộc PoA này bao gồm một hoặc nhiều hơn các cơ sở sản xuất năng lượng sinh khối trong phạm vi một dự án CDM quy mô nhỏ.

a. Khung thực hiện và hoạt động PoA

PoA được hoạt động và thực hiện bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tư vấn Thương mại và Đầu tư (gọi tắt là INTRACO). INTRACO là cơ quan điều phối/quản lý (gọi tắt là CME). INTRACO làm việc chặt chẽ với các nhà xây dựng các hệ thống sản xuất nhiệt dựa vào sinh khối và các tổ chức khác tại Việt Nam để tạo thuận lợi cho việc xây dựng các hệ thống dựa vào sinh khối và tích hợp các dự án như vậy vào PoA. INTRACO đóng vai trò là cơ quan đầu mối với Ban điều hành CDM trong tất cả các khâu từ phê chuẩn, đăng ký, lồng ghép và thẩm định tín chỉ các-bon tạo ra bởi PoA này.

b. Mục tiêu của PoA

Mục tiêu của PoA là nhằm thay thế việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất nhiệt thông qua Chương trình các hoạt động sản xuất nhiệt dựa vào sinh khối quản lý bởi INTRACO. Trong các hoạt động dự án, sinh khối sẽ được sử dụng như là một nhiên liệu thay thế trong quá trình tạo ra hơi nước hoặc nhiệt. PoA sẽ phần nào làm giảm việc tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch so với kịch bản khi không thực hiện CPA thuộc PoA. Theo cách này, PoA sẽ giúp giảm phát thải KNK do giảm việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch và giảm nhu cầu nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất nhiệt/hơi nước. PoA sẽ đóng góp cho việc phát triển bền vững ở Việt Nam như định nghĩa của tiêu chí phát triển bền vững của Việt Nam.

Đóng góp vào phát triển bền vững

Lợi ích kinh tế: PoA hỗ trợ việc sử dụng các công nghệ sạch hơn, hiệu quả hơn và thân thiện với môi trường hơn, những công nghệ này sử dụng sinh khối như là một nguồn nhiên liệu mới. Nó thay thế việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch nhập khẩu, giúp Việt Nam giảm thâm hụt ngân sách hiện tại và đẩy mạnh sử dụng năng

lượng tái tạo. Hơn thế nữa, chương trình này thông qua các hoạt động dự án sẽ làm tăng đầu tư thông qua việc xây dựng các nhà máy, mua bán máy móc, hệ thống dự trữ và vận chuyển mang lại nhiều cơ hội việc làm.

Lợi ích môi trường: tại cấp độ quốc gia, PoA phải tuân thủ theo các chính sách và tiêu chuẩn môi trường được đưa ra bởi Chính phủ. PoA cũng đẩy mạnh việc sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên bằng cách sử dụng nguồn rác thải sinh khối. Tại cấp độ địa phương, PoA sẽ nâng cao chất lượng môi trường địa phương thông qua việc giảm ô nhiễm không khí và đảm bảo rằng nguồn sinh khối như trấu và mùn cưa sẽ được xử lý đúng cách thông qua việc đốt cháy có quản lý. Việc đốt sinh khối, ở mặt nào đó được giả định rằng lượng CO₂ từ việc đốt cháy sinh khối của PoA sẽ tương đương với lượng CO₂ được hấp thụ bởi sinh khối thông qua quá trình quang hợp trong suốt thời gian sinh trưởng của nó, và vì thế coi như lượng phát thải là bằng 0 và không tạo ra các chất gây ô nhiễm như sulfur, không giống như việc đốt cháy nhiên liệu hóa thạch.

Lợi ích xã hội: PoA sẽ góp phần tăng thu nhập cho nông dân. Trấu, trước đây là rác thải từ quá trình xay gạo và thường bị bỏ đi và để cho tự phân hủy, giờ đây lại có thể được bán cho những người sử dụng công nghệ sinh khối. Tại cấp địa phương, các hoạt động dự án bao gồm việc giáo dục và chương trình tập huấn cho người dân địa phương về cách vận hành và duy trì cơ sở sản xuất.

Việc đóng góp cho phát triển bền vững đã được khẳng định bởi Cơ quan Thẩm quyền Quốc gia (DNA) của nước chủ nhà tại văn bản chấp thuận ngày 21/09/2011.

c. Khẳng định rằng PoA là hoạt động tự nguyện thực hiện bởi cơ quan điều phối PoA

PoA là hoạt động tự nguyện được điều phối và quản lý bởi INTRACO. Việc thực hiện các hệ thống dựa vào sinh khối thuộc

PoA này không được quy định trong luật pháp Việt Nam. Nói chung, không có một yêu cầu bắt buộc nào tại Việt Nam đối với việc sử dụng nhiên liệu sinh khối trong hệ thống sản xuất hơi nước. Việc khẳng định rằng PoA là hoạt động tình nguyện của Cơ quan điều phối/quản lý là dựa trên quyết định ngày 18/04/2011.

d. Cơ quan điều phối/quản lý và thành phần tham gia PoA

Các cơ quan tham gia vào PoA được thể hiện trong bảng sau:

Quốc gia	Đơn vị tham gia
Việt Nam (chủ nhà)	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tư vấn Thương mại và Đầu tư (INTRACO)

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tư vấn Thương mại và Đầu tư (INTRACO) là một công ty tư nhân đăng ký tại Việt Nam và là một thành viên của PoA. INTRACO cũng là đơn vị đầu mối của PoA.

e. Địa điểm thực hiện PoA

PoA được thực hiện trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Các chính sách quốc gia và ngành của các ngành liên quan cũng là tại Việt Nam. Trong PoA này, sẽ không có sự khác biệt nào trong chính sách quốc gia và chính sách ngành giữa các khu vực hoặc tỉnh.

MỘT SỐ SẢN PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG
SỐ 23 NGÕ 62 NGUYỄN CHÍ THANH, ĐÓNG ĐÀ, HÀ NỘI, VIỆT NAM
TEL.: (84-4) 3773 3090 FAX: (84-4) 3835 5993
Email: vkttv@monre.gov.vn; imhen@imh.ac.vn
Website: www.imh.ac.vn